

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
CỤC TIN HỌC HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 220 /THH-CSCNTT

Hà Nội, ngày 3 tháng 3 năm 2021

V/v Xin ý kiến góp ý lần 2 dự thảo Tờ trình,
dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ
điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn
2021-2025, định hướng đến năm 2030

Kính gửi: Câu lạc bộ Phần mềm tự do nguồn mở (VFOSSA)

Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao, trong thời gian qua, Bộ Thông tin và Truyền thông đã phối hợp với các bộ, ngành, địa phương, các tổ chức, doanh nghiệp xây dựng dự thảo Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và đã gửi xin ý kiến góp ý chính thức của Quý Cơ quan vào tháng 6/2020.

Căn cứ ý kiến góp ý của các cơ quan, Bộ Thông tin và Truyền thông đã nghiên cứu, hoàn thiện dự thảo Tờ trình Thủ tướng Chính phủ, dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 (gọi tắt là Chiến lược).

Để tiếp tục hoàn thiện dự thảo Chiến lược trước khi trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Cục Tin học hóa trân trọng gửi Quý Cơ quan bộ hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược để cho ý kiến góp ý. Ý kiến góp ý bằng văn bản của Quý Cơ quan đề nghị gửi về Cục Tin học hóa trước ngày 09/3/2021. Sau thời hạn này, nếu không nhận được ý kiến góp ý, Cục Tin học hóa xin hiểu là Quý Cơ quan đã nhất trí với Dự thảo.

Thông tin chi tiết xin liên hệ Cục Tin học hóa (anh Nguyễn Thanh Thảo, điện thoại: 090. 4136368; thư điện tử: ntthao@mic.gov.vn).

Tài liệu gửi kèm gồm (bản điện tử):

- 1) Dự thảo Tờ trình Thủ tướng Chính phủ;
- 2) Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược;
- 3) Báo cáo xây dựng Chiến lược.

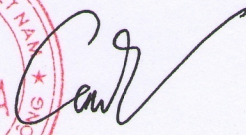
Trân trọng./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thứ trưởng Nguyễn Huy Dũng (để b/c);
- Lưu: VT, THH (CSCNTT).

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG




Đỗ Công Anh

Số: /TTr-BTTTT

Hà Nội, ngày tháng 02 năm 2021

TỜ TRÌNH

**Về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử
hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030**

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ Thông tin và Truyền thông đã xây dựng Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

Bộ Thông tin và Truyền thông xin báo cáo như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH

1. Văn bản căn cứ

a) Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư xác định mục tiêu đến năm 2025 “Cơ bản hoàn thành chuyển đổi số trong các cơ quan đảng, nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội; Thuộc nhóm 4 nước dẫn đầu ASEAN trong xếp hạng chính phủ điện tử theo đánh giá của Liên hợp quốc”, đến năm 2030 “Hoàn thành xây dựng Chính phủ số” tại Việt Nam.

b) Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 (Nghị quyết số 01/NQ-CP) xác định rõ: “Ưu tiên nguồn lực, tập trung triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ xây dựng Chính phủ điện tử; đẩy mạnh việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng Chính phủ điện tử trên cơ sở cải cách hành chính, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ, hướng tới Chính phủ số, nền kinh tế số và xã hội số”; giao Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì xây dựng Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến 2030.

c) Văn bản số 139/TB-VPCP ngày 03/4/2020 của Văn phòng Chính phủ thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị trực tuyến Ủy ban quốc gia về Chính phủ điện tử ngày 12/02/2020, giao Bộ Thông tin và Truyền thông tập trung xây dựng Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

d) Văn bản số 339/TB-VPCP ngày 22/9/2020 của Văn phòng Chính phủ thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị trực tuyến Ủy ban quốc gia về Chính phủ điện tử ngày 26/8/2020, giao Bộ Thông tin và Truyền thông hoàn thiện dự thảo, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

2. Bối cảnh và thời cơ

Trong những năm qua, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển Chính phủ điện tử luôn được Đảng, Nhà nước quan tâm nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước, chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp, năng lực cạnh tranh của quốc gia.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản xác định những mục tiêu, nội dung phát triển Chính phủ điện tử, gần đây nhất là Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến năm 2025; Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

Thực hiện các Chương trình, Nghị quyết trên, các bộ, ngành, địa phương đã nỗ lực triển khai Chính phủ điện tử và đã đem lại những kết quả tích cực. Chỉ số phát triển Chính phủ điện tử của Việt Nam theo đánh giá của Liên hợp quốc trong 193 quốc gia từ năm 2014 đến năm 2020 tăng 13 bậc, từ xếp hạng thứ 99 lên xếp hạng thứ 86.

Tuy nhiên, phát triển Chính phủ điện tử nước ta vẫn tồn tại nhiều hạn chế lớn như tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 và tỷ lệ hồ sơ điện tử còn thấp; các cơ sở dữ liệu quốc gia, hệ thống nền tảng Chính phủ điện tử chậm được triển khai; an toàn, an ninh mạng còn nhiều thách thức; việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các bộ, ngành, địa phương còn hạn chế, các hệ thống thông tin phân mảnh, trùng lặp, cát cứ dữ liệu.

Một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến hạn chế trên là do thiếu một bản chiến lược tổng thể. Các văn bản đã được ban hành chủ yếu là các nội dung kế hoạch triển khai Chính phủ điện tử trong các giai đoạn. Khi có chiến lược tổng thể, sẽ xác định được tầm nhìn, mục tiêu, trách nhiệm triển khai các nội dung theo một lộ trình, bảo đảm việc triển khai được đồng bộ, kế thừa, kết nối, phát triển cả chiều sâu, chiều rộng.

Dịch bệnh Covid-19 diễn ra đã làm nổi bật vai trò quản lý, điều hành của Chính phủ, các cơ quan nhà nước từ Trung ương xuống địa phương. Thông qua công tác phòng, chống đại dịch Covid-19, càng chứng minh vai trò Lãnh đạo, chỉ đạo tập trung, thống nhất của Đảng, Chính phủ, toàn bộ hệ thống chính trị, nhân

dân cùng đồng lòng, thống nhất thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đề ra. Tuy nhiên, thông qua đây cũng nhận thấy những hạn chế nhất định trong công tác tin học hóa, hoạch định chính sách, các cơ sở dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành và hỗ trợ ra quyết định, xây dựng chính sách của các cơ quan nhà nước. Chính vì vậy, đặt ra yêu cầu bắt buộc phải thực hiện chuyển đổi số nhanh, sớm dịch chuyển từ Chính phủ điện tử sang Chính phủ số.

Hiện nay, đại dịch Covid-19 vẫn diễn biến phức tạp, khó lường, Chính phủ yêu cầu bảo đảm an toàn trong phòng chống dịch bệnh, đồng thời bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội, do vậy, hoạt động của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp chuyển dịch lên môi trường số một cách nhanh chóng là yêu cầu cấp thiết. Phát huy lợi thế này, cần đẩy nhanh cung cấp toàn bộ dịch vụ công trực tuyến mức độ cao, ứng dụng các công nghệ số để số hóa, xây dựng dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, hỗ trợ ra quyết định và cung cấp các dịch vụ chất lượng cho người dân, doanh nghiệp; huy động sự tham gia rộng rãi của xã hội trong cung cấp dịch vụ. Đồng thời, đẩy nhanh tiến trình phát triển Chính phủ số giúp tối ưu hóa vận hành của Chính phủ, các cơ quan nhà nước, hỗ trợ Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương giải quyết các vấn đề lớn của quốc gia có tác động tới đời sống người dân, kinh tế - xã hội của quốc gia như bảo đảm an ninh, trật tự xã hội, y tế, giáo dục, nông nghiệp, thương mại, giao thông vận tải,...

Trong bối cảnh đó, Bộ Thông tin và Truyền thông nhận thấy Quốc gia cần có một bản chiến lược và cần nhanh chóng xây dựng để tổ chức triển khai ngay. Chính vì vậy, Bộ Thông tin và Truyền thông đã xây dựng, tổ chức lấy ý kiến các cơ quan liên quan, trình Thủ tướng Chính phủ sớm ban hành.

II. KINH NGHIỆM QUỐC TẾ

Trong quá trình nghiên cứu xây dựng dự thảo Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là dự thảo Chiến lược), Bộ Thông tin và Truyền thông đã tổ chức nghiên cứu, đánh giá, tìm hiểu xu thế phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số của các quốc gia, tổ chức quốc tế. Xin báo cáo Thủ tướng Chính phủ một số nội dung cơ bản:

1. Các mức độ phát triển

Tiến trình Chính phủ ứng dụng công nghệ thông tin và thành tựu công nghệ số mới nhất vào hoạt động của mình, từ đó, từng bước tiến hoá, chuyển đổi cách thức quản lý, vận hành, phục vụ người dân và doanh nghiệp đã và đang diễn ra nhiều năm qua với các mức độ phát triển khác nhau. Khi nghiên cứu, đánh giá về vấn đề này, một số tổ chức quốc tế (World Bank, OECD) và tổ chức tư vấn (chẳng hạn Gartner) đã đưa ra bộ khung tham chiếu về các mức độ phát triển. Tuy phương pháp luận là khác nhau, nhưng các nghiên cứu thống nhất xác định 3 mức độ phát triển như sau:

a) Chính phủ điện tử. Ở mức độ phát triển này, Chính phủ tập trung vào việc số hoá các nguồn tài nguyên, ứng dụng công nghệ thông tin, tin học hoá quy

trình nghiệp vụ đã có nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động, tập trung cung cấp dịch vụ trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp.

b) Chính phủ số. Đây là giai đoạn phát triển cao hơn của Chính phủ điện tử, phản ánh mức độ trưởng thành hơn về chuyển đổi số trong Chính phủ. Ở mức độ phát triển này, Chính phủ hoạt động, vận hành, ban hành chính sách, đưa ra quyết định chỉ đạo điều hành và cung cấp các dịch vụ số một cách chủ động theo nhu cầu của người dân, doanh nghiệp, tối ưu dựa trên năng lực khai thác và phân tích dữ liệu, trú trọng tới cung cấp thêm các dịch vụ mới, sáng tạo dựa trên nhu cầu của người dân, doanh nghiệp. Để tiến tới mức độ phát triển này, cơ quan nhà nước các cấp từng bước mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở. Hoạt động này cũng thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số. Chính phủ điện tử chủ yếu sử dụng công nghệ thông tin - truyền thông để tin học hoá quy trình nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, Chính phủ số sử dụng dữ liệu số, công nghệ số (bao gồm công nghệ thông tin - truyền thông và các công nghệ như trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu lớn, điện toán đám mây, IoT,...) để đưa toàn bộ hoạt động lên môi trường số, thiết kế, tối ưu hóa vận hành của tổ chức, cung cấp dịch vụ chất lượng hơn, đưa ra quyết định kịp thời hơn, hoạch định chính sách tốt hơn, sử dụng nguồn lực tối ưu hơn, kiến tạo phát triển, dẫn dắt chuyển đổi số và giải quyết các vấn đề lớn trong phát triển và quản lý kinh tế - xã hội của quốc gia;

c) Chính phủ thông minh. Ở mức độ phát triển này, Chính phủ kiến tạo sự phát triển bền vững, cung cấp các dịch vụ đổi mới, sáng tạo, có tính dự báo trước cho người dân và doanh nghiệp dựa trên các công nghệ số và mô hình cung cấp dịch vụ mới, được tối ưu hoá.

Các mức độ phát triển nói trên không mang tính tuần tự, không mang tính phủ định lẫn nhau. Ngay ở mức độ phát triển Chính phủ điện tử đã hình thành các yếu tố của Chính phủ số và Chính phủ thông minh. Ngược lại, ở mức độ phát triển Chính phủ số và Chính phủ thông minh vẫn có đầy đủ các đặc trưng của Chính phủ điện tử.

2. Xu hướng phát triển trên thế giới

Trong 20 năm qua, hầu hết các nước trên thế giới đều đã tuyên bố và triển khai các chương trình phát triển Chính phủ điện tử. Nhưng kể từ khi xuất hiện các công nghệ đột phá, được biết đến với tên gọi chung là cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tiến trình chuyển đổi hoạt động của mọi cơ quan, tổ chức lên môi trường số một cách toàn diện có cơ hội tăng tốc, bứt phá. Nhiều nước trên thế giới sớm nhận ra xu hướng này và đã có hành động cụ thể chuyển dịch sang phát triển Chính phủ số bằng cách tuyên bố chiến lược, kế hoạch tổng thể phát triển của quốc gia mình, điển hình như Singapore (tháng 6/2018), Úc (tháng 12/2018), Thái Lan (tháng 10/2019), Nhật Bản (tháng 12/2019), Indonesia (tháng 02/2020), Malaysia (tháng 2/2016), Brunei (tháng 3/2015),...

Các kế hoạch, chiến lược của các quốc gia cơ bản đều có đặc điểm chung:

- Thời gian thực hiện là 05 năm hoặc ngắn hơn do ý thức được sự thay đổi

nhANH chóng về mặt công nghệ, chiến lược của các nước đều nhấn mạnh đến khả năng thay đổi, thích ứng linh hoạt;

- Trong sự chuyển dịch từ Chính phủ điện tử sang Chính phủ số, các nước đều nhấn mạnh đến vai trò của dữ liệu như là “dầu mỏ”, là “năng lượng” tạo động lực cho sự chuyển đổi và chú trọng phân tích dữ liệu và tận dụng hiệu quả các công nghệ số. Phân tích dữ liệu, dựa trên dữ liệu và công nghệ số để thiết kế, chuyển đổi mô hình hoạt động, phương thức vận hành và cung cấp dịch vụ theo hướng tối ưu, chất lượng hơn, ra quyết định linh hoạt, kịp thời hơn, tối ưu hóa nguồn lực quốc gia, giải quyết những vấn đề lớn mang tính quốc gia để nâng cao đời sống người dân, bảo đảm an toàn xã hội và phát triển kinh tế - xã hội.

Xu hướng chuyển đổi số là xu hướng lớn, xảy ra trên bình diện thế giới, mang tính không thể đảo ngược, nhất là với bối cảnh đại dịch Covid-19 vẫn rất phức tạp, càng thúc đẩy các quốc gia chuyển đổi mạnh mẽ hơn. Quốc gia nào kịp thời nắm bắt, đi nhanh, đi trước sẽ thu được lợi ích lớn hơn, đi trước những quốc gia còn chần chừ. Vì vậy, việc phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số ở nước ta có tầm quan trọng đặc biệt, mang lại hiệu ứng lan tỏa, đẩy nhanh tiến trình cải cách, dẫn dắt chuyển đổi số, kiến tạo phát triển, thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số để xây dựng đất nước phát triển, thịnh vượng.

III. SỰ KHÁC BIỆT CĂN BẢN GIỮA CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ VÀ CHÍNH PHỦ SỐ

- Về khái niệm: Chính phủ điện tử là Chính phủ ứng dụng CNTT nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước, tăng cường công khai, minh bạch thông tin, cung cấp dịch vụ công tốt hơn cho người dân và doanh nghiệp. Chính phủ số là chính phủ số có toàn bộ hoạt động an toàn trên môi trường số, có mô hình hoạt động được thiết kế và vận hành dựa trên dữ liệu và công nghệ số, để có khả năng cung cấp dịch vụ chất lượng hơn, đưa ra quyết định kịp thời hơn, ban hành chính sách tốt hơn, sử dụng nguồn lực tối ưu hơn, kiến tạo phát triển, dẫn dắt chuyển đổi số, giải quyết hiệu quả những vấn đề lớn trong phát triển và quản lý kinh tế - xã hội.

- Chính phủ điện tử tập trung tin học hóa quy trình nghiệp vụ đã có để cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp. Chính phủ số chuyển đổi toàn bộ hoạt động của cơ quan nhà nước lên môi trường số, cung cấp dịch vụ chất lượng hơn dựa trên nhu cầu của người dân, cắt giảm thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ mới dựa trên việc khai thác, sử dụng sức mạnh của dữ liệu. Chính phủ số giúp thiết kế, vận hành tổ chức tốt hơn, sử dụng nguồn lực tối ưu hơn và giải quyết những vấn đề lớn trong phát triển và quản lý kinh tế - xã hội. Chuyển đổi cách thức ra quyết định của cơ quan nhà nước từ dựa trên báo cáo giấy sang dựa trên dữ liệu.

- Chính phủ điện tử sử dụng công nghệ thông tin - truyền thông (ICT) để phát triển các phần mềm, hệ thống thông tin ứng dụng trong hoạt động của cơ quan nhà nước. Chính phủ số sử dụng công nghệ số (gồm công nghệ thông tin -

truyền thông và các công nghệ như trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây, phân tích dữ liệu lớn,...) để xây dựng các nền tảng giúp phát triển nhanh, tối ưu hóa quy trình, dữ liệu để cung cấp các dịch vụ mới.

- Thước đo chính của Chính phủ điện tử là số lượng dịch vụ công trực tuyến được cung cấp. Trong khi, thước đo chính của Chính phủ số là số lượng thủ tục hành chính được cắt giảm, số dịch vụ mới được cung cấp thêm, sự tham gia của tổ chức ngoài nhà nước vào cung cấp dịch vụ, mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở và các vấn đề lớn của quốc gia được giải quyết tốt hơn thông qua sử dụng dữ liệu và công nghệ số.

IV. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CHIẾN LƯỢC

Dự thảo Chiến lược chi tiết kính trình Thủ tướng kèm theo. Bộ Thông tin và Truyền thông xin tóm tắt một số nội dung cơ bản sau:

1. Quan điểm

Chiến lược xác định 06 quan điểm sau:

- Phát triển chính phủ số có toàn bộ hoạt động an toàn trên môi trường số, có mô hình hoạt động được thiết kế và vận hành dựa trên dữ liệu và công nghệ số, để có khả năng cung cấp dịch vụ chất lượng hơn, đưa ra quyết định kịp thời hơn, ban hành chính sách tốt hơn, sử dụng nguồn lực tối ưu hơn, kiến tạo phát triển, dẫn dắt chuyển đổi số, giải quyết hiệu quả những vấn đề lớn trong phát triển và quản lý kinh tế - xã hội.

- Tiên phong phát triển chính phủ số một cách tổng thể, toàn diện, tập trung nguồn lực, huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị, có giải pháp, cách làm đột phá, mang tính khác biệt, để cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu phát triển chính phủ điện tử vào năm 2021 và hình thành Chính phủ số vào năm 2025.

- Định hướng mở để người dân, doanh nghiệp và tổ chức khác tham gia một cách phù hợp vào hoạt động của cơ quan nhà nước, tương tác với cơ quan nhà nước để cùng tăng cường minh bạch, nâng cao chất lượng dịch vụ, cùng giải quyết vấn đề và cùng tạo ra giá trị cho xã hội.

- Dữ liệu là tài nguyên mới. Cơ quan nhà nước mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

- Nền tảng là giải pháp đột phá. Kết hợp mô hình tập trung và phân tán, tuân thủ Khung Kiến trúc quốc gia và Kiến trúc của các bộ, ngành, địa phương. Phát triển các nền tảng theo hướng cung cấp dịch vụ đồng bộ, thông suốt các cấp hành chính để có thể sử dụng tại mọi nơi. Các nền tảng, ứng dụng và dịch vụ quy mô quốc gia phải được làm trước, làm tốt, làm tập trung.

- Thị trường trong nước nuôi dưỡng, phát triển sản phẩm công nghệ số Make in Việt Nam, từ đó vươn ra khu vực và thế giới. Chính phủ chủ động điều phối, quy hoạch, triển khai các hoạt động mang tính định hướng, kiến tạo thị trường nhằm mục tiêu kép vừa phát triển Chính phủ số, vừa phát triển doanh

ng nghiệp công nghệ số Việt Nam. Doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam làm chủ, phát triển các công nghệ lõi, nền tảng mở phục vụ Chính phủ số, hình thành hệ sinh thái ứng dụng, dịch vụ Make in Việt Nam.

2. Tầm nhìn 2030

Việt Nam có chỉ số phát triển chính phủ điện tử, chính phủ số ở mức độ cao trên thế giới, thuộc nhóm 30 nước dẫn đầu theo xếp hạng của Liên Hiệp Quốc.

Chính phủ số chuyển đổi cách thức phục vụ người dân, doanh nghiệp và người dân, doanh nghiệp tham gia nhiều hơn vào hoạt động của cơ quan nhà nước để cùng tạo ra giá trị, lợi ích, sự hài lòng, niềm tin và đồng thuận xã hội.

Chính phủ số chuyển đổi cách thức tổ chức, vận hành, môi trường làm việc và công cụ làm việc để cán bộ, công chức, viên chức có thể thực hiện tốt nhất nhiệm vụ của mình.

3. Mục tiêu chiến lược

Chiến lược xác định 06 nhóm mục tiêu, bao gồm:

a) Cung cấp dịch vụ chất lượng phục vụ xã hội, trong đó một số chỉ tiêu cơ bản như:

- 100% người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương.

- Tối thiểu 80% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến.

- Tối thiểu 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.

- Tối thiểu 20% thủ tục hành chính của các cơ quan nhà nước được cắt giảm.

b) Huy động rộng rãi sự tham gia của xã hội, với các chỉ tiêu cơ bản như:

- 100% cơ quan nhà nước cấp bộ, tỉnh tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

- Tối thiểu 50% dịch vụ công mới của cơ quan nhà nước có sự tham gia cung cấp của doanh nghiệp hoặc tổ chức ngoài nhà nước.

- 100% cổng dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh hỗ trợ người dân, doanh nghiệp khả năng tương tác thuận tiện, trực tuyến với cơ quan nhà nước trong các hoạt động quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ dựa trên các nền tảng công nghệ số.

c) Vận hành tốt ưu hoạt động của cơ quan nhà nước, với các chỉ tiêu cơ bản như:

- 100% cơ quan nhà nước cung cấp dịch vụ 24/7, sẵn sàng phục vụ trực tuyến bất cứ khi nào người dân và doanh nghiệp cần.

- 100% hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước được thực hiện trên nền tảng quản trị tổng thể, thống nhất.

- 100% công tác báo cáo được thực hiện trên hệ thống thông tin báo cáo quốc gia.

- 100% cơ quan nhà nước cấp bộ, tỉnh có nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung, có ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa hoạt động.

- Tối thiểu 50% hoạt động giám sát, kiểm tra của cơ quan quản lý được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- Tối thiểu 70% nội dung chương trình đào tạo, thi tuyển, thi nâng ngạch quản lý nhà nước ngạch chuyên viên, chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp hoặc tương đương được thực hiện trực tuyến.

- 50% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số.

d) Giải quyết các vấn đề lớn trong phát triển kinh tế - xã hội, trong đó mục tiêu tập trung giải quyết một số vấn đề lớn như: phát triển hạ tầng số cho người dân (mỗi người dân có danh tính số, điện thoại thông minh), bảo đảm quyền riêng tư trên môi trường số, các vấn đề về y tế, sức khỏe người dân; giáo dục, cơ hội học tập suốt đời; nông nghiệp; việc làm; giao thông vận tải; thương mại,...

đ) Mục tiêu thay đổi đột phá thứ hạng quốc gia, với các mục tiêu cơ bản như:

- Việt Nam thuộc nhóm 50 nước dẫn đầu về chỉ số tổng thể.

- Việt Nam thuộc nhóm 50 nước dẫn đầu về chỉ số tham gia điện tử.

- Việt Nam thuộc nhóm 50 nước dẫn đầu về chỉ số dữ liệu mở

4. Giải pháp bảo đảm tính khả thi của Chiến lược

Để xây dựng Chính phủ số thành công, dự thảo Chiến lược xác định một số giải pháp chính như sau:

- Thứ nhất, khẳng định cam kết chính trị của người đứng đầu Chính phủ. Tập trung nguồn lực, huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị, tiên phong triển khai công nghệ số, phát triển chính phủ số một cách tổng thể, toàn diện, sử dụng giải pháp, cách làm mang tính đột phá (như bảo đảm tối thiểu 1% ngân sách nhà nước cho chuyển đổi số, chính phủ số, chính quyền số; tất cả các ngành, các cấp xây dựng kế hoạch hành động thực hiện; thay đổi cách làm hệ thống bằng làm nền tảng).

- Thứ hai, đồng thời phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam để làm chủ công nghệ, phát triển các công nghệ lõi, nền tảng mở phục vụ Chính phủ số; phát triển sản phẩm công nghệ số Make in Viet Nam để vươn ra khu vực và thế giới. Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

- Thứ ba, thay đổi cách làm xây dựng hệ thống, ứng dụng riêng lẻ, phân tán sang làm nền tảng, có tính ưu tiên, tập trung dứt điểm để tạo hiệu ứng lan tỏa; kết hợp mô hình tập trung, phân tán, tuân thủ Khung Kiến trúc quốc gia, kiến trúc các bộ, ngành, địa phương.

5. Các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

Để thực hiện các mục tiêu chiến lược, dự thảo xác định 06 nhóm nhiệm vụ trọng tâm quốc gia (*hoàn thiện thể chế, phát triển hạ tầng số, phát triển các nền tảng số, phát triển dữ liệu số, phát triển các ứng dụng, dịch vụ quy mô quốc gia và các hệ thống bảo đảm an toàn, an ninh mạng quốc gia*), 06 nhóm nhiệm vụ cho các bộ, ngành địa phương và 10 giải pháp chủ yếu.

Trong đó, một số nhiệm vụ, giải pháp cốt lõi như: Sửa đổi, bổ sung Luật Giao dịch điện tử; Luật Lưu trữ theo hướng tạo thuận lợi phát triển Chính phủ số; Phát triển Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước kết nối 04 cấp từ Trung ương đến cấp xã; Xây dựng nền tảng điện toán đám mây Chính phủ; Phát triển Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia, nền tảng trao đổi định danh và xác thực điện tử quốc gia, Nền tảng ứng dụng trên thiết bị di động cho mọi dịch vụ Chính phủ điện tử, Chính phủ số; Hoàn thiện CSDL quốc gia về dân cư, đất đai, doanh nghiệp, coi đây là dữ liệu trụ cột, cốt lõi cần phải hoàn thành, đưa vào khai thác sớm; phát triển các dữ liệu chuyên ngành về tài chính, bảo hiểm, nông nghiệp, giáo dục, y tế, việc làm và an sinh xã hội,...; Phát triển, hoàn thiện Cổng Dịch vụ công quốc gia; Xây dựng Cổng dữ liệu quốc gia; Xây dựng Hệ thống hợp trực tuyến, Hệ thống hỗ trợ làm việc từ xa; Xây dựng hệ thống hỗ trợ giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng phục vụ Chính phủ số; Kện toàn tổ chức, thiết lập mạng lưới chuyên trách từ Trung ương đến địa phương để phục vụ triển khai chính phủ số và chuyển đổi số; đào tạo bồi dưỡng kiến trúc Chính phủ số, kỹ năng số trên môi trường số cho cán bộ lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan nhà nước; tổ chức tôn vinh các dịch vụ, sản phẩm chính phủ số tốt nhất; nghiên cứu, phát triển và làm chủ công nghệ số; chuẩn hóa, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ; bảo đảm kinh phí hàng năm tối thiểu 1% ngân sách nhà nước; xây dựng công cụ đo lường, giám sát tự động; đánh giá, đo lường hiệu quả các dự án đầu tư; thiết lập cơ chế điều hành, tổ chức thực thi mạnh từ trung ương đến địa phương;

V. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG

Trong quá trình xây dựng dự thảo Chiến lược, Bộ Thông tin và Truyền thông đã tiến hành đánh giá tình hình triển khai Chính phủ điện tử trong thời gian qua, tổ chức lấy ý kiến các chuyên gia trong nước, quốc tế, có văn bản xin ý kiến các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp, hội, hiệp hội và đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Thông tin và Truyền thông để lấy ý kiến người dân, doanh nghiệp.

Bộ Thông tin và Truyền thông đã nhận được ý kiến góp ý của 27 bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung

ương; các hội, hiệp hội (Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Hội Tin học Việt Nam, Hội Truyền thông số Việt Nam, Câu lạc bộ Phần mềm tự do nguồn mở Việt Nam, Hội Tin học thành phố Hồ Chí Minh, Hiệp hội phần mềm và dịch vụ công nghệ thông tin Việt Nam,...); các doanh nghiệp (Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội, Tập đoàn Bưu Chính Viễn thông Việt Nam, Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam, Công ty Cổ phần FPT,...). Ngoài ra, Bộ Thông tin và Truyền thông đã tổ chức Hội thảo xin ý kiến góp ý của các doanh nghiệp và cơ quan nhà nước.

Về cơ bản, các tổ chức, cá nhân đều nhất trí với sự cần thiết ban hành Chiến lược và các nội dung trong dự thảo Chiến lược.

Các ý kiến góp ý cụ thể đã được Bộ Thông tin và Truyền thông nghiên cứu, xem xét, tiếp thu trong quá trình hoàn thiện dự thảo Chiến lược (Bảng tổng hợp ý kiến góp ý và giải trình tiếp thu ý kiến trình kèm theo). Bộ Thông tin và Truyền thông báo cáo một số ý kiến góp ý, tiếp thu, điều chỉnh căn bản như sau:

- Về nhiệm vụ xây dựng Chiến lược: Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ giao tại Nghị quyết số 01/NQ-CP, ban đầu Bộ Thông tin và Truyền thông dự thảo nội dung Chiến lược được ban hành dưới dạng Nghị quyết của Chính phủ về phát triển Chính phủ số, tuy nhiên, một số cơ quan có ý kiến góp ý cân nhắc hình thức, tên dự thảo Chiến lược sao cho phù hợp với nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao. Tiếp thu ý kiến này, Bộ Thông tin và Truyền thông đã điều chỉnh dự thảo văn bản ban hành Chiến lược dưới dạng Quyết định của Thủ tướng Chính phủ theo đúng nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2020 và ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 339/TB-VPCP ngày 22/9/2020 của Văn phòng Chính phủ thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị trực tuyến Ủy ban quốc gia về Chính phủ điện tử ngày 26/8/2020;

- Về sự đồng bộ với các chương trình, quy hoạch phát triển của ngành Thông tin và Truyền thông: Một số cơ quan góp ý cần rà soát nội dung dự thảo Chiến lược để đồng bộ với các chương trình, quy hoạch phát triển của ngành Thông tin và Truyền thông. Tiếp thu ý kiến này, Bộ Thông tin và Truyền thông đã rà soát, điều chỉnh các nội dung phù hợp trong dự thảo Chiến lược.

- Về đánh giá kết quả triển khai Chính phủ điện tử: Các ý kiến góp ý cần đánh giá rõ hơn về kết quả triển khai Chính phủ điện tử giai đoạn trước, bao gồm kết quả triển khai Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025. Tiếp thu ý kiến này, Bộ Thông tin và Truyền thông đã bổ sung nội dung đánh giá chi tiết kết quả triển khai các nhiệm vụ tại Nghị quyết số 17/NQ-CP trong bản Báo cáo chi tiết xây dựng Chiến lược;

- Một số bộ, ngành, địa phương có ý kiến góp ý đề nghị rà soát các nội dung quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ giải pháp của dự thảo Chiến lược để bảo đảm khả thi và phù hợp xu thế phát triển, đặc thù của các cơ quan. Tiếp thu các ý kiến này,

Bộ Thông tin và Truyền thông đã tiếp thu rà soát, chỉnh sửa, bổ sung các nội dung phù hợp trong dự thảo Chiến lược.

VI. ĐỀ XUẤT

Việc ban hành Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 là hết sức cần thiết và cấp thiết. Dự thảo Chiến lược đã được soạn thảo theo đúng quy định.

Bộ Thông tin và Truyền thông kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

Tài liệu trình kèm theo:

- Dự thảo Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Báo cáo xây dựng Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Bản tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức và ý kiến tiếp thu, giải trình của Bộ Thông tin và Truyền thông (kèm theo Văn bản góp ý của các cơ quan, tổ chức).

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam (để b/c);
- Bộ TTTT: Bộ trưởng và các Thứ trưởng;
- Các Ủy viên UBQG về Chính phủ điện tử;
- Văn phòng Chính phủ;
- Lưu: VT, THH. (30b)

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Mạnh Hùng

Số: /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử
hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Chiến lược), với những nội dung sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Phát triển chính phủ số có toàn bộ hoạt động an toàn trên môi trường số, có mô hình hoạt động được thiết kế và vận hành dựa trên dữ liệu và công nghệ số, để có khả năng cung cấp dịch vụ chất lượng hơn, đưa ra quyết định kịp thời hơn, ban hành chính sách tốt hơn, sử dụng nguồn lực tối ưu hơn, kiến tạo phát triển, dẫn dắt chuyển đổi số, giải quyết hiệu quả những vấn đề lớn trong phát triển và quản lý kinh tế - xã hội.

2. Tiên phong phát triển chính phủ số một cách tổng thể, toàn diện, tập trung nguồn lực, huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị, có giải pháp, cách làm đột phá, mang tính khác biệt, để cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu phát triển chính phủ điện tử vào năm 2021 và hình thành Chính phủ số vào năm 2025.

3. Định hướng mở để người dân, doanh nghiệp và tổ chức khác tham gia một cách phù hợp vào hoạt động của cơ quan nhà nước, tương tác với cơ quan nhà nước để cùng tăng cường minh bạch, nâng cao chất lượng dịch vụ, cùng giải quyết vấn đề và cùng tạo ra giá trị cho xã hội.

4. Dữ liệu là tài nguyên mới. Cơ quan nhà nước mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

5. Nền tảng là giải pháp đột phá. Kết hợp mô hình tập trung và phân tán, tuân thủ Khung Kiến trúc quốc gia và Kiến trúc của các bộ, ngành, địa phương. Phát triển các nền tảng theo hướng cung cấp dịch vụ đồng bộ, thông suốt các cấp hành chính để có thể sử dụng tại mọi nơi. Các nền tảng, ứng dụng và dịch vụ quy mô quốc gia phải được làm trước, làm tốt, làm tập trung.

6. Thị trường trong nước nuôi dưỡng, phát triển sản phẩm công nghệ số Make in Việt Nam, từ đó vươn ra khu vực và thế giới. Chính phủ chủ động điều phối, quy hoạch, triển khai các hoạt động mang tính định hướng, kiến tạo thị trường nhằm mục tiêu kép vừa phát triển Chính phủ số, vừa phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam. Doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam làm chủ, phát triển các công nghệ lõi, nền tảng mở phục vụ Chính phủ số, hình thành hệ sinh thái ứng dụng, dịch vụ Make in Việt Nam.

II. TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

Việt Nam có chỉ số phát triển chính phủ điện tử, chính phủ số ở mức độ cao trên thế giới, thuộc nhóm 30 nước dẫn đầu theo xếp hạng của Liên Hiệp Quốc.

Chính phủ số chuyển đổi cách thức phục vụ người dân, doanh nghiệp và người dân, doanh nghiệp tham gia nhiều hơn vào hoạt động của cơ quan nhà nước để cùng tạo ra giá trị, lợi ích, sự hài lòng, niềm tin và đồng thuận xã hội.

Chính phủ số chuyển đổi cách thức tổ chức, vận hành, môi trường làm việc và công cụ làm việc để cán bộ, công chức, viên chức có thể thực hiện tốt nhất nhiệm vụ của mình.

III. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2025

1. Cung cấp dịch vụ chất lượng phục vụ xã hội

Cơ quan nhà nước cắt giảm, tái cấu trúc, đơn giản hóa, chuẩn hóa, thống nhất trên phạm vi toàn quốc các thủ tục hành chính phục vụ xã hội.

Cơ quan nhà nước cung cấp dịch vụ mới một cách chủ động, kịp thời đáp ứng nhu cầu của xã hội.

Người dân, doanh nghiệp có thể sử dụng dịch vụ số theo nhu cầu cá thể hóa, theo suốt cuộc đời, khi cần, theo cách thuận tiện, trực tuyến hoặc trực tiếp, dễ dàng, đơn giản, nhanh chóng, không giấy tờ, không cần sự hiện diện nếu pháp luật không yêu cầu.

Một số chỉ tiêu cơ bản bao gồm:

a) 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.

b) 100% dịch vụ công trực tuyến được thiết kế, thiết kế lại nhằm tối ưu hóa trải nghiệm người dùng, khi sử dụng được điền sẵn dữ liệu mà người dùng đã cung cấp trước đó theo thỏa thuận, phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ.

c) 100% người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương.

d) Tối thiểu 80% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến.

đ) Tối thiểu 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.

e) Tối thiểu 20% thủ tục hành chính của các cơ quan nhà nước được cắt giảm.

2. Huy động rộng rãi sự tham gia của xã hội

Người dân, doanh nghiệp và các tổ chức khác có thể dễ dàng tham gia ý kiến đóng góp cho hoạt động của cơ quan nhà nước, phản ánh những vấn đề của xã hội xung quanh mình tới cơ quan nhà nước và nhận được ý kiến phản hồi về sự tham gia, kết quả tham gia của mình.

Doanh nghiệp có thể tham gia cung cấp dịch vụ công hoặc phát triển những dịch vụ mới, sáng tạo, giúp xã hội có thể dễ dàng tiếp cận và sử dụng dịch vụ công của cơ quan nhà nước.

Nhà nước, người dân, doanh nghiệp và các tổ chức khác cùng tham gia phổ cập việc sử dụng dịch vụ công nói riêng, chuyển đổi số nói chung.

Một số chỉ tiêu cơ bản bao gồm:

a) 100% cơ quan nhà nước cấp bộ, tỉnh tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

b) Tối thiểu 50% dịch vụ công mới của cơ quan nhà nước có sự tham gia cung cấp của doanh nghiệp hoặc tổ chức ngoài nhà nước.

c) 100% công dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh hỗ trợ người dân, doanh nghiệp khả năng tương tác thuận tiện, trực tuyến với cơ quan nhà nước trong các hoạt động quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ dựa trên các nền tảng công nghệ số.

3. Vận hành tối ưu các hoạt động của cơ quan nhà nước

Cơ quan nhà nước thiết kế mô hình tổ chức, cách thức vận hành dựa trên dữ liệu và công nghệ số, tạo ra môi trường làm việc và công cụ làm việc để cán bộ, công chức, viên chức có thể thực hiện tốt nhất nhiệm vụ của mình, kết nối và hợp tác với nhau dễ dàng hơn, đưa ra quyết định kịp thời hơn, ban hành chính sách tốt hơn, sử dụng nguồn lực tối ưu hơn.

Cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số, có năng lực kiến tạo phát triển, dẫn dắt chuyển đổi số trong từng ngành, lĩnh vực, địa phương.

Một số chỉ tiêu cơ bản bao gồm:

a) 100% cơ quan nhà nước cung cấp dịch vụ 24/7, sẵn sàng phục vụ trực tuyến bất cứ khi nào người dân và doanh nghiệp cần.

b) 100% hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước được thực hiện trên nền tảng quản trị tổng thể, thống nhất.

c) 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng, trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật.

d) 100% công tác báo cáo được thực hiện trên hệ thống thông tin báo cáo quốc gia.

đ) 100% cơ quan nhà nước cấp bộ, tỉnh có nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung, có ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa hoạt động.

e) Tối thiểu 50% hoạt động giám sát, kiểm tra của cơ quan quản lý được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

g) Tối thiểu 70% nội dung chương trình đào tạo, thi tuyển, thi nâng ngạch quản lý nhà nước ngạch chuyên viên, chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp hoặc tương đương được thực hiện trực tuyến.

h) 100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản.

i) 50% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số.

4. Giải quyết hiệu quả các vấn đề lớn trong phát triển kinh tế - xã hội

Cơ quan nhà nước có khả năng giải quyết hiệu quả các vấn đề lớn trong phát triển kinh tế - xã hội trên tất cả các lĩnh vực.

Một số vấn đề cơ bản bao gồm:

a) Mỗi người dân có danh tính số, có điện thoại thông minh. Mỗi hộ gia đình có địa chỉ số, có khả năng truy cập Internet cáp quang băng rộng.

b) Mỗi người dân đều được sống trong môi trường bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội và có quyền riêng tư cá nhân trong môi trường số được bảo vệ theo quy định của pháp luật.

c) Mỗi người dân đều có hồ sơ số về sức khỏe cá nhân. Mỗi trạm y tế xã đều triển khai hoạt động quản lý trạm y tế xã trên môi trường số. Mỗi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đều triển khai tư vấn khám, chữa bệnh từ xa. Triển khai hồ sơ

bệnh án điện tử, thanh toán viện phí không dùng tiền mặt, đơn thuốc điện tử. Công khai giá thuốc, giá trang thiết bị y tế, giá khám chữa bệnh.

d) Mỗi học sinh, sinh viên đều có hồ sơ số về việc học tập cá nhân. Mỗi cơ sở đào tạo đều triển khai hoạt động quản lý dạy và học trên môi trường số. Triển khai thanh toán học phí không dùng tiền mặt, học liệu số. Triển khai đại học số là quốc gia số thu nhỏ, thay đổi mô hình dạy và học để tối ưu hóa vận hành các cơ sở đào tạo đại học, tối ưu hóa trải nghiệm học tập của sinh viên và khuyến khích các mô hình đào tạo mới.

đ) Mỗi người nông dân đều có khả năng truy cập, khai thác, sử dụng hiệu quả nền tảng dữ liệu số về nông nghiệp, nền tảng truy xuất nguồn gốc, giảm sự phụ thuộc vào các khâu trung gian từ sản xuất, phân phối đến người tiêu dùng.

e) Mỗi người dân ở độ tuổi lao động đều có khả năng tiếp cận cơ hội việc làm. Mỗi người dân đều có khả năng tiếp cận các khóa học kỹ năng trực tuyến MOOC (Massive Open Online Course) được cá nhân hóa cho đối tượng người học và mở rộng ra toàn xã hội, bao gồm cả những khóa học cơ bản, góp phần nâng cao kỹ năng số của xã hội, xóa mù công nghệ số cho vùng sâu, vùng xa.

g) Mỗi tuyến giao thông đường bộ cao tốc đều được triển khai lắp đặt hệ thống quản lý, điều hành giao thông thông minh. Triển khai thu phí điện tử không dừng tại tất cả các trạm thu phí trên toàn quốc, xóa bỏ tất cả các làn thu phí sử dụng tiền mặt. Mỗi phương tiện ô tô sử dụng tài khoản thu phí điện tử để thanh toán đa mục đích cho các dịch vụ giao thông đường bộ. Giảm chi phí dịch vụ giao nhận - kho vận và xây dựng được chuỗi cung ứng giao nhận - kho vận làm chủ bởi doanh nghiệp Việt Nam.

h) Mỗi người nhập cảnh, xuất cảnh đều có thể dễ dàng, giảm thiểu thời gian, nhanh chóng thực hiện các thủ tục cần thiết nhờ sự trợ giúp hiệu quả của các quy trình đã được tự động hóa, ngang bằng với những nước tốt nhất trong khu vực.

i) Mỗi hàng hóa xuất nhập khẩu, phương tiện xuất nhập cảnh được quản lý từ khâu đầu đến khâu cuối sử dụng nền tảng công nghệ số, giảm thiểu thời gian, nhanh chóng thực hiện thủ tục hải quan, ngang bằng với những nước tốt nhất trong khu vực.

k) Mỗi hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp nhỏ và vừa đều có thể dễ dàng trải nghiệm sử dụng các nền tảng công nghệ số phục vụ sản xuất, kinh doanh.

l) Mỗi cá nhân, hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp có thể dễ dàng gửi nhận hóa đơn điện tử với nhau và với cơ quan thuế sử dụng nền tảng công nghệ số.

5. Thay đổi đột phá xếp hạng quốc gia

Xếp hạng quốc gia của Việt Nam về phát triển chính phủ điện tử, chính phủ số theo đánh giá của Liên Hợp Quốc có sự thay đổi đột phá.

Một số chỉ tiêu cơ bản bao gồm:

- a) Việt Nam thuộc nhóm 50 nước dẫn đầu về chỉ số tổng thể.
- b) Việt Nam thuộc nhóm 50 nước dẫn đầu về chỉ số tham gia điện tử.
- c) Việt Nam thuộc nhóm 50 nước dẫn đầu về chỉ số dữ liệu mở.

IV. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM QUỐC GIA

1. Hoàn thiện môi trường pháp lý

a) Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi Luật Giao dịch điện tử và các văn bản hướng dẫn nhằm giải quyết những khó khăn, vướng mắc ở mức luật, tạo điều kiện phát triển Chính phủ số giai đoạn mới.

b) Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi Luật Lưu trữ để có quy định về lưu trữ điện tử, tạo điều kiện pháp lý cho việc thực hiện chuyển đổi số hoàn toàn trong hoạt động và quy trình làm việc của các cơ quan, tổ chức nhà nước.

c) Sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước để có các quy định phù hợp, cung cấp các dịch vụ số đa dạng, thuận tiện hơn, tăng cường sự tương tác với người dân và doanh nghiệp, chất lượng dịch vụ được đánh giá dựa trên mức độ hài lòng của người dùng.

d) Ban hành Nghị định về định danh và xác thực điện tử và hoàn thiện hành lang pháp lý để phổ cập danh tính số.

đ) Bảo đảm môi trường pháp lý cho phép thí điểm dùng tài khoản viễn thông thanh toán cho các hàng hóa, dịch vụ có giá trị nhỏ (Mobile-Money) và đánh giá để sớm đưa vào hoạt động chính thức.

e) Bảo đảm môi trường pháp lý cho phép thử nghiệm, chấp nhận cái mới và chấp nhận thay đổi. Hình thành không gian thí điểm dịch vụ số và xây dựng khung pháp lý cho phép thử nghiệm các dịch vụ số chưa được quy định bởi pháp luật. Không gian thí điểm dịch vụ số là không gian số cho phép mọi sản phẩm, dịch vụ số sáng tạo, chưa được quy định bởi các văn bản quy phạm pháp luật có thể triển khai thí điểm với điều kiện được giám sát chặt chẽ bằng công nghệ về phạm vi, quy mô và mô hình hoạt động. Khi đạt đến quy mô nhất định, tổ chức đánh giá để xây dựng hành lang pháp lý cần thiết.

g) Xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật về Chính phủ số theo kịp sự phát triển của công nghệ, bảo đảm sự phát triển đồng bộ các mô hình Chính phủ số, bảo đảm an toàn, an ninh mạng, kết nối liên thông, chia sẻ hạ tầng kỹ thuật, dữ liệu giữa các hệ thống thông tin.

h) Duy trì, cập nhật Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, Kiến trúc chính phủ điện tử, chính quyền điện tử của các bộ, ngành, địa phương phù hợp với yêu cầu của Chính phủ số, chính quyền số nhằm triển khai Chính phủ số đồng

bộ trên quy mô toàn quốc, bảo đảm kết nối, liên thông, tránh đầu tư trùng lặp.

2. Phát triển hạ tầng số

a) Hạ tầng mạng

- Phát triển và vận hành hạ tầng mạng chuyên dùng ổn định, an toàn, thông suốt, kết nối 4 cấp hành chính từ Trung ương đến cấp xã trên cơ sở Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước, mạng diện rộng của các bộ, ngành, địa phương, mạng Internet băng rộng để phục vụ Chính phủ số;

- Triển khai các hệ thống kỹ thuật bảo đảm năng lực, an toàn thông tin cho Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước làm hạ tầng truyền dẫn căn bản trong kết nối các hệ thống thông tin, liên thông, chia sẻ dữ liệu phục vụ Chính phủ số.

b) Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ

- Hệ sinh thái đám mây phục vụ Chính phủ số gồm Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ (CGC), đám mây của các cơ quan nhà nước tại các bộ, ngành, địa phương (AGC) và đám mây của các doanh nghiệp đáp ứng được yêu cầu nghiệp vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phục vụ Chính phủ số (EGC);

- Xây dựng Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ (CGC) thống nhất trên cơ sở quy hoạch, kết nối đám mây của các cơ quan nhà nước tại các bộ, ngành, địa phương (AGC) nhằm tạo môi trường để lưu trữ, chia sẻ tài nguyên, phát triển dịch vụ dùng chung cho Chính phủ số trên quy mô toàn quốc được linh hoạt, hiệu quả, nhanh chóng; kết nối, khai thác hiệu quả các hệ thống đám mây của doanh nghiệp (EGC) để cung cấp hạ tầng điện toán đám mây cho Chính phủ số.

3. Phát triển các nền tảng số và hệ thống quy mô quốc gia

a) Phát triển Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) để kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương trên quy mô toàn quốc thông qua việc kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương (LGSP).

b) Phát triển Nền tảng trao đổi định danh và xác thực điện tử quốc gia (NIXA) hướng tới xây dựng mô hình liên hiệp định danh, tận dụng tối đa các hình thức xác thực điện tử hiện có để tiết kiệm thời gian, chi phí triển khai.

c) Xây dựng Nền tảng phát triển kỹ năng số quốc gia tạo điều kiện cho việc trao đổi tài nguyên học tập, tổ chức các khóa bồi dưỡng kỹ năng số trực tuyến trên quy mô quốc gia.

d) Phát triển Nền tảng ứng dụng trên thiết bị di động cho mọi dịch vụ Chính phủ điện tử, Chính phủ số, dịch vụ, tiện ích trong kinh tế số, xã hội số cho người dân và doanh nghiệp có thể sử dụng mọi lúc, mọi nơi, phù hợp với định hướng 100% người dân có điện thoại thông minh, kết nối với Nền tảng trao đổi định danh và xác thực điện tử quốc gia.

đ) Phát triển Nền tảng ứng dụng trên thiết bị di động cho phép người dân và doanh nghiệp có thể định danh trên không gian số và sử dụng mọi dịch vụ Chính phủ điện tử, Chính phủ số, các dịch vụ, tiện ích trong kinh tế số, xã hội số mọi lúc, mọi nơi.

e) Xây dựng Hệ thống quản lý chất lượng các nền tảng, sản phẩm, giải pháp phục vụ Chính phủ số.

g) Xây dựng Hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính phủ số.

h) Xây dựng Hệ thống giám sát các nền tảng số phục vụ công tác quản lý nhà nước chuyên ngành.

i) Xây dựng Công nghệ mở (GovTech) của Việt Nam để cung cấp công khai, minh bạch thông tin về các giải pháp, nền tảng công nghệ mở mà cơ quan nhà nước đang sử dụng hoặc doanh nghiệp Việt Nam phát triển; đồng thời tham gia tích cực vào công tác xây dựng các chuẩn mở và cộng đồng nguồn mở quốc tế.

k) Phát triển các nền tảng để cung cấp dịch vụ thiết yếu, cơ bản trên quy mô quốc gia, các nền tảng thương mại điện tử, giao nhận - kho vận phục vụ phát triển kinh tế số, góp phần thực hiện mục tiêu xóa nghèo, các nền tảng phục vụ chuyển đổi số trong từng ngành, lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số theo Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ và các đề án thành phần.

4. Phát triển dữ liệu số quốc gia

a) Phát triển dữ liệu số quốc gia tạo nền tảng cho triển khai Chính phủ số, bảo đảm cung cấp dữ liệu số cho các dịch vụ công trực tuyến, cung cấp các bộ dữ liệu mở có chất lượng và giá trị khai thác cao, mở dữ liệu theo quy định của pháp luật để phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

b) Các cơ sở dữ liệu quốc gia phục vụ triển khai các dịch vụ cơ bản, thiết yếu liên quan đến người dân, doanh nghiệp, cơ quan nhà nước cần được phát triển trước. Xác định dữ liệu về dân cư, đất đai, doanh nghiệp là dữ liệu trụ cột, cốt lõi cần phải hoàn thành, đưa vào khai thác sớm để dẫn dắt, liên kết, thống nhất toàn bộ dữ liệu trong cơ quan nhà nước về các ngành, lĩnh vực.

c) Xây dựng dữ liệu có phạm vi toàn quốc trong các lĩnh vực quan trọng: hạ tầng không gian địa lý; bảo hiểm, y tế, an sinh xã hội; tài chính; căn cước; hộ tịch; giáo dục; đào tạo; cán bộ công chức, viên chức; nông nghiệp; việc làm; phương tiện giao thông.

5. Phát triển các ứng dụng, dịch vụ quốc gia

a) Phát triển, hoàn thiện Cổng Dịch vụ công quốc gia để người dân và doanh

nghiệp có thể truy cập đến các dịch vụ công trực tuyến của các bộ, ngành, địa phương qua một địa chỉ duy nhất trên mạng, tích hợp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 của các bộ, ngành, địa phương theo lộ trình phù hợp theo Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 12/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Công dịch vụ công quốc gia.

b) Xây dựng Cổng dữ liệu quốc gia là đầu mối cung cấp dữ liệu mở của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng nhằm minh bạch, tăng cường chia sẻ dữ liệu, thúc đẩy sáng tạo, phát triển kinh tế số, xã hội số, bảo đảm an toàn thông tin của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

c) Phát triển Hệ tri thức Việt số hóa tạo môi trường thuận lợi thu hút mọi cơ quan, tổ chức, người dân và doanh nghiệp tham gia tích cực đóng góp và khai thác các tài nguyên tri thức số.

d) Xây dựng Nền tảng hợp trực tuyến, Nền tảng hỗ trợ làm việc từ xa dựa trên Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ đảm bảo kế thừa các hệ thống thông tin đã được xây dựng tại các bộ, ngành, địa phương.

đ) Phát triển Trục liên thông văn bản quốc gia kết nối với hệ thống quản lý văn bản và điều hành của các bộ, ngành, địa phương hướng tới hầu hết các văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước trên quy mô toàn quốc được thực hiện hoàn toàn qua môi trường mạng.

e) Phát triển, hoàn thiện Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ để thu thập, tích hợp, chia sẻ dữ liệu báo cáo của các cơ quan hành chính nhà nước để tổng hợp, phân tích dữ liệu nhằm phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

g) Xây dựng Hệ thống thông tin Ngân sách và Kế toán nhà nước số dựa trên công nghệ hiện đại, có khả năng cung cấp thông tin, báo cáo đa chiều và mở rộng khả năng truy cập tới người dân, doanh nghiệp và các cơ quan, đơn vị nhằm nâng cao tính công khai, minh bạch và phục vụ hữu hiệu cho công tác quản lý, điều hành tài chính - ngân sách nhà nước.

h) Nâng cấp Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, kết nối chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin Ngân sách và Kế toán nhà nước số để thực hiện đấu thầu, mua sắm tài sản công qua mạng, quản lý thống nhất thông tin, cơ sở dữ liệu về đấu thầu trên phạm vi cả nước và nâng cao hiệu quả quản lý chi ngân sách nhà nước.

i) Phát triển ứng dụng, dịch vụ quy mô quốc gia khác để triển khai Chính phủ số và dẫn dắt chuyển đổi số trong từng ngành, lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số theo Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ và các đề án thành phần.

6. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng quốc gia

a) Xây dựng hệ thống hỗ trợ giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng phục

vụ Chính phủ điện tử.

b) Xây dựng hệ thống thao trường mạng phục vụ huấn luyện, diễn tập, sát hạch an toàn thông tin phục vụ Chính phủ điện tử.

c) Xây dựng hệ thống đánh giá, kiểm định an toàn thông tin.

d) Xây dựng hệ thống phân tích, xử lý dữ liệu lớn phục vụ nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng quốc gia.

đ) Xây dựng hệ thống hỗ trợ điều phối, ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng.

V. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

Trong phạm vi ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

1. Hoàn thiện quy chế, quy định của bộ, ngành, địa phương

a) Rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung, xây dựng các kiến trúc, quy chế, quy định nội bộ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương về xây dựng, phát triển, quản lý, vận hành, khai thác các hệ thống thông tin phục vụ Chính phủ số và Chính quyền số các cấp phù hợp với định hướng Chiến lược này.

b) Rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung hoặc đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình phù hợp với định hướng Chiến lược này.

2. Phát triển hạ tầng số của bộ, ngành, địa phương

a) Phát triển hạ tầng mạng đáp ứng nhu cầu triển khai Chính phủ số tại bộ, ngành, địa phương theo hướng ưu tiên thuê dịch vụ, kết nối và sử dụng hiệu quả Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.

b) Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ Chính phủ số tại bộ, ngành, địa phương theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây, ưu tiên hình thức thuê dịch vụ chuyên nghiệp và thực hiện kết nối với Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ theo mô hình do Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn.

c) Phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT) phục vụ các ứng dụng nghiệp vụ, chuyên ngành trong triển khai Chính phủ số gắn kết với phát triển đô thị thông minh tại các bộ, ngành, địa phương, ưu tiên hình thức thuê dịch vụ chuyên nghiệp, bảo đảm triển khai hiệu quả, tránh chồng chéo, tận dụng, kết hợp tối đa với hạ tầng của các tổ chức, cá nhân đã đầu tư.

3. Phát triển nền tảng, hệ thống của bộ, ngành, địa phương

a) Phát triển Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp bộ/tỉnh (LGSP) kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong nội bộ bộ, ngành, địa phương và kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) theo Khung Kiến trúc

quốc gia (Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam phiên bản 2.0 và phiên bản cập nhật) để trao đổi, chia sẻ dữ liệu với các cơ quan bên ngoài.

b) Phát triển Hệ thống Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC) cho các hệ thống thông tin của bộ, ngành, địa phương và kết nối với Hệ thống hỗ trợ giám sát, điều hành an toàn mạng phục vụ Chính phủ số của quốc gia, Hệ thống an ninh mạng phục vụ Chính phủ số của quốc gia. Đối với các bộ, tỉnh, Hệ thống Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng có thể là một bộ phận của Hệ thống Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh (IOC), tránh trùng lặp, lãng phí.

c) Phát triển các nền tảng, hệ thống sử dụng trong phạm vi bộ, ngành, địa phương để tiết kiệm thời gian, chi phí, tạo điều kiện kết nối, chia sẻ dữ liệu.

4. Phát triển dữ liệu của bộ, ngành, địa phương

a) Phát triển các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ ứng dụng, dịch vụ Chính phủ số trong nội bộ của bộ, ngành, địa phương, bảo đảm không trùng lặp, cập nhật, kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu quy mô quốc gia theo yêu cầu và thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP); thực hiện chia sẻ, tích hợp dữ liệu chuyên ngành của các bộ, ngành với các địa phương; mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật; hầu hết các dữ liệu gốc được lưu trữ dưới dạng máy có thể đọc được và chia sẻ dưới dạng dịch vụ giao diện lập trình ứng dụng (API).

b) Xây dựng kho dữ liệu của công dân khi thực hiện các giao dịch trực tuyến với các cơ quan nhà nước; giúp người dân quản lý, lưu trữ dữ liệu điện tử của mình, cung cấp chia sẻ với các cơ quan nhà nước, hạn chế việc sử dụng văn bản giấy và cung cấp lặp lại thông tin cho các cơ quan nhà nước.

c) Xây dựng Nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp cấp bộ, cấp tỉnh nhằm lưu trữ tập trung, tổng hợp, phân tích, xử lý dữ liệu từ các nguồn khác nhau, từ đó tạo ra thông tin mới, dịch vụ dữ liệu mới phục vụ Chính phủ số, hướng tới việc hình thành kho dữ liệu dùng chung cấp bộ, ngành, địa phương.

5. Phát triển ứng dụng, dịch vụ số của bộ, ngành, địa phương

a) Phát triển Hệ thống tích hợp Cổng dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử với các hệ thống xử lý nghiệp vụ chuyên ngành để cung cấp dịch vụ số, kết nối với Hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính phủ số và các hệ thống quy mô quốc gia cần thiết khác; ứng dụng công nghệ số để cá nhân hóa giao diện, nâng cao trải nghiệm người dùng dịch vụ công, tiếp thu ý kiến người dân và doanh nghiệp khi xây dựng, sử dụng các dịch vụ công trực tuyến.

b) Phát triển các dịch vụ công trực tuyến dựa trên nhu cầu người dân và theo các sự kiện trong cuộc đời, người dân chỉ cung cấp thông tin một lần, tận dụng sức mạnh của công nghệ để phát triển các dịch vụ số mới, đồng thời tinh giản một số dịch vụ không cần thiết. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ trí tuệ nhân tạo trong

cung cấp dịch vụ như trợ lý ảo, trả lời tự động. Triển khai các nội dung khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, trước hết xem xét để giảm chi phí và thời gian cho người dân khi thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến.

c) Triển khai các kênh tương tác trực tuyến để người dân tham gia, giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật, ra quyết định của cơ quan nhà nước.

d) Phát triển Hệ thống thông tin báo cáo; từng bước tự động hóa công tác báo cáo, thống kê phục vụ sự chỉ đạo, điều hành nhanh chóng, kịp thời, hỗ trợ ra quyết định dựa trên dữ liệu của cơ quan nhà nước các cấp và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

đ) Triển khai các hệ thống làm việc từ xa theo hướng thuê dịch vụ nhằm đa dạng hóa các hình thức làm việc phù hợp với các đối tượng, hoàn cảnh khác nhau, bảo đảm kế thừa, kết nối với các hệ thống thông tin của quốc gia, của bộ, ngành, địa phương đã được xây dựng.

e) Phát triển các dịch vụ đô thị thông minh phù hợp điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế; ưu tiên phát triển trước các dịch vụ giải quyết các vấn đề bức thiết của xã hội tại các đô thị như tắc nghẽn giao thông, ô nhiễm môi trường, phát triển du lịch, phát triển y tế, phát triển giáo dục, quản lý trật tự xây dựng và phải bảo đảm hiệu quả, tránh hình thức, lãng phí. Gắn kết các dịch vụ đô thị thông minh với các dịch vụ chính quyền số. Triển khai đô thị thông minh tuân thủ Khung tham chiếu ICT, Kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh.

g) Phát triển các ứng dụng, dịch vụ chuyên ngành phục vụ nội bộ và kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin trong và ngoài bộ, ngành, địa phương theo nhu cầu.

h) Các bộ, ngành lựa chọn phát triển ứng dụng, dịch vụ quy mô quốc gia một cách phù hợp cho toàn ngành từ Trung ương đến địa phương để tiết kiệm chi phí, thời gian triển khai. Dữ liệu được hình thành từ các ứng dụng, dịch vụ dùng chung được chia sẻ khi có nhu cầu.

i) Ứng dụng mạnh mẽ, hiệu quả các công nghệ số mới như điện toán đám mây (Cloud Computing), dữ liệu lớn (Big Data), di động (Mobility), Internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (Blockchain), mạng xã hội và các công nghệ số mới trong xây dựng, triển khai các ứng dụng, dịch vụ Chính phủ số tại bộ, ngành, địa phương để tiết kiệm thời gian, chi phí xây dựng, vận hành các hệ thống thông tin và tự động hoá, thông minh hoá, tối ưu hoá các quy trình xử lý công việc.

6. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng của bộ, ngành, địa phương

a) Triển khai bảo đảm an toàn, an ninh mạng theo mô hình bốn lớp theo chiều sâu với việc kiện toàn lực lượng tại chỗ; thuê lực lượng giám sát, bảo vệ chuyên nghiệp; định kỳ kiểm tra, đánh giá; kết nối đến Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia.

b) Tham gia vào các chiến dịch bảo đảm an toàn, an ninh mạng do Bộ Thông tin và Truyền thông phát động.

c) Tham gia vào Mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng quốc gia do Bộ Thông tin và Truyền thông điều phối.

VI. GIẢI PHÁP

1. Tổ chức, bộ máy, mạng lưới

a) Phát huy sức mạnh của hệ thống chính trị và chính quyền bốn cấp để triển khai Chính phủ số, chuyển đổi số.

b) Kiện toàn tổ chức, bộ máy, thiết lập mạng lưới đơn vị chuyên trách và nhân sự hỗ trợ triển khai từ Trung ương đến địa phương với nòng cốt gồm các đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh các cấp và đại diện các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin tại mỗi địa phương.

2. Tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số

a) Đưa nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng dựa trên các nền tảng mở, phần mềm nguồn mở vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học để hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số.

b) Rà soát, cập nhật khung năng lực, chuẩn kỹ năng công nghệ thông tin tích hợp kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức nhà nước. Đưa nội dung đào tạo về kỹ năng số vào chương trình đào tạo quản lý nhà nước ngạch chuyên viên, chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp hoặc tương đương. Tổ chức đào tạo, sát hạch, thi tuyển, thi nâng ngạch trực tuyến đảm bảo minh bạch, chất lượng.

c) Tổ chức bồi dưỡng, nâng cao nhận thức cho cán bộ lãnh đạo; cán bộ, công chức, viên chức cơ quan nhà nước các cấp về Chính phủ số, khung kiến trúc, kiến trúc chính phủ điện tử/chính phủ số và bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

d) Tổ chức bồi dưỡng, huấn luyện đội ngũ chuyên gia về Chính phủ số tạo lực lượng nòng cốt, lan tỏa kiến thức, kỹ năng cho phát triển Chính phủ số tại các bộ, ngành, địa phương. Các chuyên gia về Chính phủ số trước hết phải nắm bắt được các xu thế công nghệ mới, các bài học kinh nghiệm, quy định pháp luật, mô hình, quy định kỹ thuật trong triển khai Chính phủ số. Xây dựng mạng lưới chuyên gia về Chính phủ số để chia sẻ tri thức, phối hợp giải quyết các vấn đề lớn.

đ) Tổ chức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số, kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu cho cán bộ, công chức, viên chức hàng năm để sẵn sàng chuyển đổi môi trường làm việc sang môi trường số.

3. Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung, chính sách pháp luật để nâng cao nhận thức cho người dân và toàn xã hội về Chính phủ điện tử, Chính phủ số,

chuyển đổi số.

b) Tổ chức phổ cập kỹ năng số cho người dân, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số của cơ quan nhà nước thông qua các hoạt động xã hội hóa.

c) Định kỳ hàng năm tổ chức tôn vinh dịch vụ công chất lượng nhất, dịch vụ công thu hút được sự tham gia rộng rãi nhất, cơ quan nhà nước vận hành tối ưu nhất, vấn đề phát triển kinh tế - xã hội đã giải quyết có kết quả đột phá nhất và cơ quan nhà nước phát triển chính phủ số tốt nhất.

4. Hợp tác giữa cơ quan nhà nước và doanh nghiệp

a) Doanh nghiệp công nghệ số nghiên cứu, đầu tư xây dựng các sản phẩm, dịch vụ phát triển Chính phủ số, trước hết là khuyến khích các cơ chế, chính sách về thuê dịch vụ, hợp tác theo phương thức đối tác công tư, sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, tham gia các quỹ đầu tư, phát triển trung tâm đổi mới sáng tạo.

b) Nhà nước đóng vai trò quan trọng trong việc điều phối, quy hoạch, thúc đẩy phát triển hiệu quả thị trường cung cấp sản phẩm, dịch vụ Chính phủ số của các doanh nghiệp chủ chốt. Chính phủ triển khai một số hoạt động mang tính định hướng, kiến tạo thị trường bằng cách làm trước, cho phép trải nghiệm dùng thử hoặc cung cấp dịch vụ cơ bản.

c) Cơ quan nhà nước phối hợp doanh nghiệp để cung cấp dịch vụ công thông qua mạng lưới bưu chính công ích và ứng dụng của doanh nghiệp.

d) Khai thác hiệu quả mạng lưới bưu chính công ích để hỗ trợ người dân tiếp cận các dịch vụ Chính phủ số, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, các đối tượng yếu thế trong xã hội.

5. Nghiên cứu, phát triển, làm chủ các công nghệ lõi

a) Thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng nền tảng mở, mã nguồn mở phục vụ Chính phủ số.

b) Mở các nền tảng quốc gia hướng tới tạo thành hệ sinh thái để các doanh nghiệp công nghệ số có thể tham gia phát triển các dịch vụ kinh tế số, xã hội số.

c) Lựa chọn ưu tiên, đẩy mạnh phong trào nghiên cứu một số công nghệ cốt lõi mà Việt Nam có lợi thế, có khả năng tạo bứt phá mạnh mẽ như trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (blockchain) và thực tế ảo/thực tế tăng cường (VR/AR), dữ liệu lớn (Big Data) tạo điều kiện sớm triển khai các công nghệ số tiên tiến trong Chính phủ số. Thực hiện cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số nghiên cứu, phát triển các ứng dụng công nghệ mới cho Chính phủ số.

d) Khuyến khích phát triển các doanh nghiệp công nghệ số để làm chủ các công nghệ cốt lõi trong Chính phủ số trước hết đó là các công nghệ điện toán đám mây, bảo mật, an toàn, an ninh mạng, nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu, các nền tảng cho phát triển các ứng dụng chuyên ngành.

đ) Nghiên cứu, xây dựng và thí điểm sử dụng tiền ảo dựa trên công nghệ chuỗi khối (blockchain).

e) Xây dựng các chương trình nghiên cứu, ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tạo ra những sản phẩm, dịch vụ mang đặc thù Việt Nam, tạo lợi thế cạnh tranh, tạo nền tảng thúc đẩy Chuyển đổi số quốc gia. Các sản phẩm, dịch vụ này ưu tiên thí điểm ứng dụng trước trong các cơ quan nhà nước, từ đó đánh giá, hoàn thiện, hình thành ra các nền tảng để phục vụ kinh tế số, xã hội số.

g) Ban hành quy định về việc sử dụng sản phẩm, giải pháp đã được đánh giá, kiểm định trong triển khai Chính phủ số. Ưu tiên sử dụng các sản phẩm, giải pháp, công nghệ thiết kế, sản xuất bởi các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam trong các hệ thống Chính phủ số.

6. Chuẩn hoá, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ

a) Thực hiện gắn kết chặt chẽ giữa cải cách thủ tục hành chính với phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

b) Rà soát các thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ trong các cơ quan nhà nước theo hướng đơn giản hoá hoặc thay đổi phù hợp để có thể ứng dụng hiệu quả công nghệ số.

c) Rà soát loại bỏ một số thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ khi ứng dụng công nghệ số.

7. Hợp tác quốc tế

a) Chủ động hợp tác quốc tế trong phát triển Chính phủ số; chủ động, tích cực tham gia các tổ chức quốc tế, các sáng kiến về Chính phủ số và phát triển công nghệ số, kinh tế số, trong đó sẵn sàng phát huy vai trò đi đầu trong những lĩnh vực có thế mạnh; tham gia chủ động, tích cực vào việc xây dựng các khuôn khổ pháp lý, tiêu chuẩn, nguyên tắc quốc tế mới về công nghệ số phù hợp với mục tiêu và lợi ích của Việt Nam.

b) Hỗ trợ một số nước trong phát triển Chính phủ số nhằm tăng cường mối quan hệ hợp tác quốc tế, đồng thời quảng bá, tạo thị trường cho các sản phẩm, dịch vụ Chính phủ số của các doanh nghiệp Việt Nam.

8. Bảo đảm kinh phí

a) Ưu tiên sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật để phát triển Chính phủ số; tăng cường thực hiện giải pháp thuê dịch vụ công nghệ thông tin.

b) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng phương án bảo đảm kinh phí hàng năm tối thiểu 1% ngân sách nhà nước cho chuyển đổi số, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số; báo cáo, đề xuất Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thông qua.

c) Ưu tiên bố trí nguồn vốn đầu tư công để thực hiện các dự án phát triển hạ tầng, trung tâm dữ liệu, cơ sở dữ liệu quốc gia, nền tảng quốc gia, các ứng dụng, dịch vụ quốc gia sử dụng vốn đầu tư công do ngân sách trung ương đảm bảo.

9. Đo lường, giám sát, đánh giá triển khai

a) Thực hiện đo lường, giám sát tự động tới từng hệ thống, từng dịch vụ phục vụ Chính phủ số.

b) Giám sát, đánh giá, đo lường hiệu quả các dự án đầu tư được thực hiện dựa trên số liệu.

c) Định kỳ hàng tháng, hàng năm công bố kết quả đánh giá, làm cơ sở để theo dõi, đôn đốc, xếp hạng về Chính phủ điện tử, Chính phủ số; công khai trực tuyến các chỉ số chính trong phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

10. Cơ chế điều hành, tổ chức thực thi

a) Phát huy vai trò Ủy ban Quốc gia về Chính phủ điện tử, Ban Chỉ đạo xây dựng Chính phủ điện tử, Chính quyền điện tử của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc chỉ đạo phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số.

b) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trực tiếp chỉ đạo, chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về kết quả phát triển Chính phủ số, Chính quyền số tại bộ, ngành, địa phương mình.

c) Phát huy vai trò Bộ Thông tin và Truyền thông, đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc tổ chức, điều phối công tác phát triển Chính phủ số, chuyển đổi số các cấp.

d) Triển khai Chính phủ số theo hướng từng bước tập trung hoá, phát triển các ứng dụng, dịch vụ Chính phủ số dựa trên nền tảng điện toán đám mây, ưu tiên theo hướng thuê dịch vụ.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm:

a) Chủ trì tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược; định kỳ hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình thực hiện Chiến lược;

b) Năm 2023 tổ chức sơ kết tình hình thực hiện Chiến lược, đề xuất xây dựng các mục tiêu, chỉ tiêu và bổ sung, sửa đổi các nhiệm vụ, giải pháp (nếu cần thiết) và tổng kết đánh giá kết quả triển khai thực hiện Chiến lược vào năm 2025.

2. Văn phòng Chính phủ có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương thực hiện chuẩn hóa, tái cấu trúc quy trình nghiệp

vụ, cải cách thủ tục hành chính.

b) Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông trong việc tổ chức đơn đốc, kiểm tra, sơ kết, tổng kết tình hình thực hiện Chiến lược.

3. Bộ Nội vụ có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương thực hiện cải cách hành chính.

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Bộ chỉ số cải cách hành chính theo hướng gắn kết chặt chẽ phát triển Chính phủ số với hoạt động cải cách hành chính, Chính phủ số trở thành công cụ đắc lực thúc đẩy cải cách hành chính nhà nước.

c) Chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương kiện toàn, nâng cấp bộ máy, nhân sự các Đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin tại các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành Đơn vị chuyên trách về chuyển đổi số, đảm bảo đủ năng lực quản lý, phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.

4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm: Chủ trì thực hiện giải pháp quy định tại khoản 8, mục VI Điều 1 Quyết định này đối với nguồn vốn đầu tư phát triển; chủ trì tổng hợp, bố trí vốn đầu tư phát triển hàng năm theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn liên quan để triển khai Chiến lược.

5. Bộ Tài chính có trách nhiệm: Chủ trì thực hiện giải pháp quy định tại khoản 8, mục VI Điều 1 Quyết định này đối với nguồn vốn thường xuyên; chủ trì tổng hợp, bố trí vốn chi thường xuyên hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn liên quan để triển khai Chiến lược.

6. Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ có trách nhiệm bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng phục vụ Chính phủ điện tử, Chính phủ số theo chức năng, nhiệm vụ được giao, bảo đảm nguyên tắc an toàn thông tin, an ninh mạng là tiền đề thúc đẩy triển khai Chính phủ số nhanh hơn, bền vững hơn, phân công trách nhiệm rõ ràng, hiệp đồng chặt chẽ, chia sẻ thông tin kịp thời.

7. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Xây dựng và triển khai kế hoạch giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch hàng năm phát triển Chính phủ số, Chính quyền số theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông để thực hiện Chiến lược và các nội dung quy định tại Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025; đồng bộ các nội dung kế hoạch với kế hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội

của bộ, ngành, địa phương mình.

b) Tổ chức triển khai các nhiệm vụ nêu tại Mục V, Điều 1 trên cơ sở nhu cầu, điều kiện thực tế và định hướng phát triển của bộ, ngành, địa phương mình.

c) Tổ chức triển khai các nhiệm vụ, giải pháp được phân công tại Phụ lục kèm theo.

d) Tái cấu trúc tổ chức, quy trình nghiệp vụ để có thể ứng dụng hiệu quả công nghệ số vào mọi hoạt động của cơ quan nhà nước, hướng tới số hóa toàn bộ cơ quan tổ chức.

đ) Bảo đảm kinh phí (chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên) để thực hiện các nhiệm vụ, dự án Chính phủ số.

e) Triển khai bảo đảm an toàn, an ninh mạng theo mô hình nhiều lớp, tuân thủ hướng dẫn của cơ quan chuyên trách về an toàn, an ninh mạng, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy định của pháp luật.

g) Kiện toàn đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin trở thành đơn vị chuyên trách về chuyển đổi số để tham mưu, thực thi, dẫn dắt chuyển đổi số trong ngành, lĩnh vực, địa phương.

h) Kiểm tra, đánh giá, báo cáo hàng năm và đột xuất tình hình thực hiện Chiến lược theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

8. Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam và các cơ quan truyền thông, báo chí có trách nhiệm: chủ trì, chủ động phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông và các bộ, ngành, địa phương xây dựng và phê duyệt kế hoạch tổ chức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng trong các ngành, các cấp và Nhân dân về nội dung Chiến lược này, cũng như các câu chuyện thành công, bài học kinh nghiệm hay trong nước và quốc tế một cách thường xuyên, định kỳ hàng ngày, hàng tuần.

9. Bảo hiểm xã hội Việt Nam có trách nhiệm chủ động bố trí nguồn lực để hoàn thành việc xây dựng, đưa vào vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia phục vụ công tác của ngành: bảo hiểm xã hội, y tế, lao động - thương binh và xã hội và các ngành liên quan bảo đảm sự đồng bộ với các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu quốc gia có liên quan, góp phần tạo cơ sở nền tảng phát triển Chính phủ số.

10. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh chỉ đạo hệ thống tổ chức đoàn cơ sở các cấp cử đầu mối tới tận cấp xã, tham gia mạng lưới hỗ trợ triển khai chuyển đổi số do Bộ Thông tin và Truyền thông điều phối; chủ động phát động các chiến dịch đoàn viên thanh niên tuyên truyền, phổ biến kỹ năng số, hỗ trợ, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ Chính phủ số.

11. Hội, hiệp hội nghề nghiệp chủ động, tích cực trong việc tham mưu, phản biện chính sách, pháp luật; phát động hội viên, doanh nghiệp chủ động làm chủ

công nghệ, cung cấp sản phẩm, dịch vụ có chất lượng; tham gia cùng Bộ Thông tin và Truyền thông trong việc tuyên truyền, phổ biến, khảo sát, đánh giá mức độ chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số ở Việt Nam.

12. Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam, Tổng công ty Viễn thông MobiFone, Tổng công ty Bưu điện Việt Nam và các doanh nghiệp công nghệ đủ năng lực kỹ thuật, tài chính:

a) Cử đầu mối phụ trách phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông trong việc nghiên cứu, xây dựng, phản biện chính sách; chỉ đạo các đơn vị thành viên tại các địa phương cử đầu mối tham gia mạng lưới hỗ trợ triển khai chuyển đổi số do Bộ Thông tin và Truyền thông điều phối.

b) Ưu tiên bố trí nguồn lực để phát triển hạ tầng số, các nền tảng số, hệ thống quy mô quốc gia, dữ liệu số quốc gia, các ứng dụng, dịch vụ quy mô quốc gia, nghiên cứu, phát triển, làm chủ các công nghệ số cốt lõi phục vụ Chính phủ số.

c) Phát huy vai trò dẫn dắt trong triển khai các giải pháp phục vụ Chính phủ số, huy động, tập hợp các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong lĩnh vực công nghệ số, cùng tham gia phát triển hệ sinh thái sản phẩm và dịch vụ phục vụ phát triển Chính phủ số.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục;
- Lưu: VT, KSTT (2).XH

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

Phụ lục
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM
THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ
HƯỚNG TỚI CHÍNH PHỦ SỐ GIAI ĐOẠN 2021-2025,
ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg ngày tháng năm 2021
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện
I	Hoàn thiện môi trường pháp lý		
1.	Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi Luật Giao dịch điện tử và các văn bản hướng dẫn, trong đó có quy định về Chính phủ số	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2022
2.	Nghiên cứu, đề xuất môi trường pháp lý cho phép thử nghiệm, chấp nhận cái mới và chấp nhận thay đổi, hình thành không gian thí điểm dịch vụ số và cho phép thử nghiệm các dịch vụ số chưa được quy định bởi pháp luật	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2023
3.	Hoàn thiện, trình Chính phủ ban hành Nghị định về định danh, xác thực điện tử và hoàn thiện hành lang pháp lý để phổ cập danh tính số.	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021
4.	Bảo đảm môi trường pháp lý cho phép thí điểm dùng tài khoản viễn thông thanh toán cho các hàng hóa, dịch vụ có giá trị nhỏ (Mobile-Money) và đánh giá đề sớm đưa vào hoạt động chính thức.	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021
5.	Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi Luật Lưu trữ	Bộ Nội vụ	2021-2022
6.	Sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 43/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2022
7.	Xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật về Chính phủ số	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
8.	Duy trì, cập nhật Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam phù hợp với yêu cầu phát triển Chính phủ số	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện
9.	Duy trì, cập nhật Kiến trúc Chính phủ điện tử cấp bộ, Kiến trúc Chính quyền điện tử cấp tỉnh phù hợp với Khung Kiến trúc quốc gia và yêu cầu phát triển chính quyền số	Bộ, ngành, địa phương	2021-2025
II	Phát triển hạ tầng số		
10.	Phát triển và vận hành hạ tầng mạng chuyên dùng ổn định, an toàn, thông suốt, kết nối 4 cấp hành chính từ Trung ương đến cấp xã trên cơ sở Mạng Truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước, mạng diện rộng của các bộ, ngành, địa phương, mạng Internet băng rộng để phục vụ Chính phủ số	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
11.	Xây dựng Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ thống nhất trên cơ sở quy hoạch, kết nối đám mây của các cơ quan nhà nước tại các bộ, ngành, địa phương	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
III	Phát triển các nền tảng số và hệ thống quy mô quốc gia		
12.	Phát triển Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP)	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2023
13.	Phát triển Nền tảng trao đổi định danh và xác thực điện tử quốc gia (NIXA)	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2022
14.	Xây dựng Nền tảng định danh và xác thực trên thiết bị di động.	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2022
15.	Xây dựng Nền tảng phát triển kỹ năng số quốc gia	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2023
16.	Xây dựng nền tảng ứng dụng trên thiết bị di động cho mọi dịch vụ chính phủ điện tử, chính phủ số, tiện ích trong kinh tế số, xã hội số cho người dân và doanh nghiệp	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2023
17.	Xây dựng Hệ thống quản lý chất lượng đối với các nền tảng, sản phẩm, giải pháp phục vụ Chính phủ số	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
18.	Xây dựng Hệ thống giám sát, đo lường mức độ sử dụng dịch vụ Chính phủ số của các cơ quan nhà nước	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
19.	Xây dựng Hệ thống giám sát các nền tảng số phục vụ công tác quản lý nhà nước chuyên ngành	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện
20.	Xây dựng Công công nghệ mở (GovTech) của Việt Nam	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2022
21.	Phát triển các nền tảng để cung cấp dịch vụ thiết yếu, cơ bản trên quy mô quốc gia, các nền tảng thương mại điện tử, giao nhận - kho vận phục vụ phát triển kinh tế số, góp phần thực hiện mục tiêu xóa nghèo, các nền tảng phục vụ chuyển đổi số trong từng ngành, lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số theo Chương trình Chuyển đổi số quốc gia	Các bộ, ngành	2021-2025
IV	Phát triển dữ liệu số quốc gia		
22.	Phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư	Bộ Công an	2021
23.	Phát triển Cơ sở dữ liệu Đất đai quốc gia	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2021-2022
24.	Phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2021
25.	Phát triển dữ liệu về tài chính	Bộ Tài chính	2021-2022
26.	Phát triển dữ liệu về bảo hiểm	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	2021-2022
27.	Phát triển dữ liệu về hộ tịch	Bộ Tư pháp	2021-2022
28.	Phát triển dữ liệu về y tế	Bộ Y tế	2021-2023
29.	Phát triển dữ liệu về nông nghiệp	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2021-2025
30.	Phát triển dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức	Bộ Nội vụ	2021-2023
31.	Phát triển dữ liệu về việc làm, an sinh xã hội	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	2021-2025
32.	Phát triển dữ liệu về giáo dục và đào tạo	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2021-2023
33.	Phát triển dữ liệu về phương tiện giao thông	Bộ Giao thông vận tải	2021-2023

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện
V	Phát triển các ứng dụng, dịch vụ quốc gia		
34.	Phát triển, hoàn thiện Cổng Dịch vụ công quốc gia	Văn phòng Chính phủ	2021-2025
35.	Xây dựng Cổng dữ liệu quốc gia	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
36.	Phát triển Hệ tri thức Việt số hóa	Bộ Khoa học và Công nghệ	2021-2025
37.	Xây dựng Hệ thống hợp trực tuyến, Hệ thống hỗ trợ làm việc từ xa trên môi trường số	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2023
38.	Phát triển Trục liên thông văn bản quốc gia	Văn phòng Chính phủ	2021-2025
39.	Phát triển, hoàn thiện Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ	Văn phòng Chính phủ	2021-2025
40.	Xây dựng Hệ thống thông tin Ngân sách và Kế toán nhà nước số	Bộ Tài chính	2021-2025
41.	Nâng cấp Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2021-2025
42.	Xây dựng Hệ thống thông tin quản lý Kiến trúc	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
43.	Phát triển ứng dụng, dịch vụ quy mô quốc gia để triển khai Chính phủ số và dẫn dắt chuyển đổi số trong từng ngành, lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số theo Chương trình Chuyển đổi số quốc gia	Bộ, ngành	2021-2025
VI	Bảo đảm an toàn, an ninh mạng quốc gia		
44.	Xây dựng Hệ thống hỗ trợ giám sát, điều hành an toàn mạng phục vụ Chính phủ điện tử	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
45.	Xây dựng hệ thống thao trường mạng phục vụ huấn luyện, diễn tập, sát hạch an toàn thông tin phục vụ Chính phủ điện tử	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
46.	Xây dựng hệ thống đánh giá, kiểm định an toàn thông tin	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
47.	Xây dựng hệ thống phân tích, xử lý dữ liệu lớn phục vụ nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng quốc gia	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện
48.	Xây dựng hệ thống hỗ trợ điều phối, ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
VII	Tổ chức, bộ máy, mạng lưới		
49.	Kiến toàn tổ chức, bộ máy, thiết lập mạng lưới đơn vị chuyên trách và nhân sự hỗ trợ triển khai từ Trung ương đến địa phương để triển khai chính phủ số, chuyển đổi số	Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Nội vụ; Bộ, ngành, địa phương	2021-2023
VIII	Tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số		
50.	Đưa nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng dựa trên các nền tảng mở, phần mềm nguồn mở vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học	Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Giáo dục và Đào tạo	2021-2023
51.	Rà soát, cập nhật khung năng lực, chuẩn kỹ năng công nghệ thông tin tích hợp kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức nhà nước. Đưa nội dung đào tạo về kỹ năng số vào chương trình đào tạo quản lý nhà nước ngạch chuyên viên, chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp hoặc tương đương. Tổ chức đào tạo, sát hạch, thi tuyển, thi nâng ngạch trực tuyến đảm bảo minh bạch, chất lượng	Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Nội vụ	2021-2025
52.	Bồi dưỡng, nâng cao nhận thức cho cán bộ lãnh đạo; cán bộ, công chức, viên chức cơ quan nhà nước các cấp về Chính phủ số, khung kiến trúc, kiến trúc chính phủ điện tử/chính phủ số và bảo đảm an toàn, an ninh mạng	Bộ, ngành, địa phương	2021-2025
53.	Tổ chức bồi dưỡng, huấn luyện đội ngũ chuyên gia về Chính phủ số	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
54.	Tổ chức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số, kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu cho cán bộ, công chức, viên chức hàng năm	Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ, ngành, địa phương	2021-2025
IX	Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức		
55.	Tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung, chính sách pháp luật để nâng cao nhận thức cho người dân và toàn xã hội về	Bộ, ngành, địa phương	2021-2025

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện
	Chính phủ điện tử, Chính phủ số, chuyển đổi số		
56.	Tổ chức phổ cập kỹ năng số cho người dân, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số của cơ quan nhà nước thông qua các hoạt động xã hội hóa	Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp	2021-2025
57.	Tổ chức tôn vinh dịch vụ công chất lượng nhất, dịch vụ công thu hút được sự tham gia rộng rãi nhất, cơ quan nhà nước vận hành tối ưu nhất, vấn đề phát triển kinh tế - xã hội đã giải quyết có kết quả đột phá nhất và cơ quan nhà nước phát triển chính phủ số tốt nhất	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
X	Hợp tác giữa cơ quan nhà nước và doanh nghiệp		
58.	Tạo điều kiện cho mọi loại hình doanh nghiệp công nghệ số nghiên cứu, đầu tư xây dựng các sản phẩm, dịch vụ phát triển Chính phủ số	Bộ Tài chính; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
59.	Điều phối, quy hoạch, thúc đẩy phát triển hiệu quả thị trường cung cấp sản phẩm, dịch vụ Chính phủ số của các doanh nghiệp chủ chốt.	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
60.	Phối hợp doanh nghiệp để cung cấp dịch vụ công thông qua mạng lưới bưu chính công ích và ứng dụng của doanh nghiệp	Bộ, ngành, địa phương; Doanh nghiệp	2021-2025
61.	Khai thác hiệu quả mạng lưới bưu chính công ích để hỗ trợ người dân tiếp cận các dịch vụ Chính phủ số, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, các đối tượng yếu thế trong xã hội	Bộ Thông tin và Truyền thông; Doanh nghiệp	2021-2025
XI	Nghiên cứu, phát triển, làm chủ các công nghệ lõi		
62.	Thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng nền tảng mở, mã nguồn mở phục vụ Chính phủ số	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
63.	Nghiên cứu, xây dựng và thí điểm sử dụng tiền ảo dựa trên công nghệ chuỗi khối (blockchain)	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	2021-2023
64.	Xây dựng các chương trình nghiên cứu,	Bộ Khoa học và Công nghệ	2021-2025

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện
	ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tạo ra những sản phẩm, dịch vụ mang đặc thù Việt Nam, tạo lợi thế cạnh tranh, tạo nền tảng thúc đẩy Chuyển đổi số quốc gia		
65.	Mở các nền tảng quốc gia hướng tới tạo thành hệ sinh thái để các doanh nghiệp công nghệ số có thể tham gia phát triển các dịch vụ kinh tế số, xã hội số	Bộ, ngành	2021-2025
66.	Lựa chọn ưu tiên, đẩy mạnh phong trào nghiên cứu một số công nghệ cốt lõi mà Việt Nam có lợi thế, có thể đi tắt đón đầu cũng như có khả năng tạo bứt phá mạnh mẽ như trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (blockchain) và thực tế ảo/thực tế tăng cường (VR/AR), dữ liệu lớn (Big Data) tạo điều kiện ứng dụng các công nghệ số tiên tiến trong triển khai Chính phủ số. Thực hiện cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số nghiên cứu, phát triển các ứng dụng công nghệ mới cho Chính phủ số	Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
67.	Khuyến khích phát triển các doanh nghiệp công nghệ số để làm chủ các công nghệ cốt lõi trong Chính phủ số	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
68.	Ban hành quy định về việc sử dụng sản phẩm, giải pháp đã được đánh giá, kiểm định trong triển khai Chính phủ số. Ưu tiên sử dụng các sản phẩm, giải pháp, công nghệ thiết kế, sản xuất bởi các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam trong các hệ thống Chính phủ số	Bộ, ngành, địa phương	2021-2025
XII	Chuẩn hoá, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ		
69.	Thực hiện gắn kết chặt chẽ giữa cải cách thủ tục hành chính với phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số	Bộ, ngành, địa phương	2021-2025
70.	Rà soát các thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ trong các cơ quan nhà nước theo hướng đơn giản hoá hoặc thay đổi phù hợp để có thể ứng dụng hiệu quả công nghệ số	Bộ, ngành, địa phương	2021-2025

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện
71.	Rà soát loại bỏ một số thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ khi ứng dụng công nghệ số	Bộ, ngành, địa phương	2021-2025
XIII	Hợp tác quốc tế		
72.	Chủ động hợp tác quốc tế trong phát triển Chính phủ số; chủ động, tích cực tham gia các tổ chức quốc tế, các sáng kiến về Chính phủ số và phát triển công nghệ số, kinh tế số, trong đó sẵn sàng phát huy vai trò đi đầu trong những lĩnh vực có thế mạnh; tham gia chủ động, tích cực vào việc xây dựng các khuôn khổ pháp lý, tiêu chuẩn, nguyên tắc quốc tế mới về công nghệ số phù hợp với mục tiêu và lợi ích của Việt Nam	Bộ, ngành, địa phương	2021-2025
73.	Hỗ trợ một số nước trong phát triển Chính phủ số nhằm tăng cường mối quan hệ hợp tác quốc tế, đồng thời quảng bá, tạo thị trường cho các sản phẩm, dịch vụ Chính phủ số của các doanh nghiệp Việt Nam	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
XIV	Bảo đảm kinh phí		
74.	Ưu tiên sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật để phát triển Chính phủ số; tăng cường thực hiện giải pháp thuê dịch vụ công nghệ thông tin	Bộ, ngành, địa phương	2021-2025
75.	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng phương án bảo đảm kinh phí hàng năm tối thiểu 1% ngân sách nhà nước cho chuyển đổi số, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số; báo cáo, đề xuất Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thông qua	Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	2021-2025
76.	Ưu tiên bố trí đầu tư công để thực hiện các dự án phát triển hạ tầng, trung tâm dữ liệu, cơ sở dữ liệu quốc gia, nền tảng quốc gia, các ứng dụng, dịch vụ quốc gia	Bộ, ngành, địa phương	2021-2025

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện
XV	Đo lường, giám sát, đánh giá triển khai		
77.	Thực hiện đo lường, giám sát tự động tới từng hệ thống, từng dịch vụ phục vụ Chính phủ số. Định kỳ hàng tháng, hàng năm công bố kết quả đánh giá, làm cơ sở để theo dõi, đôn đốc, xếp hạng về Chính phủ điện tử, Chính phủ số; công khai trực tuyến các chỉ số chính trong phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
78.	Giám sát, đánh giá, đo lường hiệu quả các dự án đầu tư được thực hiện dựa trên số liệu	Bộ, ngành, địa phương	2021-2025

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

**BÁO CÁO
XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ
HƯỚNG TỚI CHÍNH PHỦ SỐ
GIAI ĐOẠN 2021-2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030**

Hà Nội, 02/2021

MỤC LỤC

Phần 1. SỰ CẦN THIẾT	1
Phần 2. TỔNG QUAN VỀ CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ, CHÍNH PHỦ SỐ ..	4
I. KHÁI NIỆM CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ, CHÍNH PHỦ SỐ	4
1. Chính phủ điện tử.....	4
2. Chính phủ số	4
3. Chính phủ thông minh.	5
4. So sánh tổng quan giữa Chính phủ điện tử và Chính phủ số.....	5
II. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CĂN BẢN CHÍNH PHỦ SỐ	6
1. Chính phủ như là một nền tảng (Government as a Platform).....	6
2. Tích hợp đa kênh trực tuyến và trực tiếp trong việc cung cấp dịch vụ	6
3. Khả năng linh hoạt, nhanh chóng cung cấp dịch vụ mới.....	7
4. Cho phép sự tham gia nhiều hơn của người dân, của doanh nghiệp	7
5. Dữ liệu là trung tâm	7
6. Phát triển kỹ năng số.....	8
7. Ứng dụng công nghệ mới.....	8
III. PHÁT TRIỂN CHÍNH PHỦ SỐ TRÊN THẾ GIỚI.....	8
1. Sự dịch chuyển từ Chính phủ điện tử sang Chính phủ số	8
2. Các trụ cột quan trọng của Chính phủ số.....	9
3. Một số xu hướng trong triển khai Chính phủ điện tử, Chính phủ số.....	10
Phần 3. TRIỂN KHAI CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ TẠI VIỆT NAM.....	13
I. ĐÁNH GIÁ CỦA LIÊN HỢP QUỐC VỀ CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ VIỆT NAM	13
II. MỘT SỐ KẾT QUẢ NỔI BẬT	13
1. Về xây dựng, hoàn thiện thể chế.....	13
2. Về cung cấp dịch vụ công trực tuyến	14
3. Về xây dựng nền tảng phát triển Chính phủ điện tử.....	14
4. Về triển khai các hệ thống thông tin đổi mới lề lối, phương thức làm việc	16
5. Về công tác bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng.....	17
6. Về hạ tầng mạng truyền dẫn quốc gia.....	17
7. Về công tác chỉ đạo, điều hành triển khai Chính phủ điện tử.....	18

8. Về triển khai các nhiệm vụ theo Nghị quyết số 17/NQ-CP.....	18
III. MỘT SỐ TÒN TẠI, HẠN CHẾ CHÍNH	18
1. Về thể chế.....	18
2. Về dữ liệu.....	18
3. Về cung cấp dịch vụ công trực tuyến	19
4. Về an toàn, an ninh mạng	19
5. Về hạ tầng kỹ thuật và nền tảng dùng chung.....	19
6. Về kinh phí đầu tư cho phát triển CPĐT	19
Phần 4. NỘI DUNG PHÁT TRIỂN CHÍNH PHỦ SỐ GIAI ĐOẠN 2021-2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030.....	20
I. QUAN ĐIỂM.....	20
II. TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030.....	21
III. MỤC TIÊU.....	21
1. Cung cấp dịch vụ chất lượng phục vụ xã hội.....	21
2. Huy động rộng rãi sự tham gia của xã hội	22
3. Vận hành tối ưu các hoạt động của cơ quan nhà nước	22
4. Giải quyết hiệu quả các vấn đề lớn trong phát triển kinh tế - xã hội.....	23
5. Thay đổi đột phá xếp hạng quốc gia	25
IV. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM QUỐC GIA.....	25
1. Hoàn thiện môi trường pháp lý	25
2. Phát triển hạ tầng số	26
3. Phát triển các nền tảng số và hệ thống quy mô quốc gia	26
4. Phát triển dữ liệu số quốc gia.....	27
5. Phát triển các ứng dụng, dịch vụ quốc gia	28
6. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng quốc gia	29
V. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG	29
1. Hoàn thiện quy chế, quy định của bộ, ngành, địa phương.....	29
2. Phát triển hạ tầng số của bộ, ngành, địa phương	30
3. Phát triển nền tảng, hệ thống của bộ, ngành, địa phương.....	30
4. Phát triển dữ liệu của bộ, ngành, địa phương	31
5. Phát triển ứng dụng, dịch vụ số của bộ, ngành, địa phương.....	31
6. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng của bộ, ngành, địa phương	32

VI. GIẢI PHÁP	33
1. Tổ chức, bộ máy, mạng lưới	33
2. Tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số	33
3. Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức	34
4. Hợp tác giữa cơ quan nhà nước và doanh nghiệp	34
5. Nghiên cứu, phát triển, làm chủ các công nghệ lõi	34
6. Chuẩn hoá, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ	35
7. Hợp tác quốc tế	35
8. Bảo đảm kinh phí	36
9. Đo lường, giám sát, đánh giá triển khai	36
10. Cơ chế điều hành, tổ chức thực thi	36
Phụ lục I	38
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ HƯỚNG TỚI CHÍNH PHỦ SỐ GIAI ĐOẠN 2021-2025, ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2030	38
Phụ lục II	47
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 17/NQ-CP NGÀY 07/3/2019 CỦA CHÍNH PHỦ VỀ MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM PHÁT TRIỂN CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ GIAI ĐOẠN 2019-2020, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN 2025	47

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

TT	Từ viết tắt	Từ viết đầy đủ
1	AI	Trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence)
2	API	Giao diện lập trình ứng dụng (Application Program Interface)
3	CSDL	Cơ sở dữ liệu
4	CNTT	Công nghệ thông tin
5	CNTT-TT	Công nghệ thông tin và Truyền thông
6	DVC	Dịch vụ công
7	IoT	Internet vạn vật (Internet of Things)
8	NSNN	Ngân sách nhà nước
9	OECD	Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (Organisation for Economic Co-operation and Development)

Phần 1. SỰ CẦN THIẾT

Trong những năm qua, ứng dụng CNTT, phát triển Chính phủ điện tử đã được Đảng, Nhà nước quan tâm, chỉ đạo sát sao, ban hành nhiều chủ trương, chính sách, định hướng, thúc đẩy phát triển, cụ thể như: Chỉ thị số 58-CT/TW ngày 17 tháng 10 năm 2000 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng CNTT phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển CNTT đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế; Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW; Quyết định số 1605/QĐ-TTg ngày 27 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011-2015; Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016-2020; Nghị quyết số 36^a/NQ-CP của Chính phủ về Chính phủ điện tử; Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025.

Thực hiện những chủ trương, định hướng của Đảng, Nhà nước, công tác ứng dụng CNTT, xây dựng Chính phủ điện tử (CPĐT) đã đạt được những thành quả quan trọng góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước, cung cấp dịch vụ công ngày càng tốt hơn. Hết năm 2020, tỷ lệ văn bản điện tử trao đổi giữa các cơ quan nhà nước đạt trên 90,81%; tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 đạt trên 30%, tăng gần gấp ba lần so với năm 2019, một số lĩnh vực có hiệu quả cao như thuế (99,8% doanh nghiệp khai thuế điện tử), hải quan (99,7% doanh nghiệp thực hiện hải quan điện tử). Xếp hạng Chỉ số phát triển CPĐT Việt Nam do Liên Hợp Quốc đánh giá liên tục tăng từ năm 2014 đến nay, tăng 13 bậc (năm 2014 xếp hạng 99, năm 2020 xếp hạng 86).

Bên cạnh những kết quả đạt được, phát triển CPĐT vẫn còn hạn chế, chưa phát huy hết hiệu quả; hoạt động của các cơ quan nhà nước chủ yếu vẫn theo phương thức thủ công và bán thủ công, nhiều văn bản điện tử được gửi qua mạng, nhưng vẫn gửi văn bản giấy song song, các quyết định của cơ quan nhà nước chủ yếu vẫn chưa dựa trên phân tích dữ liệu nhờ công nghệ số; tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến còn thấp, chỉ khoảng 23,5%.

Phát huy những kết quả đạt được, khắc phục những hạn chế, phát triển CPĐT Việt Nam trong bối cảnh mới là hết sức bức thiết để tiếp tục cải cách hành chính, xây dựng Chính phủ kiến tạo, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Ngày nay, các thành tựu khoa học công nghệ thế giới ngày càng phát triển, một loạt các xu hướng, mô hình phát triển mới trên thế giới ra đời như chuyển đổi số, chính phủ số, chính phủ thông minh dựa trên nền tảng các công nghệ như điện toán đám mây, dữ liệu lớn, Internet kết nối vạn vật, trí tuệ nhân tạo,... dẫn tới, chính phủ các nước không ngừng đổi mới, chính phủ hoạt động thông minh hơn dựa trên các thông tin, dữ liệu để hỗ trợ ra quyết định.

Phát triển Chính phủ số là xu thế chung. Năm 2020 là lần đầu tiên thuật ngữ Chính phủ số được Liên Hợp Quốc sử dụng làm chủ đề của Báo cáo. Chính phủ số không phải là một khái niệm thay thế Chính phủ điện tử, cũng không phải là một khái niệm tách rời không liên quan đến Chính phủ điện tử. Chính phủ số bao hàm Chính phủ điện tử, nhưng thể hiện một sự thay đổi về mặt nhận thức, một mức độ trưởng thành lớn hơn, phát triển cao hơn so với Chính phủ điện tử.

Để chủ động tham gia, thích ứng với các xu thế phát triển, ngày 27 tháng 9 năm 2019, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 52-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trong đó xác định một trong các nội dung cốt lõi về chủ trương, chính sách để chủ động tham gia cách mạng công nghiệp lần thứ tư bao gồm thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên tất cả các ngành, lĩnh vực và thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia, trọng tâm là phát triển kinh tế số, xây dựng đô thị thông minh, chính phủ điện tử, tiến tới chính phủ số.

Trong giai đoạn mới, việc phát triển Chính phủ điện tử cần phải đặt ra những yêu cầu mới hướng tới phát triển Chính phủ số trên cơ sở kế thừa các kết quả triển khai Chính phủ điện tử giai đoạn trước. Chính phủ số là một trong ba trụ cột quan trọng của Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020), bao gồm Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.

Việc phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số trong giai đoạn mới phải dựa trên một Chiến lược. Chiến lược là kim chỉ nam để xây dựng các kế hoạch hành động phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số. Từ trước đến nay, Việt Nam chưa có Chiến lược riêng nào về phát triển CPĐT, để xác định lộ trình, định hướng, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển CPĐT dài hạn, đây cũng là một trong những nguyên nhân của các hạn chế phát triển CPĐT Việt Nam thời gian qua.

Căn cứ nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 và Văn bản số 139/TB-VPCP ngày 03/4/2020 của Văn phòng Chính phủ thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị trực tuyến Ủy ban quốc gia về Chính phủ điện tử ngày 12/02/2020, Văn bản số 339/TB-VPCP ngày 22/9/2020 của Văn phòng Chính phủ thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị trực tuyến Ủy ban quốc gia về Chính phủ điện tử ngày 26/08/2020.

Phần 2. TỔNG QUAN VỀ CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ, CHÍNH PHỦ SỐ

I. KHÁI NIỆM CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ, CHÍNH PHỦ SỐ

1. Chính phủ điện tử

Chính phủ điện tử là Chính phủ ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước, tăng cường công khai, minh bạch thông tin, cung cấp dịch vụ công tốt hơn cho người dân và doanh nghiệp.

Ở mức độ phát triển này, Chính phủ tập trung vào việc số hoá các nguồn tài nguyên, ứng dụng công nghệ thông tin, tin học hoá quy trình nghiệp vụ đã có nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động, tập trung cung cấp dịch vụ trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp.

2. Chính phủ số

Chính phủ số là chính phủ số có toàn bộ hoạt động an toàn trên môi trường số, có mô hình hoạt động được thiết kế và vận hành dựa trên dữ liệu và công nghệ số, để có khả năng cung cấp dịch vụ chất lượng hơn, đưa ra quyết định kịp thời hơn, ban hành chính sách tốt hơn, sử dụng nguồn lực tối ưu hơn, kiến tạo phát triển, dẫn dắt chuyển đổi số, giải quyết hiệu quả những vấn đề lớn trong phát triển và quản lý kinh tế - xã hội

Đây là giai đoạn phát triển cao hơn của Chính phủ điện tử, phản ánh mức độ trưởng thành hơn về chuyển đổi số trong Chính phủ. Ở mức độ phát triển này, Chính phủ hoạt động, vận hành, ban hành chính sách, đưa ra quyết định chỉ đạo điều hành và cung cấp các dịch vụ số một cách chủ động theo nhu cầu của người dân, doanh nghiệp, tối ưu dựa trên năng lực khai thác và phân tích dữ liệu, trú trọng tới cung cấp dịch vụ chất lượng, thiết kế và vận hành tổ chức tốt hơn; tối ưu hóa nguồn lực; kiến tạo phát triển và giải quyết những vấn đề lớn của quốc gia trong phát triển và quản lý kinh tế - xã hội. Để tiến tới mức độ phát triển này, cơ quan nhà nước các cấp tiên phong ứng dụng công nghệ số, từng bước mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở. Hoạt động này cũng thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số. Chính phủ điện tử chủ yếu sử dụng công nghệ thông tin - truyền thông để tin học hoá quy trình nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, Chính phủ số sử dụng dữ liệu số, công nghệ số (bao gồm công nghệ thông tin - truyền thông và các công nghệ như trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu lớn, điện toán đám mây, IoT,...) để đưa toàn bộ hoạt động lên môi trường số và tối ưu hoạt động, tạo ra phương

thức làm việc mới, cung cấp dịch vụ mới, giải quyết các bài toán lớn của quốc gia.

3. Chính phủ thông minh.

Ở mức độ phát triển này, Chính phủ kiến tạo sự phát triển bền vững, cung cấp các dịch vụ đổi mới, sáng tạo, có tính dự báo trước cho người dân và doanh nghiệp dựa trên các công nghệ số và mô hình cung cấp dịch vụ mới, được tối ưu hoá.

4. So sánh tổng quan giữa Chính phủ điện tử và Chính phủ số

- Về khái niệm: Chính phủ điện tử là Chính phủ ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước, tăng cường công khai, minh bạch thông tin, cung cấp dịch vụ công tốt hơn cho người dân và doanh nghiệp. Chính phủ số là chính phủ số có toàn bộ hoạt động an toàn trên môi trường số, có mô hình hoạt động được thiết kế và vận hành dựa trên dữ liệu và công nghệ số, để có khả năng cung cấp dịch vụ chất lượng hơn, đưa ra quyết định kịp thời hơn, ban hành chính sách tốt hơn, sử dụng nguồn lực tối ưu hơn, kiến tạo phát triển, dẫn dắt chuyển đổi số, giải quyết hiệu quả những vấn đề lớn trong phát triển và quản lý kinh tế - xã hội.

- Chính phủ điện tử tập trung tin học hóa quy trình nghiệp vụ đã có để cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp. Chính phủ số chuyển đổi toàn bộ hoạt động của cơ quan nhà nước lên môi trường số, cung cấp dịch vụ chất lượng hơn dựa trên nhu cầu của người dân, cắt giảm thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ mới dựa trên việc khai thác, sử dụng sức mạnh của dữ liệu. Chính phủ số giúp thiết kế, vận hành tổ chức tốt hơn, sử dụng nguồn lực tối ưu hơn và giải quyết những vấn đề lớn trong phát triển và quản lý kinh tế - xã hội. Chuyển đổi cách thức ra quyết định của cơ quan nhà nước từ dựa trên báo cáo giấy sang dựa trên dữ liệu.

- Chính phủ điện tử sử dụng công nghệ thông tin - truyền thông (ICT) để phát triển các phần mềm, hệ thống thông tin ứng dụng trong hoạt động của cơ quan nhà nước. Chính phủ số sử dụng công nghệ số (gồm công nghệ thông tin - truyền thông và các công nghệ như trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây, phân tích dữ liệu lớn,...) để xây dựng các nền tảng giúp phát triển nhanh, tối ưu hóa quy trình, dữ liệu để cung cấp các dịch vụ mới.

- Thước đo chính của Chính phủ điện tử là số lượng dịch vụ công trực tuyến

được cung cấp. Trong khi, thước đo chính của Chính phủ số là số lượng thủ tục hành chính được cắt giảm, số dịch vụ mới được cung cấp thêm, sự tham gia của tổ chức ngoài nhà nước vào cung cấp dịch vụ, mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở và các vấn đề lớn của quốc gia được giải quyết tốt hơn thông qua sử dụng dữ liệu và công nghệ số.

Ví dụ, trong Chính phủ điện tử, cơ quan chính quyền cung cấp các dịch vụ trực tuyến, chẳng hạn như một công dân khi sinh ra thì có dịch vụ đăng ký khai sinh, khi đến tuổi trưởng thành thì chủ động đi đăng ký dịch vụ cấp thẻ căn cước công dân hay dịch vụ cấp hộ chiếu. Người dân phải thực hiện nhiều thủ tục hành chính, mỗi lần thực hiện lại phải điền dữ liệu từ đầu, mặc dù đã từng cung cấp trước đó. Còn trong Chính phủ số, khi dữ liệu được chia sẻ giữa các cơ quan khác nhau và trong trọn vẹn vòng đời, người dân chỉ cần cung cấp thông tin một lần cho một cơ quan nhà nước, khi sinh ra được cấp một mã định danh duy nhất, khi đến tuổi trưởng thành cơ quan nhà nước chủ động thông báo qua phương thức điện tử tới người dân để thực hiện làm thẻ căn cước công dân, thậm chí; trong quá trình trưởng thành từ khi sinh ra, sẽ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cung cấp các dịch vụ chủ động tới người dân (lich tiem chung,...).

II. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CĂN BẢN CHÍNH PHỦ SỐ

1. Chính phủ như là một nền tảng (Government as a Platform)

Đó là sự chuyển đổi về tư duy quản lý, từ việc Chính phủ cung cấp dịch vụ công để phục vụ sự quản lý nhà nước là chính sang việc Chính phủ cung cấp dịch vụ công mang tính nền tảng, để kiến tạo sự phát triển cho xã hội là chính.

Đó là sự chuyển đổi về cách thức triển khai, từ việc triển khai các dịch vụ riêng lẻ theo từng hệ thống riêng lẻ đến việc triển khai toàn bộ các dịch vụ thông qua một nền tảng. Ví dụ, một cơ quan cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 thông qua việc sử dụng nền tảng thay vì triển khai riêng lẻ từng dịch vụ công trực tuyến theo từng hệ thống CNTT khác nhau.

2. Tích hợp đa kênh trực tuyến và trực tiếp trong việc cung cấp dịch vụ

Đó là sự chuyển đổi về cách thức cung cấp dịch vụ, từ việc cơ quan chính quyền hoặc chỉ tiếp nhận hồ sơ trực tuyến (online) hoặc chỉ tiếp nhận hồ sơ trực tiếp (offline) hoặc đây là 2 quy trình riêng rẽ, đến việc tích hợp, cung cấp dịch vụ đa kênh, tạo ra sự tiện lợi và mang đến trải nghiệm tốt nhất cho người sử dụng. Lúc này, ranh giới hành chính giữa các bộ, ngành, ranh giới địa lý giữa các địa phương sẽ bị xóa nhòa.

Ví dụ, người dân, tùy theo kỹ năng số và điều kiện của mình, có thể lựa chọn kênh thực hiện thủ tục hành chính phù hợp. Có thể nộp hồ sơ trực tuyến ở bất cứ đâu, nhưng nhận kết quả trực tiếp tại địa điểm mong muốn. Có thể nộp hồ sơ trực tiếp ở địa điểm phục vụ gần nhất, nhưng nhận kết quả trực tuyến hoặc nhận kết quả tại một địa điểm khác mà họ mong muốn.

3. Khả năng linh hoạt, nhanh chóng cung cấp dịch vụ mới

Đó là sự chuyển đổi về thời gian cần thiết để đưa ra một dịch vụ mới, từ vài tháng, vài năm theo cách cũ đến chỉ còn vài tuần, vài ngày, thậm chí vài giờ, theo cách mới để phản ứng kịp thời với thách thức hoặc nhu cầu của xã hội.

Ví dụ, trong khi diễn ra cách ly xã hội trong giai đoạn COVID-19, cơ quan quản lý xuất nhập cảnh chỉ mất vài ngày có thể triển khai dịch vụ tờ khai xuất nhập cảnh điện tử. Chính quyền có thể đo lường theo thời gian thực hành vi tụ tập đông người và các điểm nóng dịch bệnh để cảnh báo tức thời, theo thời gian thực, tới người dân.

4. Cho phép sự tham gia nhiều hơn của người dân, của doanh nghiệp

Đó là sự chuyển đổi về cách thức tương tác giữa người dân và cơ quan chính quyền, từ việc người dân chỉ thụ động nhận kết quả đến việc người dân có thể tham gia vào việc làm cho chất lượng dịch vụ trở nên tốt hơn, từ việc doanh nghiệp chỉ tham gia vào thiết lập các hệ thống kỹ thuật công nghệ để cung cấp dịch vụ đến việc doanh nghiệp có thể tham gia cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng cho người dân trên cơ sở dữ liệu mở của Chính phủ.

Trong sự chuyển đổi này, Chính phủ không chỉ cung cấp dịch vụ công, mà còn trở thành nhà cung cấp nền tảng lớn cho phép bên thứ 3 kết nối, ví dụ, dữ liệu mở hoặc các hệ thống phân tích dữ liệu, phục vụ phát triển kinh tế, xã hội.

Ví dụ, các dịch vụ triển khai giai đoạn COVID-19 như dịch vụ khai báo tình trạng sức khỏe bản thân, khai báo trường hợp nghi nhiễm,... hay dịch vụ phản ánh hiện trường trong đô thị thông minh.

5. Dữ liệu là trung tâm

Đó là sự chuyển đổi về cách thức ra quyết định của cơ quan chính quyền từ dựa trên báo cáo bản giấy truyền thống là chính sang dựa trên dữ liệu phân tích định lượng, có thể được tổng hợp tự động từ nhiều nguồn khác nhau.

Ví dụ, quá trình ra quyết định phân luồng, cho phép thông quan hàng hóa ở cửa khẩu được hỗ trợ bởi việc tự động tổng hợp, phân tích dữ liệu liên quan (khai

báo điện tử, truy xuất dữ liệu lịch sử,...) đã giúp rút thời gian xử lý từ nhiều giờ xuống chỉ còn vài giây.

6. Phát triển kỹ năng số

Đó là sự chuyển đổi về kỹ năng số của từng cán bộ trong cơ quan chính quyền từ việc chỉ đơn thuần là kỹ năng sử dụng công nghệ sang bổ sung thêm các kỹ năng về phân tích và xử lý dữ liệu và kỹ năng giao tiếp hiệu quả với các bên để thích ứng với sự chuyển đổi từ Chính phủ điện tử sang Chính phủ số.

7. Ứng dụng công nghệ mới

Đó là sự chuyển đổi về cách thức ứng dụng công nghệ trong cơ quan nhà nước khi xuất hiện hàng loạt công nghệ mới, chuyển từ việc ứng dụng công nghệ để đáp ứng các yêu cầu nghiệp vụ sang ứng dụng công nghệ để phục vụ và thích ứng kịp với sự phát triển nhanh và sáng tạo của nền kinh tế số, sự bùng nổ thông tin và sự phát triển của xã hội số.

Trước đây vòng đời của một giải pháp công nghệ ứng dụng trong Chính phủ được tính theo năm thì hiện nay, các giải pháp công nghệ phải nâng cấp hàng tháng, thậm chí hàng tuần để đáp ứng nhu cầu quản lý.

Trước đây việc thay đổi quy trình nghiệp vụ, cải cách hành chính thường được đánh giá và ra quyết định dựa trên các cuộc khảo sát tốn kém và mất nhiều thời gian thì nay, việc cải tiến quy trình nghiệp vụ được tiến hành thường xuyên dựa trên dữ liệu của chính các hệ thống công nghệ đang vận hành nhờ các ứng dụng trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu lớn.

Việc ứng dụng công nghệ mới giúp Chính phủ phục vụ theo nhu cầu riêng của từng người dân, doanh nghiệp, chẳng hạn các ứng dụng trả lời tự động chatbots nhờ ứng dụng trí tuệ nhân tạo, ứng dụng di động kết hợp trợ lý ảo.

III. PHÁT TRIỂN CHÍNH PHỦ SỐ TRÊN THẾ GIỚI

1. Sự dịch chuyển từ Chính phủ điện tử sang Chính phủ số

Trong 20 năm qua, hầu hết các nước trên thế giới đều đã tuyên bố và triển khai các chương trình phát triển Chính phủ điện tử. Nhưng kể từ khi xuất hiện các công nghệ đột phá, được biết đến với tên gọi chung là cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tiến trình chuyển đổi hoạt động của mọi cơ quan, tổ chức lên môi trường số một cách toàn diện mới thực sự có cơ hội tăng tốc, bứt phá. Nhiều nước trên thế giới sớm nhận ra xu hướng này và nhanh chóng có những hành động cụ thể.

Thứ nhất, tuyên bố chiến lược phát triển Chính phủ số, chẳng hạn, Singapore tháng 6/2018, Úc tháng 12/2018, Thái Lan tháng 10/2019, Nhật Bản tháng 12/2019. Tháng 2/2020, Tổng thống Indonesia Joko Widodo tuyên bố khởi động xây dựng chiến lược Chính phủ số của Indonesia với mục tiêu cải thiện vị trí xếp hạng của Indonesia trong khu vực (trong ASEAN hiện Indonesia xếp thứ 7, sau Singapore, Malaysia, Brunei, Thái Lan, Phillipine và Việt Nam. Cả 5 quốc gia trong nhóm dẫn đầu khu vực ASEAN đều đã tuyên bố chiến lược phát triển chính phủ số). Sở dĩ có xu hướng chuyển sang Chính phủ số không phải vì kết thúc phát triển Chính phủ điện tử, mà nhờ việc xuất hiện các công nghệ đột phá, nên tiến trình chuyển đổi số có cơ hội bứt phá, diễn ra nhanh hơn.

Thứ hai, tất cả các bản chiến lược của các nước đều có khoảng thời gian là 05 năm hoặc ngắn hơn. Do ý thức được sự thay đổi nhanh chóng về mặt công nghệ, chiến lược của các nước đều nhấn mạnh đến khả năng thay đổi, thích ứng linh hoạt.

Thứ ba, trong sự chuyển dịch từ Chính phủ điện tử sang Chính phủ số, các nước đều nhấn mạnh đến vai trò của dữ liệu như là “dầu mỏ”, là “năng lượng” tạo động lực cho sự chuyển đổi và chú trọng phân tích dữ liệu và tận dụng hiệu quả các công nghệ số. Phân tích dữ liệu, dựa trên dữ liệu và công nghệ số để thiết kế, chuyển đổi mô hình hoạt động, phương thức vận hành và cung cấp dịch vụ theo hướng tối ưu, chất lượng hơn, ra quyết định linh hoạt, kịp thời hơn, tối ưu hóa nguồn lực quốc gia, giải quyết những vấn đề lớn mang tính quốc gia để nâng cao đời sống người dân, bảo đảm an toàn xã hội và phát triển kinh tế - xã hội.

Xu hướng chuyển đổi số là xu hướng lớn, xảy ra trên bình diện thế giới, mang tính không thể đảo ngược, nhất là với bối cảnh đại dịch Covid-19 vẫn rất phức tạp, càng thúc đẩy các quốc gia chuyển đổi mạnh mẽ hơn. Quốc gia nào kịp thời nắm bắt, đi nhanh, đi trước sẽ thu được lợi ích lớn hơn, đi trước những quốc gia còn chần chừ. Vì vậy, việc phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số ở nước ta có tầm quan trọng đặc biệt, mang lại hiệu ứng lan tỏa, đẩy nhanh tiến trình cải cách, dẫn dắt chuyển đổi số, kiến tạo phát triển, thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số để xây dựng đất nước phát triển, thịnh vượng.

2. Các trụ cột quan trọng của Chính phủ số

Báo cáo xếp hạng Chỉ số phát triển Chính phủ điện tử năm 2020 của Liên Hợp Quốc đã phân tích các nội dung phát triển Chính phủ số của các nước và tổng hợp có 09 trụ cột chính để phát triển Chính phủ số, bao gồm:

(1) Tầm nhìn, lãnh đạo, tư duy đổi mới:

Nâng cao khả năng lãnh đạo chuyển đổi số, thay đổi tư duy, năng lực chuyển đổi số đến từng cá nhân; có chiến lược phát triển Chính phủ số gắn liền với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia.

(2) Khung pháp lý, thể chế:

Phát triển môi trường pháp lý gồm cả khung pháp lý đầy đủ cho Chính phủ số và khung pháp lý thử nghiệm chính sách.

(3) Tổ chức và văn hoá:

Chuyển đổi mô hình tổ chức, thiết lập sứ mệnh, hình thành văn hoá, bổ sung chức năng, nhiệm vụ về chuyển đổi số.

(4) Tư duy hệ thống:

Thúc đẩy tư duy hệ thống và phát triển cách tiếp cận tổng thể trong quá trình hoạch định chính sách và cung cấp dịch vụ.

(5) Quản trị dữ liệu:

Bảo đảm quá trình ra quyết định dựa trên dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở để phát triển kinh tế - xã hội.

(6) Hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông:

Xây dựng hạ tầng kết nối băng rộng, sử dụng công nghệ tiên tiến; bảo đảm kết nối, liên thông, an toàn an ninh mạng.

(7) Các nguồn lực:

Huy động các nguồn lực phù hợp với các kế hoạch, mức độ ưu tiên, bao gồm cả hình thức đối tác công tư để phát triển Chính phủ số.

(8) Năng lực của các tổ chức đào tạo:

Nâng cao năng lực của các tổ chức đào tạo hành chính công để bảo đảm phát triển nhân lực cho Chính phủ số.

(9) Năng lực xã hội:

Phát triển kỹ năng số cho người dân để không ai bị bỏ lại phía sau, giảm khoảng cách số.

3. Một số xu hướng trong triển khai Chính phủ điện tử, Chính phủ số

a) Thu thập dữ liệu một lần (Once only): Thu thập dữ liệu một lần có nghĩa là người dân và doanh nghiệp chỉ phải cung cấp một lần đối với một loại thông tin/dữ liệu cho một cơ quan hành chính nhà nước. Điều này thúc đẩy việc

chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan hành chính nhà nước, giúp tiết kiệm thời gian, chi phí cho người dân và doanh nghiệp khi cung cấp các thông tin cho cơ quan nhà nước.

Quốc gia điển hình đưa ra sáng kiến này là Estonia, được thể hiện trong Luật về Thông tin công cộng (Public Information Act) từ năm 2007. Nguyên tắc này được coi như kim chỉ nam trong việc triển khai Chính phủ điện tử tại Estonia. Hiện nay, nguyên tắc này đã được cộng đồng Châu Âu áp dụng rộng rãi và chính thức đưa vào Kế hoạch triển khai tại các nước Châu Âu giai đoạn 2016-2020. Trong khối Châu Âu, nhiều giải pháp đã được đưa ra xung quanh nguyên tắc “chỉ một lần/once only” nhằm mục tiêu hợp lý hoá việc sử dụng các nguồn dữ liệu xác thực và thúc đẩy giao tiếp giữa các hệ thống CNTT khác nhau của các cơ quan hành chính. Cách tiếp cận này dự kiến sẽ tiết kiệm được khoảng 5 tỷ Euro mỗi năm trên toàn khối. Các lợi ích thu được bao gồm: đảm bảo kiểm soát tốt hơn dữ liệu khi dữ liệu chỉ được cung cấp một lần, giảm sai sót và sai lệch; giúp các cơ quan nhà nước làm việc nhanh hơn, minh bạch và hiệu quả hơn, qua đó tiết kiệm chi phí; giảm thiểu gian lận thông qua việc sử dụng thông tin thống nhất, theo thuộc thẩm quyền.

b) Bảo vệ dữ liệu cá nhân: Trong quá trình chia sẻ dữ liệu khi cung cấp các dịch vụ Chính phủ số, việc bảo mật dữ liệu cá nhân là đặc biệt quan trọng, tạo lòng tin cho người dân sử dụng dịch vụ. Tại các quốc gia phát triển, đặc biệt là ở châu Âu, Luật về bảo mật thông tin đã được ban hành thống nhất từ tháng 5/2018 trên toàn bộ 28 quốc gia và là quy định bắt buộc mọi công ty hoạt động tại châu Âu phải tuân thủ.

c) Ứng dụng điện toán đám mây: Phát triển Chính phủ số cần phải dựa trên hạ tầng, dịch vụ số đồng bộ, phù hợp. Tuy nhiên, các cơ quan Chính phủ thường rất khó khăn trong việc bố nguồn nhân lực, tài lực và thời gian để đầu tư và duy trì hạ tầng và các dịch vụ số theo nhu cầu. Ứng dụng điện toán đám mây là một giải pháp tốt giải quyết vấn đề này. Khi sử dụng các dịch vụ điện toán đám mây, các cơ quan Chính phủ có thể quản lý, cấp phát tài nguyên số tập trung, linh hoạt, tối ưu, đồng thời bảo đảm an toàn, an ninh thông tin. Các dịch vụ điện toán đám mây có thể được cung cấp, duy trì bởi các doanh nghiệp chuyên nghiệp, điều này làm giảm thiểu gánh nặng về nguồn nhân lực chuyên trách về CNTT trong các chính phủ.

Đa số các quốc gia hiện nay đều đã triển khai hoặc đang có kế hoạch ứng dụng điện toán đám mây trong khu vực nhà nước quy mô quốc gia. Một số quốc gia đã triển khai xây dựng nền tảng điện toán đám mây toàn chính phủ gọi là G-

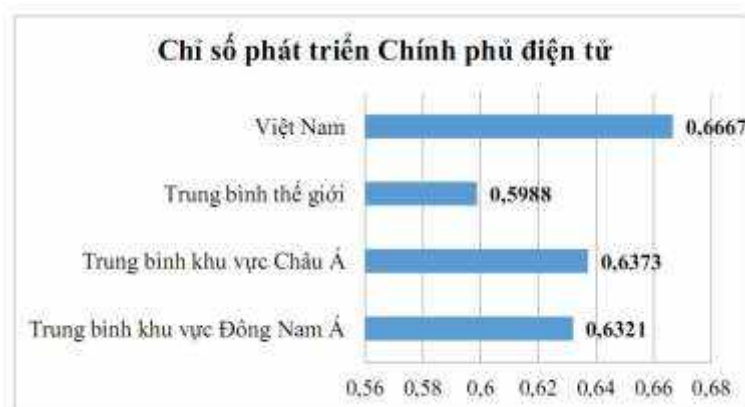
Cloud, như Chính phủ Áo, Pháp, Tây Ban Nha, Thái Lan, Vương Quốc Anh và một số quốc gia khác. Mô hình phổ biến nhất bao gồm: Dịch vụ cơ sở hạ tầng (IaaS), dịch vụ nền tảng (PaaS) và dịch vụ ứng dụng (SaaS).

d) Ra quyết định dựa trên dữ liệu: Quá trình sử dụng phân tích dữ liệu, biến tất cả dữ liệu thành thông tin có ích phục vụ chỉ đạo, điều hành, ra quyết định. Sử dụng hiệu quả dữ liệu là mối liên kết giữa quản trị và xây dựng năng lực, thông tin chi tiết về dữ liệu có thể được thu thập để cải thiện việc phân phối dịch vụ. Chẳng hạn, Chính phủ Nhật Bản có kế hoạch phát triển một hệ thống để giúp đỡ nạn nhân thiên tai bằng cách sử dụng dữ liệu lớn được thu thập từ các nguồn như Internet và dữ liệu hệ thống định vị toàn cầu từ điện thoại thông minh và thiết bị định vị xe hơi. Hệ thống sẽ cho phép các cơ quan hành chính ngay lập tức xác định các chuyển động của các nạn nhân ngay sau khi xảy ra thảm họa để đưa ra quyết định hỗ trợ, ứng phó kịp thời, hiệu quả; hay tại nước Mỹ, dữ liệu liên quan tới người dân được phân tích để theo dõi phân bố dân số theo màu da ở các vùng trên toàn nước Mỹ. Tại Boston Mỹ, dữ liệu được sử dụng để xây dựng hệ thống hỗ trợ điều hành cho Thị trưởng theo dõi về vấn đề an toàn trong cộng đồng (diễn biến tình hình tội phạm hàng năm, số vụ tăng/giảm; dịch chuyển dân số đến/đi khỏi thành phố theo mùa, độ tuổi,...) để có các quyết sách phù hợp, hiệu quả;....

Phần 3. TRIỂN KHAI CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ TẠI VIỆT NAM

I. ĐÁNH GIÁ CỦA LIÊN HỢP QUỐC VỀ CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ VIỆT NAM

- Theo Báo cáo của Liên Hợp Quốc năm 2020, Chỉ số phát triển CPĐT Việt Nam tăng 2 bậc so với năm 2018, xếp hạng 86/193 quốc gia, 23/47 Châu Á và 6/11 Đông Nam Á. Chỉ số tổng hợp của Việt Nam là 0,6667, cao hơn chỉ số trung bình thế giới và khu vực, thuộc nhóm quốc gia ở mức cao.



- Trong các chỉ số thành phần, Việt Nam có cải thiện vượt bậc ở Chỉ số Hạ tầng viễn thông (tăng 31) bậc, cải thiện ở Chỉ số Nhân lực (tăng 3 bậc) và tụt hạng đáng kể ở Chỉ số Dịch vụ trực tuyến (giảm 22 bậc).

- Kết quả xếp hạng của Việt Nam trong 3 chỉ số phụ như sau:

+ Chỉ số Tham gia điện tử: Việt Nam tăng 2 bậc, xếp hạng 70/193 toàn cầu, 22/47 Châu Á và 6/11 Đông Nam Á, thuộc nhóm quốc gia ở mức cao.

+ Chỉ số Dịch vụ trực tuyến của địa phương: thành phố Hồ Chí Minh là địa phương duy nhất của Việt Nam trong danh sách, xếp thứ 42/100, thuộc nhóm quốc gia ở mức Trung bình.

+ Chỉ số Dữ liệu mở: Việt Nam xếp hạng 97/193 quốc gia, 26/47 châu Á và 6/11 Đông Nam Á, thuộc nhóm quốc gia ở mức Trung bình.

II. MỘT SỐ KẾT QUẢ NỔI BẬT

1. Về xây dựng, hoàn thiện thể chế

Môi trường pháp lý cho phát triển CPĐT cơ bản được hình thành. Gần đây, một số văn bản quan trọng đã được ban hành, bao gồm:

- Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, tạo điều kiện tháo

gỡ nhiều vướng mắc khi triển khai đầu tư các dự án CNTT, quy trình thủ tục giảm khoảng 30%.

- Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư, tạo điều kiện pháp lý, xác định rõ trách nhiệm, quy trình trao đổi văn bản điện tử giữa các cơ quan nhà nước.

- Nghị định số 45/2020/NĐ-CP về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, tạo điều kiện phát triển các dịch vụ công trực tuyến.

- Nghị định số 47/2020/NĐ-CP về việc xây dựng Nghị định về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu, đã xác định rõ trách nhiệm kết nối, chia sẻ, mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước.

Ngoài ra, nhiều văn bản pháp lý cấp bộ cũng được ban hành tạo điều kiện thuận lợi cho triển khai CPĐT.

2. Về cung cấp dịch vụ công trực tuyến

Dịch vụ công trực tuyến được triển khai rộng khắp tại các bộ, ngành, địa phương. Đến hết năm 2020, tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 là đạt 56,18%, trong đó, mức độ 3 đạt 25,33%; mức độ 4 đạt 30,86%.

Một số lĩnh vực cung cấp dịch vụ công trực tuyến rất hiệu quả, như thuế (99,8% doanh nghiệp khai thuế điện tử), hải quan (99,7% doanh nghiệp thực hiện hải quan điện tử).

Một số bộ, ngành, địa phương có cách làm mới, dựa trên các nền tảng, để phát triển dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, nên tiết kiệm được nhiều thời gian, chi phí triển khai. Điển hình như Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Y tế, chỉ trong vài tháng, đã cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.

Cổng Dịch vụ công quốc gia đã được khai trương vào Tháng 12 năm 2019, giúp người dân và doanh nghiệp qua một địa chỉ có thể truy cập đến DVCTT của các cơ quan nhà nước. Từ Tháng 12 năm 2019 đến Tháng 12 năm 2020, Cổng đã tích hợp, cung cấp 2.649 dịch vụ công trực tuyến; có khoảng 97 triệu lượt truy cập, trên 405 nghìn tài khoản đăng ký; hơn 26 triệu hồ sơ đồng bộ trạng thái, trên 683 nghìn hồ sơ thực hiện trực tuyến qua Cổng; tiếp nhận, hỗ trợ trên 42 nghìn cuộc gọi và 9,5 nghìn phản ánh, kiến nghị.

Cổng hỗ trợ thanh toán quốc gia được khai trương ngày 24/7/2020, trước hết tạo điều kiện cho các bộ, ngành, địa phương kết nối với các trung gian thanh toán để thanh toán trực tuyến cho các dịch vụ công, góp phần nhanh chóng nâng cấp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 lên mức độ 4.

3. Về xây dựng nền tảng phát triển Chính phủ điện tử

- Về các nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu: Đã được xây dựng, bước đầu phát huy hiệu quả và sẽ tiếp tục được phát triển. Hiện nay, Nền tảng đã kết nối với tất cả các Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương, tạo thành môi trường kết nối, chia sẻ dữ liệu quy mô toàn quốc. Nền tảng đã hỗ trợ kết nối, chia sẻ dữ liệu của 14 hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quy mô quốc gia với hơn 200 hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương; trong 02 năm qua, đã thực hiện trên 8 triệu giao dịch chính thức.

- Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp bộ/tỉnh đã được phát triển nhanh chóng, đáp ứng nhu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu trong nội bộ của bộ, tỉnh và kết nối ra bên ngoài. Cụ thể:

+ Năm 2018: 03 bộ, ngành, địa phương có LGSP, đạt tỷ lệ 3,2%.

+ Năm 2019: 04 bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, 21 tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương có LGSP, đạt tỷ lệ 27,17%.

+ Tháng 12 năm 2020: 100% các bộ, cơ quan ngang bộ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã có LGSP và kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia.

- Cổng dữ liệu quốc gia: Cổng dữ liệu quốc gia (data.gov.vn) đã được khởi động Tháng 8 năm 2020 để thúc đẩy mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước, phát triển các dịch vụ số phục vụ chuyển đổi số kinh tế - xã hội. Cổng dữ liệu quốc gia là điểm đầu mối truy cập thông tin, dữ liệu trên mạng Internet phục vụ việc công bố dữ liệu mở, cung cấp thông tin về chia sẻ dữ liệu của cơ quan nhà nước; cung cấp các tài liệu, dịch vụ, công cụ, ứng dụng xử lý, khai thác dữ liệu được công bố bởi các cơ quan nhà nước. Đến nay, trên 10.000 bộ dữ liệu mở của 12 lĩnh vực đã được công bố trên Cổng.

- Về các cơ sở dữ liệu (CSDL) tạo nền tảng CPĐT:

+ Một số CSDL quốc gia đã được hình thành và phát huy hiệu quả như CSDL quốc gia về đăng ký doanh nghiệp quản lý thông tin hơn 1 triệu doanh nghiệp; CSDL về bảo hiểm quản lý thông tin của trên 24 triệu hộ gia đình tham gia bảo hiểm y tế (trên 92 triệu bản ghi).

+ CSDL quốc gia về Dân cư: Đây là CSDL cơ bản nhất liên quan đến thông tin của người dân, CSDL này sẽ giúp giảm thiểu yêu cầu giấy tờ cá nhân khi thực hiện các dịch vụ công trực tuyến mức độ cao. Hiện nay, Bộ Công an thu thập được hơn 85 triệu phiếu và nhập được 81 triệu phiếu vào CSDL. Hệ thống CSDL quốc gia về Dân cư được thiết kế để kết nối, cho phép các hệ thống thông tin khác khai thác thông qua Nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu quốc gia và Cổng Dịch vụ công quốc gia. Dự kiến sẽ chính thức đưa vào khai thác sử dụng trong Quý I năm 2021.

+ CSDL đất đai quốc gia: Đây là CSDL quan trọng trong quản lý tài nguyên đất đai, cũng là thông tin nền để phát triển các dịch vụ CPĐT. Hiện nay, Bộ Tài nguyên và Môi trường cũng đang đẩy nhanh tiến độ, dự kiến đến Tháng 7 năm 2021 sẽ hoàn thành xây dựng CSDL và kết nối, chia sẻ dữ liệu rộng rãi trên quy mô toàn quốc.

+ CSDL về Bảo hiểm: Bảo hiểm xã hội (BHXH) Việt Nam tiếp tục tiến hành làm sạch, đồng bộ dữ liệu, bổ sung thông tin để làm giàu thêm CSDL chuyên ngành BHXH để sẵn sàng cung cấp dữ liệu cho CSDL quốc gia về Bảo hiểm. BHXH Việt Nam đã phối hợp Bộ Y tế xây dựng ứng dụng khai báo nhân lực y tế và hồ sơ sức khỏe cá nhân; xây dựng Quy chế phối hợp trao đổi thông tin giữa BHXH Việt Nam và Kiểm toán nhà nước; thực hiện liên thông kết nối, cung cấp toàn bộ 15/15 dịch vụ công của Ngành trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; cung cấp và phối hợp xác nhận thông tin cho 03 dịch vụ công trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hỗ trợ người dân, doanh nghiệp gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

+ CSDL hộ tịch điện tử toàn quốc: Tính đến ngày 22/10/2020, Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch dùng chung của Bộ Tư pháp đã được triển khai tại 63/63 tỉnh, thành phố. Trên hệ thống đã có trên 12 triệu dữ liệu đăng ký khai sinh, trong đó có trên 4 triệu trẻ em được cấp Số định danh cá nhân theo quy định.

+ Các CSDL chuyên ngành: Một số bộ, ngành tích cực xây dựng và khai thác các CSDL chuyên ngành để phục vụ ứng dụng CPĐT. Tiêu biểu như, Bộ Giáo dục và Đào tạo đang tích cực triển khai hoàn thiện Kho học liệu số, Kho bài giảng e-Learning, cơ sở dữ liệu về giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông; Bộ Tài nguyên và Môi trường triển khai nhiều CSDL chuyên ngành (nền địa lý, quan trắc, nguồn thải, viễn thám,...). Một số tỉnh, thành phố cũng chủ động xây dựng một số CSDL chuyên ngành phục vụ trong phạm vi của địa phương mình, điển hình như thành phố Đà Nẵng xây dựng các CSDL sở ngành; Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng Kho dữ liệu dùng chung và phát triển Hệ sinh thái dữ liệu mở.

4. Về triển khai các hệ thống thông tin đổi mới lề lối, phương thức làm việc

- Việc trao đổi văn bản điện tử giữa các cơ quan nhà nước thông qua các hệ thống quản lý văn bản và điều hành đã trở thành nề nếp, phát huy hiệu quả, tỷ lệ trung bình văn bản điện tử trao đổi giữa các cơ quan nhà nước đạt trên 90%.

- Việc trao đổi văn bản giữa các bộ, ngành, địa phương thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia. Trục liên thông văn bản quốc gia đã được xây dựng nhằm kết nối các hệ thống quản lý văn bản điều hành của các bộ, ngành, địa phương. Từ Tháng 3 năm 2019 đến Tháng 12 năm 2020, có tổng số hơn 3,7 triệu văn bản điện tử được gửi và nhận trên Trục liên thông văn bản quốc gia. Ngoài 94/94 bộ,

ngành, địa phương, Trục liên thông văn bản quốc gia đã triển khai kết nối liên thông gửi, nhận văn bản điện tử với Văn phòng Trung ương Đảng, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia, các tổ chức chính trị - xã hội.

- Hệ thống thông tin báo cáo Quốc gia: Hệ thống thông tin báo cáo để theo dõi, tổng hợp việc thực hiện các nhiệm vụ của cơ quan nhà nước các cấp. Trên quy mô quốc gia, Hệ thống thông tin báo cáo Quốc gia, Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã được xây dựng và đã kết nối với Hệ thống báo cáo của 14 Bộ, cơ quan và 37 tỉnh. Đến nay, Hệ thống đã có 10 chuyên mục và cập nhật trên 260 chỉ tiêu thông tin, dữ liệu về chỉ tiêu kinh tế - xã hội phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo Quyết định số 293/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ (e-Cabinet): Tất cả các bộ, ngành, địa phương đã triển khai hình thức họp trực tuyến để tiết kiệm thời gian và chi phí, ứng dụng này đã phát huy hiệu quả trong thời gian Dịch bệnh COVID-19. Năm 2019, Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ (e-Cabinet) đã được xây dựng. Từ Tháng 6 năm 2019 đến Tháng 12 năm 2020, Hệ thống đã phục vụ 24 Hội nghị, phiên họp của Chính phủ và thực hiện xử lý 610 phiếu lấy ý kiến thành viên Chính phủ thay thế việc phát hành, in ấn, sao chụp hơn 222 nghìn bộ hồ sơ, tài liệu giấy.

5. Về công tác bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng

Công tác bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng được cải thiện đáng kể trong thời gian qua. Liên minh Viễn thông Quốc tế (ITU) đã ban hành Báo cáo chỉ số an toàn thông tin toàn cầu năm 2018. Theo đó, Việt Nam xếp thứ 50/175 quốc gia và vùng lãnh thổ được khảo sát đánh giá, và tăng 50 hạng so với chỉ số năm 2017 (vượt 30 hạng so với mục tiêu ban đầu).

Trong thời gian qua, các bộ, ngành, địa phương đã tích cực triển khai công tác bảo đảm an toàn thông tin theo mô hình 04 lớp. Tính đến Tháng 12 năm 2020, tổng số bộ, ngành, địa phương đã triển khai bảo đảm an toàn thông tin theo mô hình 4 lớp là 83/83 đơn vị, đạt tỷ lệ 100% (năm 2018 là 0%, năm 2019 là 0%). Tỷ lệ này được tăng trưởng nhanh theo từng tháng trong năm 2020.

6. Về hạ tầng mạng truyền dẫn quốc gia

Đã hình thành Mạng truyền dẫn quốc gia kết nối tới các cơ quan nhà nước từ Trung ương đến địa phương. Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan

Đảng, Nhà nước đã kết nối đến 100% các bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; 96% quận, huyện, thị xã.

7. Về công tác chỉ đạo, điều hành triển khai Chính phủ điện tử

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã quan tâm, chỉ đạo sát sao về Chính phủ điện tử; trong các Nghị quyết Phiên họp hàng tháng của Chính phủ (từ tháng 8 năm 2019 đến nay), thường xuyên có các nội dung chỉ đạo, đôn đốc triển khai Chính phủ điện tử. Trong năm 2020, Ủy ban Quốc gia về Chính phủ điện tử đã họp 02 lần (vào ngày 12/02/2020 và ngày 26/8/2020); tại các Phiên họp, Thủ tướng Chính phủ giao trách nhiệm cho các bộ, ngành, địa phương đẩy nhanh tiến độ triển khai các nội dung quan trọng, cốt yếu của Chính phủ điện tử như phát triển các cơ sở dữ liệu quốc gia, ban hành các văn bản pháp lý cho Chính phủ điện tử, phát triển các nền tảng (như Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp quốc gia, cấp bộ, tỉnh), đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.

Ngày 26/5/2020, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về Chính phủ điện tử đã ký Quyết định số 701/QĐ-TTg kiện toàn Ủy ban Quốc gia về Chính phủ điện tử, theo đó mở rộng chức năng, nhiệm vụ Ủy ban để chỉ đạo thêm nội dung về chuyển đổi số, kinh tế số và đô thị thông minh. Hiện nay, Ban Chỉ đạo Chính phủ điện tử, Ban Chỉ đạo Chính quyền điện tử của các bộ, ngành, địa phương cũng đang kiện toàn chức năng, nhiệm vụ tương ứng và cũng chỉ đạo sát sao, làm gương trong công tác phát triển Chính phủ điện tử.

8. Về triển khai các nhiệm vụ theo Nghị quyết số 17/NQ-CP

Trong thời gian qua, các bộ, ngành, địa phương đã nỗ lực triển khai các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến năm 2025. Danh mục kết quả triển khai các nhiệm vụ nêu tại **Phụ lục II**.

III. MỘT SỐ TỒN TẠI, HẠN CHẾ CHÍNH

1. Về thể chế

Môi trường pháp lý cho phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số chưa hoàn thiện, nhiều khó khăn, vướng mắc chỉ có thể giải quyết ở mức luật, một số Nghị định quan trọng tạo hành lang pháp lý cho triển khai Chính phủ điện tử chưa được ban hành (Nghị định về định danh, xác thực điện tử; Nghị định về bảo vệ dữ liệu cá nhân;...).

2. Về dữ liệu

Các cơ sở dữ liệu quốc gia tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử chậm được triển khai, các Cơ sở dữ liệu quốc gia quan trọng như Cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư và Cơ sở dữ liệu Đất đai quốc gia chưa được hình thành. Các giao dịch giữa các cơ quan nhà nước, nhất là trong cung cấp dịch vụ công vẫn duy trì đồng thời qua phương thức truyền thống giấy tờ và trực tuyến.

3. Về cung cấp dịch vụ công trực tuyến

Dịch vụ công trực tuyến được triển khai rộng khắp tại các bộ, ngành, địa phương. Tuy nhiên, hiệu quả sử dụng dịch vụ công trực tuyến chưa cao, số lượng hồ sơ xử lý tuyến còn rất hạn chế.

4. Về an toàn, an ninh mạng

An toàn, an ninh mạng tại các bộ, ngành, địa phương còn hạn chế, chưa được quan tâm đúng mức. Tỷ lệ đầu tư cho an toàn, an ninh mạng còn thấp (khoảng 5%).

5. Về hạ tầng kỹ thuật và nền tảng dùng chung

Hạ tầng kỹ thuật trong các cơ quan nhà nước nhiều nơi chưa đáp ứng yêu cầu. Hạ tầng điện toán đám mây chưa được sử dụng nhiều, còn tâm lý muốn đầu tư riêng, không bảo đảm chất lượng, hiệu quả.

6. Về kinh phí đầu tư cho phát triển CPĐT

Kinh phí đầu tư cho Chính phủ điện tử chưa đáp ứng nhu cầu nhiều năm. Ước tính so với tổng dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm, chi cho phát triển Chính phủ điện tử chỉ chiếm khoảng 0,3%, trong khi tỷ lệ trung bình thế giới khoảng 1-2%. Các quốc gia chú trọng phát triển công nghệ thông tin và truyền thông, như Singapore, thậm chí tỷ lệ này ở mức 4%.

Phần 4. NỘI DUNG PHÁT TRIỂN CHÍNH PHỦ SỐ GIAI ĐOẠN 2021-2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

Từ những kết quả triển khai Chính phủ điện tử thời gian qua, căn cứ các chủ trương, định hướng của Đảng, Nhà nước, xu thế phát triển Chính phủ số trên thế giới, những nội dung sau đây cần được đưa vào nội dung Chiến lược phát triển Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

I. QUAN ĐIỂM

1. Phát triển chính phủ số có toàn bộ hoạt động an toàn trên môi trường số, có mô hình hoạt động được thiết kế và vận hành dựa trên dữ liệu và công nghệ số, để có khả năng cung cấp dịch vụ chất lượng hơn, đưa ra quyết định kịp thời hơn, ban hành chính sách tốt hơn, sử dụng nguồn lực tối ưu hơn, kiến tạo phát triển, dẫn dắt chuyển đổi số, giải quyết hiệu quả những vấn đề lớn trong phát triển và quản lý kinh tế - xã hội.

2. Tiên phong phát triển chính phủ số một cách tổng thể, toàn diện, tập trung nguồn lực, huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị, có giải pháp, cách làm đột phá, mang tính khác biệt, để cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu phát triển chính phủ điện tử vào năm 2021 và hình thành Chính phủ số vào năm 2025.

3. Định hướng mở để người dân, doanh nghiệp và tổ chức khác tham gia một cách phù hợp vào hoạt động của cơ quan nhà nước, tương tác với cơ quan nhà nước để cùng tăng cường minh bạch, nâng cao chất lượng dịch vụ, cùng giải quyết vấn đề và cùng tạo ra giá trị cho xã hội.

4. Dữ liệu là tài nguyên mới. Cơ quan nhà nước mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

5. Nền tảng là giải pháp đột phá. Kết hợp mô hình tập trung và phân tán, tuân thủ Khung Kiến trúc quốc gia và Kiến trúc của các bộ, ngành, địa phương. Phát triển các nền tảng theo hướng cung cấp dịch vụ đồng bộ, thông suốt các cấp hành chính để có thể sử dụng tại mọi nơi. Các nền tảng, ứng dụng và dịch vụ quy mô quốc gia phải được làm trước, làm tốt, làm tập trung.

6. Thị trường trong nước nuôi dưỡng, phát triển sản phẩm công nghệ số Make in Việt Nam, từ đó vươn ra khu vực và thế giới. Chính phủ chủ động điều phối, quy hoạch, triển khai các hoạt động mang tính định hướng, kiến tạo thị trường nhằm mục tiêu kép vừa phát triển Chính phủ số, vừa phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam. Doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam làm chủ, phát triển các công nghệ lõi,

nền tảng mở phục vụ Chính phủ số, hình thành hệ sinh thái ứng dụng, dịch vụ Make in Việt Nam.

II. TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

Việt Nam có chỉ số phát triển chính phủ điện tử, chính phủ số ở mức độ cao trên thế giới, thuộc nhóm 30 nước dẫn đầu theo xếp hạng của Liên Hiệp Quốc.

Chính phủ số chuyển đổi cách thức phục vụ người dân, doanh nghiệp và người dân, doanh nghiệp tham gia nhiều hơn vào hoạt động của cơ quan nhà nước để cùng tạo ra giá trị, lợi ích, sự hài lòng, niềm tin và đồng thuận xã hội.

Chính phủ số chuyển đổi cách thức tổ chức, vận hành, môi trường làm việc và công cụ làm việc để cán bộ, công chức, viên chức có thể thực hiện tốt nhất nhiệm vụ của mình.

III. MỤC TIÊU

1. Cung cấp dịch vụ chất lượng phục vụ xã hội

Cơ quan nhà nước cắt giảm, tái cấu trúc, đơn giản hóa, chuẩn hóa, thống nhất trên phạm vi toàn quốc các thủ tục hành chính phục vụ xã hội.

Cơ quan nhà nước cung cấp dịch vụ mới một cách chủ động, kịp thời đáp ứng nhu cầu của xã hội.

Người dân, doanh nghiệp có thể sử dụng dịch vụ số theo nhu cầu cá thể hóa, theo suốt cuộc đời, khi cần, theo cách thuận tiện, trực tuyến hoặc trực tiếp, dễ dàng, đơn giản, nhanh chóng, không giấy tờ, không cần sự hiện diện nếu pháp luật không yêu cầu.

Một số chỉ tiêu cơ bản bao gồm:

a) 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.

b) 100% dịch vụ công trực tuyến được thiết kế, thiết kế lại nhằm tối ưu hóa trải nghiệm người dùng, khi sử dụng được điền sẵn dữ liệu mà người dùng đã cung cấp trước đó theo thỏa thuận, phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ.

c) 100% người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương.

d) Tối thiểu 80% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến.

đ) Tối thiểu 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.

e) Tối thiểu 20% thủ tục hành chính của các cơ quan nhà nước được cắt giảm.

2. Huy động rộng rãi sự tham gia của xã hội

Người dân, doanh nghiệp và các tổ chức khác có thể dễ dàng tham gia ý kiến đóng góp cho hoạt động của cơ quan nhà nước, phản ánh những vấn đề của xã hội xung quanh mình tới cơ quan nhà nước và nhận được ý kiến phản hồi về sự tham gia, kết quả tham gia của mình.

Doanh nghiệp có thể tham gia cung cấp dịch vụ công hoặc phát triển những dịch vụ mới, sáng tạo, giúp xã hội có thể dễ dàng tiếp cận và sử dụng dịch vụ công của cơ quan nhà nước.

Nhà nước, người dân, doanh nghiệp và các tổ chức khác cùng tham gia phổ cập việc sử dụng dịch vụ công nói riêng, chuyển đổi số nói chung.

Một số chỉ tiêu cơ bản bao gồm:

a) 100% cơ quan nhà nước cấp bộ, tỉnh tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

b) Tối thiểu 50% dịch vụ công mới của cơ quan nhà nước có sự tham gia cung cấp của doanh nghiệp hoặc tổ chức ngoài nhà nước.

c) 100% công dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh hỗ trợ người dân, doanh nghiệp khả năng tương tác thuận tiện, trực tuyến với cơ quan nhà nước trong các hoạt động quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ dựa trên các nền tảng công nghệ số.

3. Vận hành tối ưu các hoạt động của cơ quan nhà nước

Cơ quan nhà nước thiết kế mô hình tổ chức, cách thức vận hành dựa trên dữ liệu và công nghệ số, tạo ra môi trường làm việc và công cụ làm việc để cán bộ, công chức, viên chức có thể thực hiện tốt nhất nhiệm vụ của mình, kết nối và hợp tác với nhau dễ dàng hơn, đưa ra quyết định kịp thời hơn, ban hành chính sách tốt hơn, sử dụng nguồn lực tối ưu hơn.

Cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số, có năng lực kiến tạo phát triển, dẫn dắt chuyển đổi số trong từng ngành, lĩnh vực, địa phương.

Một số chỉ tiêu cơ bản bao gồm:

a) 100% cơ quan nhà nước cung cấp dịch vụ 24/7, sẵn sàng phục vụ trực tuyến bất cứ khi nào người dân và doanh nghiệp cần.

b) 100% hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước được thực hiện trên nền tảng quản trị tổng thể, thống nhất.

c) 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng, trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật.

d) 100% công tác báo cáo được thực hiện trên hệ thống thông tin báo cáo quốc gia.

đ) 100% cơ quan nhà nước cấp bộ, tỉnh có nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung, có ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa hoạt động.

e) Tối thiểu 50% hoạt động giám sát, kiểm tra của cơ quan quản lý được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

g) Tối thiểu 70% nội dung chương trình đào tạo, thi tuyển, thi nâng ngạch quản lý nhà nước ngạch chuyên viên, chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp hoặc tương đương được thực hiện trực tuyến.

h) 100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản.

i) 50% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số.

4. Giải quyết hiệu quả các vấn đề lớn trong phát triển kinh tế - xã hội

Cơ quan nhà nước có khả năng giải quyết hiệu quả các vấn đề lớn trong phát triển kinh tế - xã hội trên tất cả các lĩnh vực.

Một số vấn đề cơ bản bao gồm:

a) Mỗi người dân có danh tính số, có điện thoại thông minh. Mỗi hộ gia đình có địa chỉ số, có khả năng truy cập Internet cáp quang băng rộng.

b) Mỗi người dân đều được sống trong môi trường bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội và có quyền riêng tư cá nhân trong môi trường số được bảo vệ theo quy định của pháp luật.

c) Mỗi người dân đều có hồ sơ số về sức khỏe cá nhân. Mỗi trạm y tế xã đều triển khai hoạt động quản lý trạm y tế xã trên môi trường số. Mỗi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đều triển khai tư vấn khám, chữa bệnh từ xa. Triển khai hồ sơ

bệnh án điện tử, thanh toán viện phí không dùng tiền mặt, đơn thuốc điện tử. Công khai giá thuốc, giá trang thiết bị y tế, giá khám chữa bệnh.

d) Mỗi học sinh, sinh viên đều có hồ sơ số về việc học tập cá nhân. Mỗi cơ sở đào tạo đều triển khai hoạt động quản lý dạy và học trên môi trường số. Triển khai thanh toán học phí không dùng tiền mặt, học liệu số. Triển khai đại học số là quốc gia số thu nhỏ, thay đổi mô hình dạy và học để tối ưu hóa vận hành các cơ sở đào tạo đại học, tối ưu hóa trải nghiệm học tập của sinh viên và khuyến khích các mô hình đào tạo mới.

đ) Mỗi người nông dân đều có khả năng truy cập, khai thác, sử dụng hiệu quả nền tảng dữ liệu số về nông nghiệp, nền tảng truy xuất nguồn gốc, giảm sự phụ thuộc vào các khâu trung gian từ sản xuất, phân phối đến người tiêu dùng.

e) Mỗi người dân ở độ tuổi lao động đều có khả năng tiếp cận cơ hội việc làm. Mỗi người dân đều có khả năng tiếp cận các khóa học kỹ năng trực tuyến MOOC (Massive Open Online Course) được cá nhân hóa cho đối tượng người học và mở rộng ra toàn xã hội, bao gồm cả những khóa học cơ bản, góp phần nâng cao kỹ năng số của xã hội, xóa mù công nghệ số cho vùng sâu, vùng xa.

g) Mỗi tuyến giao thông đường bộ cao tốc đều được triển khai lắp đặt hệ thống quản lý, điều hành giao thông thông minh. Triển khai thu phí điện tử không dùng tiền mặt tại tất cả các trạm thu phí trên toàn quốc, xóa bỏ tất cả các làn thu phí sử dụng tiền mặt. Mỗi phương tiện ô tô sử dụng tài khoản thu phí điện tử để thanh toán đa mục đích cho các dịch vụ giao thông đường bộ. Giảm chi phí dịch vụ giao nhận - kho vận và xây dựng được chuỗi cung ứng giao nhận - kho vận làm chủ bởi doanh nghiệp Việt Nam.

h) Mỗi người nhập cảnh, xuất cảnh đều có thể dễ dàng, giảm thiểu thời gian, nhanh chóng thực hiện các thủ tục cần thiết nhờ sự trợ giúp hiệu quả của các quy trình đã được tự động hóa, ngang bằng với những nước tốt nhất trong khu vực.

i) Mỗi hàng hóa xuất nhập khẩu, phương tiện xuất nhập cảnh được quản lý từ khâu đầu đến khâu cuối sử dụng nền tảng công nghệ số, giảm thiểu thời gian, nhanh chóng thực hiện thủ tục hải quan, ngang bằng với những nước tốt nhất trong khu vực.

k) Mỗi hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp nhỏ và vừa đều có thể dễ dàng trải nghiệm sử dụng các nền tảng công nghệ số phục vụ sản xuất, kinh doanh.

l) Mỗi cá nhân, hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp có thể dễ dàng gửi nhận hóa đơn điện tử với nhau và với cơ quan thuế sử dụng nền tảng công nghệ số.

5. Thay đổi đột phá xếp hạng quốc gia

Xếp hạng quốc gia của Việt Nam về phát triển chính phủ điện tử, chính phủ số theo đánh giá của Liên Hợp Quốc có sự thay đổi đột phá.

Một số chỉ tiêu cơ bản bao gồm:

- a) Việt Nam thuộc nhóm 50 nước dẫn đầu về chỉ số tổng thể.
- b) Việt Nam thuộc nhóm 50 nước dẫn đầu về chỉ số tham gia điện tử.
- c) Việt Nam thuộc nhóm 50 nước dẫn đầu về chỉ số dữ liệu mở.

IV. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM QUỐC GIA

1. Hoàn thiện môi trường pháp lý

a) Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi Luật Giao dịch điện tử và các văn bản hướng dẫn nhằm giải quyết những khó khăn, vướng mắc ở mức luật, tạo điều kiện phát triển Chính phủ số giai đoạn mới.

b) Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi Luật Lưu trữ để có quy định về lưu trữ điện tử, tạo điều kiện pháp lý cho việc thực hiện chuyển đổi số hoàn toàn trong hoạt động và quy trình làm việc của các cơ quan, tổ chức nhà nước.

c) Sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước để có các quy định phù hợp, cung cấp các dịch vụ số đa dạng, thuận tiện hơn, tăng cường sự tương tác với người dân và doanh nghiệp, chất lượng dịch vụ được đánh giá dựa trên mức độ hài lòng của người dùng.

d) Ban hành Nghị định về định danh và xác thực điện tử và hoàn thiện hành lang pháp lý để phổ cập danh tính số.

đ) Bảo đảm môi trường pháp lý cho phép thí điểm dùng tài khoản viễn thông thanh toán cho các hàng hóa, dịch vụ có giá trị nhỏ (Mobile-Money) và đánh giá để sớm đưa vào hoạt động chính thức.

e) Bảo đảm môi trường pháp lý cho phép thử nghiệm, chấp nhận cái mới và chấp nhận thay đổi. Hình thành không gian thí điểm dịch vụ số và xây dựng khung pháp lý cho phép thử nghiệm các dịch vụ số chưa được quy định bởi pháp luật. Không gian thí điểm dịch vụ số là không gian số cho phép mọi sản phẩm, dịch vụ số sáng tạo, chưa được quy định bởi các văn bản quy phạm pháp luật có thể triển khai thí điểm với điều kiện được giám sát chặt chẽ bằng công nghệ về phạm vi, quy mô và mô hình hoạt động. Khi đạt đến quy mô nhất định, tổ chức

đánh giá để xây dựng hành lang pháp lý cần thiết.

g) Xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật về Chính phủ số theo kịp sự phát triển của công nghệ, bảo đảm sự phát triển đồng bộ các mô hình Chính phủ số, bảo đảm an toàn, an ninh mạng, kết nối liên thông, chia sẻ hạ tầng kỹ thuật, dữ liệu giữa các hệ thống thông tin.

h) Duy trì, cập nhật Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, Kiến trúc chính phủ điện tử, chính quyền điện tử của các bộ, ngành, địa phương phù hợp với yêu cầu của Chính phủ số, chính quyền số nhằm triển khai Chính phủ số đồng bộ trên quy mô toàn quốc, bảo đảm kết nối, liên thông, tránh đầu tư trùng lặp.

2. Phát triển hạ tầng số

a) Hạ tầng mạng

- Phát triển và vận hành hạ tầng mạng chuyên dùng ổn định, an toàn, thông suốt, kết nối 4 cấp hành chính từ Trung ương đến cấp xã trên cơ sở Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước, mạng diện rộng của các bộ, ngành, địa phương, mạng Internet băng rộng để phục vụ Chính phủ số;

- Triển khai các hệ thống kỹ thuật bảo đảm năng lực, an toàn thông tin cho Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước làm hạ tầng truyền dẫn căn bản trong kết nối các hệ thống thông tin, liên thông, chia sẻ dữ liệu phục vụ Chính phủ số.

b) Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ

- Hệ sinh thái đám mây phục vụ Chính phủ số gồm Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ (CGC), đám mây của các cơ quan nhà nước tại các bộ, ngành, địa phương (AGC) và đám mây của các doanh nghiệp đáp ứng được yêu cầu nghiệp vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phục vụ Chính phủ số (EGC);

- Xây dựng Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ (CGC) thống nhất trên cơ sở quy hoạch, kết nối đám mây của các cơ quan nhà nước tại các bộ, ngành, địa phương (AGC) nhằm tạo môi trường để lưu trữ, chia sẻ tài nguyên, phát triển dịch vụ dùng chung cho Chính phủ số trên quy mô toàn quốc được linh hoạt, hiệu quả, nhanh chóng; kết nối, khai thác hiệu quả các hệ thống đám mây của doanh nghiệp (EGC) để cung cấp hạ tầng điện toán đám mây cho Chính phủ số.

3. Phát triển các nền tảng số và hệ thống quy mô quốc gia

a) Phát triển Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) để kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương trên quy mô toàn quốc thông qua việc kết nối với Nền tảng

tích hợp, chia sẻ dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương (LGSP).

b) Phát triển Nền tảng trao đổi định danh và xác thực điện tử quốc gia (NIXA) hướng tới xây dựng mô hình liên hiệp định danh, tận dụng tối đa các hình thức xác thực điện tử hiện có để tiết kiệm thời gian, chi phí triển khai.

c) Xây dựng Nền tảng phát triển kỹ năng số quốc gia tạo điều kiện cho việc trao đổi tài nguyên học tập, tổ chức các khóa bồi dưỡng kỹ năng số trực tuyến trên quy mô quốc gia.

d) Phát triển Nền tảng ứng dụng trên thiết bị di động cho mọi dịch vụ Chính phủ điện tử, Chính phủ số, dịch vụ, tiện ích trong kinh tế số, xã hội số cho người dân và doanh nghiệp có thể sử dụng mọi lúc, mọi nơi, phù hợp với định hướng 100% người dân có điện thoại thông minh, kết nối với Nền tảng trao đổi định danh và xác thực điện tử quốc gia.

đ) Phát triển Nền tảng ứng dụng trên thiết bị di động cho phép người dân và doanh nghiệp có thể định danh trên không gian số và sử dụng mọi dịch vụ Chính phủ điện tử, Chính phủ số, các dịch vụ, tiện ích trong kinh tế số, xã hội số mọi lúc, mọi nơi.

e) Xây dựng Hệ thống quản lý chất lượng các nền tảng, sản phẩm, giải pháp phục vụ Chính phủ số.

g) Xây dựng Hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính phủ số.

h) Xây dựng Hệ thống giám sát các nền tảng số phục vụ công tác quản lý nhà nước chuyên ngành.

i) Xây dựng Cổng công nghệ mở (GovTech) của Việt Nam để cung cấp công khai, minh bạch thông tin về các giải pháp, nền tảng công nghệ mở mà cơ quan nhà nước đang sử dụng hoặc doanh nghiệp Việt Nam phát triển; đồng thời tham gia tích cực vào công tác xây dựng các chuẩn mở và cộng đồng nguồn mở quốc tế.

k) Phát triển các nền tảng để cung cấp dịch vụ thiết yếu, cơ bản trên quy mô quốc gia, các nền tảng thương mại điện tử, giao nhận - kho vận phục vụ phát triển kinh tế số, góp phần thực hiện mục tiêu xóa nghèo, các nền tảng phục vụ chuyển đổi số trong từng ngành, lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số theo Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ và các đề án thành phần.

4. Phát triển dữ liệu số quốc gia

a) Phát triển dữ liệu số quốc gia tạo nền tảng cho triển khai Chính phủ số,

bảo đảm cung cấp dữ liệu số cho các dịch vụ công trực tuyến, cung cấp các bộ dữ liệu mở có chất lượng và giá trị khai thác cao, mở dữ liệu theo quy định của pháp luật để phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

b) Các cơ sở dữ liệu quốc gia phục vụ triển khai các dịch vụ cơ bản, thiết yếu liên quan đến người dân, doanh nghiệp, cơ quan nhà nước cần được phát triển trước. Xác định dữ liệu về dân cư, đất đai, doanh nghiệp là dữ liệu trụ cột, cốt lõi cần phải hoàn thành, đưa vào khai thác sớm để dẫn dắt, liên kết, thống nhất toàn bộ dữ liệu trong cơ quan nhà nước về các ngành, lĩnh vực.

c) Xây dựng dữ liệu có phạm vi toàn quốc trong các lĩnh vực quan trọng: hạ tầng không gian địa lý; bảo hiểm, y tế, an sinh xã hội; tài chính; căn cước; hộ tịch; giáo dục; đào tạo; cán bộ công chức, viên chức; nông nghiệp; việc làm; phương tiện giao thông.

5. Phát triển các ứng dụng, dịch vụ quốc gia

a) Phát triển, hoàn thiện Cổng Dịch vụ công quốc gia để người dân và doanh nghiệp có thể truy cập đến các dịch vụ công trực tuyến của các bộ, ngành, địa phương qua một địa chỉ duy nhất trên mạng, tích hợp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 của các bộ, ngành, địa phương theo lộ trình phù hợp theo Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 12/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Cổng dịch vụ công quốc gia.

b) Xây dựng Cổng dữ liệu quốc gia là đầu mối cung cấp dữ liệu mở của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng nhằm minh bạch, tăng cường chia sẻ dữ liệu, thúc đẩy sáng tạo, phát triển kinh tế số, xã hội số, bảo đảm an toàn thông tin của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

c) Phát triển Hệ tri thức Việt số hóa tạo môi trường thuận lợi thu hút mọi cơ quan, tổ chức, người dân và doanh nghiệp tham gia tích cực đóng góp và khai thác các tài nguyên tri thức số.

d) Xây dựng Nền tảng hợp trực tuyến, Nền tảng hỗ trợ làm việc từ xa dựa trên Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ đảm bảo kế thừa các hệ thống thông tin đã được xây dựng tại các bộ, ngành, địa phương.

đ) Phát triển Trục liên thông văn bản quốc gia kết nối với hệ thống quản lý văn bản và điều hành của các bộ, ngành, địa phương hướng tới hầu hết các văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước trên quy mô toàn quốc được thực hiện hoàn toàn qua môi trường mạng.

e) Phát triển, hoàn thiện Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ để thu thập,

tích hợp, chia sẻ dữ liệu báo cáo của các cơ quan hành chính nhà nước để tổng hợp, phân tích dữ liệu nhằm phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

g) Xây dựng Hệ thống thông tin Ngân sách và Kế toán nhà nước số dựa trên công nghệ hiện đại, có khả năng cung cấp thông tin, báo cáo đa chiều và mở rộng khả năng truy cập tới người dân, doanh nghiệp và các cơ quan, đơn vị nhằm nâng cao tính công khai, minh bạch và phục vụ hữu hiệu cho công tác quản lý, điều hành tài chính - ngân sách nhà nước.

h) Nâng cấp Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, kết nối chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin Ngân sách và Kế toán nhà nước số để thực hiện đấu thầu, mua sắm tài sản công qua mạng, quản lý thống nhất thông tin, cơ sở dữ liệu về đấu thầu trên phạm vi cả nước và nâng cao hiệu quả quản lý chi ngân sách nhà nước.

i) Phát triển ứng dụng, dịch vụ quy mô quốc gia khác để triển khai Chính phủ số và dẫn dắt chuyển đổi số trong từng ngành, lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số theo Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ và các đề án thành phần.

6. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng quốc gia

a) Xây dựng hệ thống hỗ trợ giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng phục vụ Chính phủ điện tử.

b) Xây dựng hệ thống thao trường mạng phục vụ huấn luyện, diễn tập, sát hạch an toàn thông tin phục vụ Chính phủ điện tử.

c) Xây dựng hệ thống đánh giá, kiểm định an toàn thông tin.

d) Xây dựng hệ thống phân tích, xử lý dữ liệu lớn phục vụ nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng quốc gia.

đ) Xây dựng hệ thống hỗ trợ điều phối, ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng.

V. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

Trong phạm vi ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

1. Hoàn thiện quy chế, quy định của bộ, ngành, địa phương

a) Rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung, xây dựng các kiến trúc, quy chế, quy

định nội bộ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương về xây dựng, phát triển, quản lý, vận hành, khai thác các hệ thống thông tin phục vụ Chính phủ số và Chính quyền số các cấp phù hợp với định hướng Chiến lược này.

b) Rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung hoặc đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình phù hợp với định hướng Chiến lược này.

2. Phát triển hạ tầng số của bộ, ngành, địa phương

a) Phát triển hạ tầng mạng đáp ứng nhu cầu triển khai Chính phủ số tại bộ, ngành, địa phương theo hướng ưu tiên thuê dịch vụ, kết nối và sử dụng hiệu quả Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.

b) Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ Chính phủ số tại bộ, ngành, địa phương theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây, ưu tiên hình thức thuê dịch vụ chuyên nghiệp và thực hiện kết nối với Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ theo mô hình do Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn.

c) Phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT) phục vụ các ứng dụng nghiệp vụ, chuyên ngành trong triển khai Chính phủ số gắn kết với phát triển đô thị thông minh tại các bộ, ngành, địa phương, ưu tiên hình thức thuê dịch vụ chuyên nghiệp, bảo đảm triển khai hiệu quả, tránh chồng chéo, tận dụng, kết hợp tối đa với hạ tầng của các tổ chức, cá nhân đã đầu tư.

3. Phát triển nền tảng, hệ thống của bộ, ngành, địa phương

a) Phát triển Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp bộ/tỉnh (LGSP) kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong nội bộ bộ, ngành, địa phương và kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) theo Khung Kiến trúc quốc gia (Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam phiên bản 2.0 và phiên bản cập nhật) để trao đổi, chia sẻ dữ liệu với các cơ quan bên ngoài.

b) Phát triển Hệ thống Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC) cho các hệ thống thông tin của bộ, ngành, địa phương và kết nối với Hệ thống hỗ trợ giám sát, điều hành an toàn mạng phục vụ Chính phủ số của quốc gia, Hệ thống an ninh mạng phục vụ Chính phủ số của quốc gia. Đối với các bộ, tỉnh, Hệ thống Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng có thể là một bộ phận của Hệ thống Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh (IOC), tránh trùng lặp, lãng phí.

c) Phát triển các nền tảng, hệ thống sử dụng trong phạm vi bộ, ngành, địa

phương để tiết kiệm thời gian, chi phí, tạo điều kiện kết nối, chia sẻ dữ liệu.

4. Phát triển dữ liệu của bộ, ngành, địa phương

a) Phát triển các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ ứng dụng, dịch vụ Chính phủ số trong nội bộ của bộ, ngành, địa phương, bảo đảm không trùng lặp, cập nhật, kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu quy mô quốc gia theo yêu cầu và thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP); thực hiện chia sẻ, tích hợp dữ liệu chuyên ngành của các bộ, ngành với các địa phương; mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật; hầu hết các dữ liệu gốc được lưu trữ dưới dạng máy có thể đọc được và chia sẻ dưới dạng dịch vụ giao diện lập trình ứng dụng (API).

b) Xây dựng kho dữ liệu của công dân khi thực hiện các giao dịch trực tuyến với các cơ quan nhà nước; giúp người dân quản lý, lưu trữ dữ liệu điện tử của mình, cung cấp chia sẻ với các cơ quan nhà nước, hạn chế việc sử dụng văn bản giấy và cung cấp lặp lại thông tin cho các cơ quan nhà nước.

c) Xây dựng Nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp cấp bộ, cấp tỉnh nhằm lưu trữ tập trung, tổng hợp, phân tích, xử lý dữ liệu từ các nguồn khác nhau, từ đó tạo ra thông tin mới, dịch vụ dữ liệu mới phục vụ Chính phủ số, hướng tới việc hình thành kho dữ liệu dùng chung cấp bộ, ngành, địa phương.

5. Phát triển ứng dụng, dịch vụ số của bộ, ngành, địa phương

a) Phát triển Hệ thống tích hợp Cổng dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử với các hệ thống xử lý nghiệp vụ chuyên ngành để cung cấp dịch vụ số, kết nối với Hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính phủ số và các hệ thống quy mô quốc gia cần thiết khác; ứng dụng công nghệ số để cá nhân hóa giao diện, nâng cao trải nghiệm người dùng dịch vụ công, tiếp thu ý kiến người dân và doanh nghiệp khi xây dựng, sử dụng các dịch vụ công trực tuyến.

b) Phát triển các dịch vụ công trực tuyến dựa trên nhu cầu người dân và theo các sự kiện trong cuộc đời, người dân chỉ cung cấp thông tin một lần, tận dụng sức mạnh của công nghệ để phát triển các dịch vụ số mới, đồng thời tinh giản một số dịch vụ không cần thiết. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ trí tuệ nhân tạo trong cung cấp dịch vụ như trợ lý ảo, trả lời tự động. Triển khai các nội dung khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, trước hết xem xét để giảm chi phí và thời gian cho người dân khi thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến.

c) Triển khai các kênh tương tác trực tuyến để người dân tham gia, giám sát

hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật, ra quyết định của cơ quan nhà nước.

d) Phát triển Hệ thống thông tin báo cáo; từng bước tự động hóa công tác báo cáo, thống kê phục vụ sự chỉ đạo, điều hành nhanh chóng, kịp thời, hỗ trợ ra quyết định dựa trên dữ liệu của cơ quan nhà nước các cấp và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

đ) Triển khai các hệ thống làm việc từ xa theo hướng thuê dịch vụ nhằm đa dạng hóa các hình thức làm việc phù hợp với các đối tượng, hoàn cảnh khác nhau, bảo đảm kế thừa, kết nối với các hệ thống thông tin của quốc gia, của bộ, ngành, địa phương đã được xây dựng.

e) Phát triển các dịch vụ đô thị thông minh phù hợp điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế; ưu tiên phát triển trước các dịch vụ giải quyết các vấn đề bức thiết của xã hội tại các đô thị như tắc nghẽn giao thông, ô nhiễm môi trường, phát triển du lịch, phát triển y tế, phát triển giáo dục, quản lý trật tự xây dựng và phải bảo đảm hiệu quả, tránh hình thức, lãng phí. Gắn kết các dịch vụ đô thị thông minh với các dịch vụ chính quyền số. Triển khai đô thị thông minh tuân thủ Khung tham chiếu ICT, Kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh.

g) Phát triển các ứng dụng, dịch vụ chuyên ngành phục vụ nội bộ và kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin trong và ngoài bộ, ngành, địa phương theo nhu cầu.

h) Các bộ, ngành lựa chọn phát triển ứng dụng, dịch vụ quy mô quốc gia một cách phù hợp cho toàn ngành từ Trung ương đến địa phương để tiết kiệm chi phí, thời gian triển khai. Dữ liệu được hình thành từ các ứng dụng, dịch vụ dùng chung được chia sẻ khi có nhu cầu.

i) Ứng dụng mạnh mẽ, hiệu quả các công nghệ số mới như điện toán đám mây (Cloud Computing), dữ liệu lớn (Big Data), di động (Mobility), Internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (Blockchain), mạng xã hội và các công nghệ số mới trong xây dựng, triển khai các ứng dụng, dịch vụ Chính phủ số tại bộ, ngành, địa phương để tiết kiệm thời gian, chi phí xây dựng, vận hành các hệ thống thông tin và tự động hoá, thông minh hoá, tối ưu hoá các quy trình xử lý công việc.

6. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng của bộ, ngành, địa phương

a) Triển khai bảo đảm an toàn, an ninh mạng theo mô hình bốn lớp theo chiều sâu với việc kiện toàn lực lượng tại chỗ; thuê lực lượng giám sát, bảo vệ

chuyên nghiệp; định kỳ kiểm tra, đánh giá; kết nối đến Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia.

b) Tham gia vào các chiến dịch bảo đảm an toàn, an ninh mạng do Bộ Thông tin và Truyền thông phát động.

c) Tham gia vào Mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng quốc gia do Bộ Thông tin và Truyền thông điều phối.

VI. GIẢI PHÁP

1. Tổ chức, bộ máy, mạng lưới

a) Phát huy sức mạnh của hệ thống chính trị và chính quyền bốn cấp để triển khai Chính phủ số, chuyển đổi số.

b) Kien toan to chức, bộ máy, thiết lập mạng lưới đơn vị chuyên trách và nhân sự hỗ trợ triển khai từ Trung ương đến địa phương với nòng cốt gồm các đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh các cấp và đại diện các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin tại mỗi địa phương.

2. Tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số

a) Đưa nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng dựa trên các nền tảng mở, phần mềm nguồn mở vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học để hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số.

b) Rà soát, cập nhật khung năng lực, chuẩn kỹ năng công nghệ thông tin tích hợp kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức nhà nước. Đưa nội dung đào tạo về kỹ năng số vào chương trình đào tạo quản lý nhà nước ngạch chuyên viên, chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp hoặc tương đương. Tổ chức đào tạo, sát hạch, thi tuyển, thi nâng ngạch trực tuyến đảm bảo minh bạch, chất lượng.

c) Tổ chức bồi dưỡng, nâng cao nhận thức cho cán bộ lãnh đạo; cán bộ, công chức, viên chức cơ quan nhà nước các cấp về Chính phủ số, khung kiến trúc, kiến trúc chính phủ điện tử/chính phủ số và bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

d) Tổ chức bồi dưỡng, huấn luyện đội ngũ chuyên gia về Chính phủ số tạo lực lượng nòng cốt, lan tỏa kiến thức, kỹ năng cho phát triển Chính phủ số tại các bộ, ngành, địa phương. Các chuyên gia về Chính phủ số trước hết phải nắm bắt được các xu thế công nghệ mới, các bài học kinh nghiệm, quy định pháp luật, mô hình, quy định kỹ thuật trong triển khai Chính phủ số. Xây dựng mạng lưới chuyên gia về Chính phủ số để chia sẻ tri thức, phối hợp giải quyết các vấn đề lớn.

đ) Tổ chức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số, kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu cho cán bộ, công chức, viên chức hàng năm để sẵn sàng chuyển đổi môi trường làm việc sang môi trường số.

3. Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung, chính sách pháp luật để nâng cao nhận thức cho người dân và toàn xã hội về Chính phủ điện tử, Chính phủ số, chuyển đổi số.

b) Tổ chức phổ cập kỹ năng số cho người dân, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số của cơ quan nhà nước thông qua các hoạt động xã hội hóa.

c) Định kỳ hàng năm tổ chức tôn vinh dịch vụ công chất lượng nhất, dịch vụ công thu hút được sự tham gia rộng rãi nhất, cơ quan nhà nước vận hành tối ưu nhất, vấn đề phát triển kinh tế - xã hội đã giải quyết có kết quả đột phá nhất và cơ quan nhà nước phát triển chính phủ số tốt nhất.

4. Hợp tác giữa cơ quan nhà nước và doanh nghiệp

a) Doanh nghiệp công nghệ số nghiên cứu, đầu tư xây dựng các sản phẩm, dịch vụ phát triển Chính phủ số, trước hết là khuyến khích các cơ chế, chính sách về thuê dịch vụ, hợp tác theo phương thức đối tác công tư, sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, tham gia các quỹ đầu tư, phát triển trung tâm đổi mới sáng tạo.

b) Nhà nước đóng vai trò quan trọng trong việc điều phối, quy hoạch, thúc đẩy phát triển hiệu quả thị trường cung cấp sản phẩm, dịch vụ Chính phủ số của các doanh nghiệp chủ chốt. Chính phủ triển khai một số hoạt động mang tính định hướng, kiến tạo thị trường bằng cách làm trước, cho phép trải nghiệm dùng thử hoặc cung cấp dịch vụ cơ bản.

c) Cơ quan nhà nước phối hợp doanh nghiệp để cung cấp dịch vụ công thông qua mạng lưới bưu chính công ích và ứng dụng của doanh nghiệp.

d) Khai thác hiệu quả mạng lưới bưu chính công ích để hỗ trợ người dân tiếp cận các dịch vụ Chính phủ số, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, các đối tượng yếu thế trong xã hội.

5. Nghiên cứu, phát triển, làm chủ các công nghệ lõi

a) Thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng nền tảng mở, mã nguồn mở phục vụ Chính phủ số.

b) Mở các nền tảng quốc gia hướng tới tạo thành hệ sinh thái để các doanh

ng nghiệp công nghệ số có thể tham gia phát triển các dịch vụ kinh tế số, xã hội số.

c) Lựa chọn ưu tiên, đẩy mạnh phong trào nghiên cứu một số công nghệ cốt lõi mà Việt Nam có lợi thế, có khả năng tạo bứt phá mạnh mẽ như trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (blockchain) và thực tế ảo/thực tế tăng cường (VR/AR), dữ liệu lớn (Big Data) tạo điều kiện sớm triển khai các công nghệ số tiên tiến trong Chính phủ số. Thực hiện cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số nghiên cứu, phát triển các ứng dụng công nghệ mới cho Chính phủ số.

d) Khuyến khích phát triển các doanh nghiệp công nghệ số để làm chủ các công nghệ cốt lõi trong Chính phủ số trước hết đó là các công nghệ điện toán đám mây, bảo mật, an toàn, an ninh mạng, nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu, các nền tảng cho phát triển các ứng dụng chuyên ngành.

đ) Nghiên cứu, xây dựng và thí điểm sử dụng tiền ảo dựa trên công nghệ chuỗi khối (blockchain).

e) Xây dựng các chương trình nghiên cứu, ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tạo ra những sản phẩm, dịch vụ mang đặc thù Việt Nam, tạo lợi thế cạnh tranh, tạo nền tảng thúc đẩy Chuyển đổi số quốc gia. Các sản phẩm, dịch vụ này ưu tiên thí điểm ứng dụng trước trong các cơ quan nhà nước, từ đó đánh giá, hoàn thiện, hình thành ra các nền tảng để phục vụ kinh tế số, xã hội số.

g) Ban hành quy định về việc sử dụng sản phẩm, giải pháp đã được đánh giá, kiểm định trong triển khai Chính phủ số. Ưu tiên sử dụng các sản phẩm, giải pháp, công nghệ thiết kế, sản xuất bởi các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam trong các hệ thống Chính phủ số.

6. Chuẩn hoá, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ

a) Thực hiện gắn kết chặt chẽ giữa cải cách thủ tục hành chính với phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

b) Rà soát các thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ trong các cơ quan nhà nước theo hướng đơn giản hoá hoặc thay đổi phù hợp để có thể ứng dụng hiệu quả công nghệ số.

c) Rà soát loại bỏ một số thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ khi ứng dụng công nghệ số.

7. Hợp tác quốc tế

a) Chủ động hợp tác quốc tế trong phát triển Chính phủ số; chủ động, tích cực tham gia các tổ chức quốc tế, các sáng kiến về Chính phủ số và phát triển công nghệ số, kinh tế số, trong đó sẵn sàng phát huy vai trò đi đầu trong những

lĩnh vực có thể mạnh; tham gia chủ động, tích cực vào việc xây dựng các khuôn khổ pháp lý, tiêu chuẩn, nguyên tắc quốc tế mới về công nghệ số phù hợp với mục tiêu và lợi ích của Việt Nam.

b) Hỗ trợ một số nước trong phát triển Chính phủ số nhằm tăng cường mối quan hệ hợp tác quốc tế, đồng thời quảng bá, tạo thị trường cho các sản phẩm, dịch vụ Chính phủ số của các doanh nghiệp Việt Nam.

8. Bảo đảm kinh phí

a) Ưu tiên sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật để phát triển Chính phủ số; tăng cường thực hiện giải pháp thuê dịch vụ công nghệ thông tin.

b) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng phương án bảo đảm kinh phí hàng năm tối thiểu 1% ngân sách nhà nước cho chuyển đổi số, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số; báo cáo, đề xuất Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thông qua.

c) Ưu tiên bố trí nguồn vốn đầu tư công để thực hiện các dự án phát triển hạ tầng, trung tâm dữ liệu, cơ sở dữ liệu quốc gia, nền tảng quốc gia, các ứng dụng, dịch vụ quốc gia sử dụng vốn đầu tư công do ngân sách trung ương đảm bảo.

9. Đo lường, giám sát, đánh giá triển khai

a) Thực hiện đo lường, giám sát tự động tới từng hệ thống, từng dịch vụ phục vụ Chính phủ số.

b) Giám sát, đánh giá, đo lường hiệu quả các dự án đầu tư được thực hiện dựa trên số liệu.

c) Định kỳ hàng tháng, hàng năm công bố kết quả đánh giá, làm cơ sở để theo dõi, đôn đốc, xếp hạng về Chính phủ điện tử, Chính phủ số; công khai trực tuyến các chỉ số chính trong phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

10. Cơ chế điều hành, tổ chức thực thi

a) Phát huy vai trò Ủy ban Quốc gia về Chính phủ điện tử, Ban Chỉ đạo xây dựng Chính phủ điện tử, Chính quyền điện tử của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc chỉ đạo phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số.

b) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trực tiếp chỉ đạo,

chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về kết quả phát triển Chính phủ số, Chính quyền số tại bộ, ngành, địa phương mình.

c) Phát huy vai trò Bộ Thông tin và Truyền thông, đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc tổ chức, điều phối công tác phát triển Chính phủ số, chuyển đổi số các cấp.

d) Triển khai Chính phủ số theo hướng từng bước tập trung hoá, phát triển các ứng dụng, dịch vụ Chính phủ số dựa trên nền tảng điện toán đám mây, ưu tiên theo hướng thuê dịch vụ.

Phụ lục I

**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM THỰC HIỆN
CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ HƯỚNG TỚI
CHÍNH PHỦ SỐ GIAI ĐOẠN 2021-2025, ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2030**

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện
I	Hoàn thiện môi trường pháp lý		
1.	Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi Luật Giao dịch điện tử và các văn bản hướng dẫn, trong đó có quy định về Chính phủ số	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2022
2.	Nghiên cứu, đề xuất môi trường pháp lý cho phép thử nghiệm, chấp nhận cái mới và chấp nhận thay đổi, hình thành không gian thí điểm dịch vụ số và cho phép thử nghiệm các dịch vụ số chưa được quy định bởi pháp luật	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2023
3.	Hoàn thiện, trình Chính phủ ban hành Nghị định về định danh, xác thực điện tử và hoàn thiện hành lang pháp lý để phổ cập danh tính số.	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021
4.	Bảo đảm môi trường pháp lý cho phép thí điểm dùng tài khoản viễn thông thanh toán cho các hàng hóa, dịch vụ có giá trị nhỏ (Mobile-Money) và đánh giá để sớm đưa vào hoạt động chính thức.	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021
5.	Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi Luật Lưu trữ	Bộ Nội vụ	2021-2022
6.	Sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 43/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2022
7.	Xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật về Chính phủ số	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
8.	Duy trì, cập nhật Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam phù hợp với yêu cầu phát triển Chính phủ số	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
9.	Duy trì, cập nhật Kiến trúc Chính phủ điện tử cấp bộ, Kiến trúc Chính quyền điện tử cấp tỉnh phù hợp với Khung Kiến	Bộ, ngành, địa phương	2021-2025

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện
	trúc quốc gia và yêu cầu phát triển chính quyền số		
II	Phát triển hạ tầng số		
10.	Phát triển và vận hành hạ tầng mạng chuyên dùng ổn định, an toàn, thông suốt, kết nối 4 cấp hành chính từ Trung ương đến cấp xã trên cơ sở Mạng Truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước, mạng diện rộng của các bộ, ngành, địa phương, mạng Internet băng rộng để phục vụ Chính phủ số	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
11.	Xây dựng Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ thống nhất trên cơ sở quy hoạch, kết nối đám mây của các cơ quan nhà nước tại các bộ, ngành, địa phương	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
III	Phát triển các nền tảng số và hệ thống quy mô quốc gia		
12.	Phát triển Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP)	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2023
13.	Phát triển Nền tảng trao đổi định danh và xác thực điện tử quốc gia (NIXA)	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2022
14.	Xây dựng Nền tảng định danh và xác thực trên thiết bị di động.	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2022
15.	Xây dựng Nền tảng phát triển kỹ năng số quốc gia	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2023
16.	Xây dựng nền tảng ứng dụng trên thiết bị di động cho mọi dịch vụ chính phủ điện tử, chính phủ số, tiện ích trong kinh tế số, xã hội số cho người dân và doanh nghiệp	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2023
17.	Xây dựng Hệ thống quản lý chất lượng đối với các nền tảng, sản phẩm, giải pháp phục vụ Chính phủ số	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
18.	Xây dựng Hệ thống giám sát, đo lường mức độ sử dụng dịch vụ Chính phủ số của các cơ quan nhà nước	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
19.	Xây dựng Hệ thống giám sát các nền tảng số phục vụ công tác quản lý nhà nước chuyên ngành	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
20.	Xây dựng Công nghệ mở (GovTech) của Việt Nam	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2022
21.	Phát triển các nền tảng để cung cấp dịch	Các bộ, ngành	2021-2025

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện
	vụ thiết yếu, cơ bản trên quy mô quốc gia, các nền tảng thương mại điện tử, giao nhận - kho vận phục vụ phát triển kinh tế số, góp phần thực hiện mục tiêu xóa nghèo, các nền tảng phục vụ chuyển đổi số trong từng ngành, lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số theo Chương trình Chuyển đổi số quốc gia		
IV	Phát triển dữ liệu số quốc gia		
22.	Phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư	Bộ Công an	2021
23.	Phát triển Cơ sở dữ liệu Đất đai quốc gia	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2021-2022
24.	Phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2021
25.	Phát triển dữ liệu về tài chính	Bộ Tài chính	2021-2022
26.	Phát triển dữ liệu về bảo hiểm	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	2021-2022
27.	Phát triển dữ liệu về hộ tịch	Bộ Tư pháp	2021-2022
28.	Phát triển dữ liệu về y tế	Bộ Y tế	2021-2023
29.	Phát triển dữ liệu về nông nghiệp	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2021-2025
30.	Phát triển dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức	Bộ Nội vụ	2021-2023
31.	Phát triển dữ liệu về việc làm, an sinh xã hội	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	2021-2025
32.	Phát triển dữ liệu về giáo dục và đào tạo	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2021-2023
33.	Phát triển dữ liệu về phương tiện giao thông	Bộ Giao thông vận tải	2021-2023
V	Phát triển các ứng dụng, dịch vụ quốc gia		

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện
34.	Phát triển, hoàn thiện Cổng Dịch vụ công quốc gia	Văn phòng Chính phủ	2021-2025
35.	Xây dựng Cổng dữ liệu quốc gia	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
36.	Phát triển Hệ tri thức Việt số hóa	Bộ Khoa học và Công nghệ	2021-2025
37.	Xây dựng Hệ thống họp trực tuyến, Hệ thống hỗ trợ làm việc từ xa trên môi trường số	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2023
38.	Phát triển Trục liên thông văn bản quốc gia	Văn phòng Chính phủ	2021-2025
39.	Phát triển, hoàn thiện Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ	Văn phòng Chính phủ	2021-2025
40.	Xây dựng Hệ thống thông tin Ngân sách và Kế toán nhà nước số	Bộ Tài chính	2021-2025
41.	Nâng cấp Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2021-2025
42.	Xây dựng Hệ thống thông tin quản lý Kiến trúc	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
43.	Phát triển ứng dụng, dịch vụ quy mô quốc gia để triển khai Chính phủ số và dẫn dắt chuyển đổi số trong từng ngành, lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số theo Chương trình Chuyển đổi số quốc gia	Bộ, ngành	2021-2025
VI	Bảo đảm an toàn, an ninh mạng quốc gia		
44.	Xây dựng Hệ thống hỗ trợ giám sát, điều hành an toàn mạng phục vụ Chính phủ điện tử	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
45.	Xây dựng hệ thống thao trường mạng phục vụ huấn luyện, diễn tập, sát hạch an toàn thông tin phục vụ Chính phủ điện tử	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
46.	Xây dựng hệ thống đánh giá, kiểm định an toàn thông tin	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
47.	Xây dựng hệ thống phân tích, xử lý dữ liệu lớn phục vụ nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng quốc gia	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện
48.	Xây dựng hệ thống hỗ trợ điều phối, ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
VII	Tổ chức, bộ máy, mạng lưới		
49.	Kiến tạo toàn tổ chức, bộ máy, thiết lập mạng lưới đơn vị chuyên trách và nhân sự hỗ trợ triển khai từ Trung ương đến địa phương để triển khai chính phủ số, chuyển đổi số	Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Nội vụ; Bộ, ngành, địa phương	2021-2023
VIII	Tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số		
50.	Đưa nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng dựa trên các nền tảng mở, phần mềm nguồn mở vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học	Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Giáo dục và Đào tạo	2021-2023
51.	Rà soát, cập nhật khung năng lực, chuẩn kỹ năng công nghệ thông tin tích hợp kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức nhà nước. Đưa nội dung đào tạo về kỹ năng số vào chương trình đào tạo quản lý nhà nước ngạch chuyên viên, chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp hoặc tương đương. Tổ chức đào tạo, sát hạch, thi tuyển, thi nâng ngạch trực tuyến đảm bảo minh bạch, chất lượng	Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Nội vụ	2021-2025
52.	Bồi dưỡng, nâng cao nhận thức cho cán bộ lãnh đạo; cán bộ, công chức, viên chức cơ quan nhà nước các cấp về Chính phủ số, khung kiến trúc, kiến trúc chính phủ điện tử/chính phủ số và bảo đảm an toàn, an ninh mạng	Bộ, ngành, địa phương	2021-2025
53.	Tổ chức bồi dưỡng, huấn luyện đội ngũ chuyên gia về Chính phủ số	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
54.	Tổ chức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số, kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu cho cán bộ, công chức, viên chức hàng năm	Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ, ngành, địa phương	2021-2025
IX	Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức		
55.	Tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung, chính sách pháp luật để nâng cao nhận thức cho người dân và toàn xã hội về	Bộ, ngành, địa phương	2021-2025

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện
	Chính phủ điện tử, Chính phủ số, chuyển đổi số		
56.	Tổ chức phổ cập kỹ năng số cho người dân, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số của cơ quan nhà nước thông qua các hoạt động xã hội hóa	Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp	2021-2025
57.	Tổ chức tôn vinh dịch vụ công chất lượng nhất, dịch vụ công thu hút được sự tham gia rộng rãi nhất, cơ quan nhà nước vận hành tối ưu nhất, vấn đề phát triển kinh tế - xã hội đã giải quyết có kết quả đột phá nhất và cơ quan nhà nước phát triển chính phủ số tốt nhất	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
X	Hợp tác giữa cơ quan nhà nước và doanh nghiệp		
58.	Tạo điều kiện cho mọi loại hình doanh nghiệp công nghệ số nghiên cứu, đầu tư xây dựng các sản phẩm, dịch vụ phát triển Chính phủ số	Bộ Tài chính; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
59.	Điều phối, quy hoạch, thúc đẩy phát triển hiệu quả thị trường cung cấp sản phẩm, dịch vụ Chính phủ số của các doanh nghiệp chủ chốt.	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
60.	Phối hợp doanh nghiệp để cung cấp dịch vụ công thông qua mạng lưới bưu chính công ích và ứng dụng của doanh nghiệp	Bộ, ngành, địa phương; Doanh nghiệp	2021-2025
61.	Khai thác hiệu quả mạng lưới bưu chính công ích để hỗ trợ người dân tiếp cận các dịch vụ Chính phủ số, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, các đối tượng yếu thế trong xã hội	Bộ Thông tin và Truyền thông; Doanh nghiệp	2021-2025
XI	Nghiên cứu, phát triển, làm chủ các công nghệ lõi		
62.	Thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng nền tảng mở, mã nguồn mở phục vụ Chính phủ số	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
63.	Nghiên cứu, xây dựng và thí điểm sử dụng tiền ảo dựa trên công nghệ chuỗi khối (blockchain)	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	2021-2023

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện
64.	Xây dựng các chương trình nghiên cứu, ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tạo ra những sản phẩm, dịch vụ mang đặc thù Việt Nam, tạo lợi thế cạnh tranh, tạo nền tảng thúc đẩy Chuyển đổi số quốc gia	Bộ Khoa học và Công nghệ	2021-2025
65.	Mở các nền tảng quốc gia hướng tới tạo thành hệ sinh thái để các doanh nghiệp công nghệ số có thể tham gia phát triển các dịch vụ kinh tế số, xã hội số	Bộ, ngành	2021-2025
66.	Lựa chọn ưu tiên, đẩy mạnh phong trào nghiên cứu một số công nghệ cốt lõi mà Việt Nam có lợi thế, có thể đi tắt đón đầu cũng như có khả năng tạo bứt phá mạnh mẽ như trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (blockchain) và thực tế ảo/thực tế tăng cường (VR/AR), dữ liệu lớn (Big Data) tạo điều kiện ứng dụng các công nghệ số tiên tiến trong triển khai Chính phủ số. Thực hiện cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số nghiên cứu, phát triển các ứng dụng công nghệ mới cho Chính phủ số	Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
67.	Khuyến khích phát triển các doanh nghiệp công nghệ số để làm chủ các công nghệ cốt lõi trong Chính phủ số	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
68.	Ban hành quy định về việc sử dụng sản phẩm, giải pháp đã được đánh giá, kiểm định trong triển khai Chính phủ số. Ưu tiên sử dụng các sản phẩm, giải pháp, công nghệ thiết kế, sản xuất bởi các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam trong các hệ thống Chính phủ số	Bộ, ngành, địa phương	2021-2025
XII	Chuẩn hoá, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ		
69.	Thực hiện gắn kết chặt chẽ giữa cải cách thủ tục hành chính với phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số	Bộ, ngành, địa phương	2021-2025
70.	Rà soát các thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ trong các cơ quan nhà nước theo hướng đơn giản hoá hoặc thay đổi	Bộ, ngành, địa phương	2021-2025

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện
	phù hợp để có thể ứng dụng hiệu quả công nghệ số		
71.	Rà soát loại bỏ một số thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ khi ứng dụng công nghệ số	Bộ, ngành, địa phương	2021-2025
XIII	Hợp tác quốc tế		
72.	Chủ động hợp tác quốc tế trong phát triển Chính phủ số; chủ động, tích cực tham gia các tổ chức quốc tế, các sáng kiến về Chính phủ số và phát triển công nghệ số, kinh tế số, trong đó sẵn sàng phát huy vai trò đi đầu trong những lĩnh vực có thể mạnh; tham gia chủ động, tích cực vào việc xây dựng các khuôn khổ pháp lý, tiêu chuẩn, nguyên tắc quốc tế mới về công nghệ số phù hợp với mục tiêu và lợi ích của Việt Nam	Bộ, ngành, địa phương	2021-2025
73.	Hỗ trợ một số nước trong phát triển Chính phủ số nhằm tăng cường mối quan hệ hợp tác quốc tế, đồng thời quảng bá, tạo thị trường cho các sản phẩm, dịch vụ Chính phủ số của các doanh nghiệp Việt Nam	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
XIV	Bảo đảm kinh phí		
74.	Ưu tiên sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật để phát triển Chính phủ số; tăng cường thực hiện giải pháp thuê dịch vụ công nghệ thông tin	Bộ, ngành, địa phương	2021-2025
75.	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng phương án bảo đảm kinh phí hàng năm tối thiểu 1% ngân sách nhà nước cho chuyển đổi số, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số; báo cáo, đề xuất Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thông qua	Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	2021-2025
76.	Ưu tiên bố trí đầu tư công để thực hiện các dự án phát triển hạ tầng, trung tâm dữ	Bộ, ngành, địa phương	2021-2025

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện
	liệu, cơ sở dữ liệu quốc gia, nền tảng quốc gia, các ứng dụng, dịch vụ quốc gia		
XV	Đo lường, giám sát, đánh giá triển khai		
77.	Thực hiện đo lường, giám sát tự động tới từng hệ thống, từng dịch vụ phục vụ Chính phủ số. Định kỳ hàng tháng, hàng năm công bố kết quả đánh giá, làm cơ sở để theo dõi, đôn đốc, xếp hạng về Chính phủ điện tử, Chính phủ số; công khai trực tuyến các chỉ số chính trong phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
78.	Giám sát, đánh giá, đo lường hiệu quả các dự án đầu tư được thực hiện dựa trên số liệu	Bộ, ngành, địa phương	2021-2025

Phụ lục II

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 17/NQ-CP NGÀY 07/3/2019 CỦA CHÍNH PHỦ
VỀ MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM PHÁT TRIỂN CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ GIAI ĐOẠN 2019-2020,
ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN 2025**

T T	Nội dung công việc	Thời hạn	Kết quả cần đạt	Kết quả thực hiện đến tháng 12/2020
I	Xây dựng, hoàn thiện thể chế tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, toàn diện cho việc triển khai, xây dựng phát triển Chính phủ điện tử			
	Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì: 10 nhiệm vụ. Hoàn thành 8/10 nhiệm vụ, đang thực hiện 2 nhiệm vụ.			
1	Xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 102/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, Quyết định số 80/2014/QĐ-TTg ngày 30/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định thí điểm về thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước	Tháng 3/2019	Nghị định được ban hành	Hoàn thành Nghị định số 73/2019/NĐ-CP Ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.
2	Xây dựng các văn bản hướng dẫn về phương pháp xác định chi phí thuê dịch vụ công nghệ thông tin, mẫu hợp đồng thuê dịch vụ công nghệ thông tin và văn bản hướng dẫn xác định	Tháng 7/2019	2.1. Thông tư của Bộ TTTT hướng dẫn phương pháp tính chi phí thuê dịch vụ CNTT	Hoàn thành Thông tư số 12/2020/TT-BTTTT Ngày 29/5/2020 hướng dẫn phương pháp tính chi phí thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

T T	Nội dung công việc	Thời hạn	Kết quả cần đạt	Kết quả thực hiện đến tháng 12/2020
	đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư công nghệ thông tin, phù hợp với thực tế và đặc thù ngành công nghệ thông tin		2.2. Văn bản của Bộ TTTT hướng dẫn mẫu hợp đồng thuê dịch vụ CNTT	<i>Hoàn thành</i> Công văn số 2455A/BTTTT-THH ngày 29/7/2019 hướng dẫn mẫu hợp đồng thuê dịch vụ CNTT.
			2.3. Thông tư hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư ứng dụng CNTT	<i>Đã trình (hoàn thành)</i> - Đã hoàn thiện dự thảo Thông tư; đã xin ý kiến (lần 3) của các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp; - Đã trình ban hành.
3	Xây dựng Nghị định về quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu và các văn bản hướng dẫn	Tháng 9/2019	Nghị định được ban hành	<i>Hoàn thành</i> Nghị định số 47/2020/NĐ-CP Ngày 09/4/2020 của Chính phủ quy định về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.
4	Xây dựng Nghị định về định danh và xác thực điện tử cho cá nhân, tổ chức và các văn bản hướng dẫn	Tháng 9/2019	Nghị định được ban hành	<i>Đã trình (hoàn thành)</i> - Đã trình Chính phủ hồ sơ dự thảo Nghị định theo Tờ trình số 08/TTr-BTTTT, Ngày 03/3/2020 của Bộ TTTT; - Đang nghiên cứu giải trình, tiếp thu ý kiến của các thành viên Chính phủ.
5	Nghiên cứu, đề xuất Thủ tướng Chính	Tháng	Báo cáo đề xuất gửi Thủ tướng Chính	<i>Hoàn thành</i>

T T	Nội dung công việc	Thời hạn	Kết quả cần đạt	Kết quả thực hiện đến tháng 12/2020
	phủ phương án đẩy mạnh việc cấp chứng thư số cho người dân, doanh nghiệp theo hướng giảm chi phí cấp và duy trì hoạt động chứng thư số để khuyến khích sử dụng trong các giao dịch điện tử	6/2019	phủ	Bộ TTTT đã có Tờ trình số 56/TTr-BTTTT ngày 26/11/2019 gửi Thủ tướng Chính phủ đề xuất phương án, và đã được Lãnh đạo Chính phủ đồng ý theo thông báo tại Văn bản số 11739/VPCP-KSTT ngày 25/12/2019 của VPCP
6	Nghiên cứu, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về việc sử dụng các thiết bị, máy móc đối với các hệ thống thông tin Chính phủ điện tử để bảo đảm an toàn thông tin mạng	Tháng 6/2019	Ban hành Quyết định quy phạm pháp luật của Thủ tướng Chính phủ	Đang thực hiện - Bộ TTTT đã xây dựng, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc lựa chọn, sử dụng máy móc, thiết bị, sản phẩm, giải pháp trong các hệ thống thông tin phục vụ Chính phủ điện tử, đô thị thông minh, hệ thống thông tin quan trọng quốc gia và hệ thống thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Đảng, Nhà nước để đảm bảo an toàn thông tin mạng; - Bộ đã hoàn thành thủ tục xin ý kiến các bộ, ngành, địa phương và các thành viên UBQG về CPĐT; đang tổng hợp, tiếp thu hoàn thiện hồ sơ theo các ý kiến góp ý.
7	Nghiên cứu, xây dựng mã định danh điện tử của các cơ quan, tổ chức thống nhất theo tiêu chuẩn quốc tế phục vụ	Tháng 6/2019	Ban hành Quyết định của Thủ tướng	Hoàn thành Quyết định số 20/2020/QĐ-TTg, ngày

T T	Nội dung công việc	Thời hạn	Kết quả cần đạt	Kết quả thực hiện đến tháng 12/2020
	kết nối, chia sẻ dữ liệu của tất cả các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương		Chính phủ	22/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về mã định danh điện tử của các cơ quan, tổ chức phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu với các bộ, ngành, địa phương.
8	Nghiên cứu, đề xuất Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về sử dụng phần mềm có bản quyền (hệ điều hành, các phần mềm soạn thảo văn bản...) khi mua sắm máy tính và tỷ lệ phần trăm kinh phí dành cho duy trì cập nhật phần mềm, bảo đảm an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin được đầu tư	Tháng 8/2019	Ban hành Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Đã trình (hoàn thành) - Bộ TTTT đã trình Thủ tướng Chính phủ hồ sơ dự thảo Quyết định tại Tờ trình số 31/TTr-BTTTT ngày 29/8/2019. - Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ TTTT đã hoàn thiện hồ sơ dự thảo Quyết định; đã hoàn thành thủ tục xin ý kiến các cơ quan, tổ chức và cá nhân; đang xin thêm ý kiến các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp.
9	Đề án giải pháp kết nối, chia sẻ dữ liệu và tái cấu trúc hạ tầng công nghệ thông tin tại các bộ, ngành, địa phương	Quý I/2020	Đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt	Đã trình (hoàn thành) - Bộ TTTT đã xây dựng, hoàn thiện Hồ sơ Đề án theo quy định và đã trình Thủ tướng Chính phủ tại Tờ trình số 23/TTr-BTTTT ngày 23/4/2020. - Bộ TTTT đã tiếp thu ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ để hoàn thiện Đề án theo Văn bản số 4287/VPCP-KSTT ngày 29/5/2020 của VPCP. Bộ đề xuất lồng

T T	Nội dung công việc	Thời hạn	Kết quả cần đạt	Kết quả thực hiện đến tháng 12/2020
				ghép nội dung này vào Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.
10	Nghiên cứu, đề xuất xây dựng Luật Chính phủ điện tử, các nghị định, văn bản hướng dẫn bảo đảm hành lang pháp lý phát triển Chính phủ điện tử dựa trên dữ liệu mở, ứng dụng các công nghệ hiện đại như trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (Blockchain), Internet kết nối vạn vật, dữ liệu lớn (Big Data), giao diện lập trình ứng dụng mở (Open API)....	2021 - 2025	Báo cáo đề xuất phương án xây dựng Luật và các văn bản dưới Luật	<i>Đang thực hiện</i> Bộ TTTT đang nghiên cứu để xây dựng báo cáo đánh giá, đề xuất.
	Bộ Công an chủ trì: 03 nhiệm vụ, hoàn thành 1/3 nhiệm vụ, đang thực hiện 2 nhiệm vụ.			
11	Xây dựng Nghị định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, tổ chức và các văn bản hướng dẫn	Quý I/2021	Nghị định được Chính phủ phê duyệt ban hành	<i>Đang thực hiện</i> - Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 29/9/2020 thông qua đề nghị xây dựng Nghị định bảo vệ dữ liệu cá nhân. - Bộ Công an đang thành lập BST, TBT xây dựng Nghị định.

T T	Nội dung công việc	Thời hạn	Kết quả cần đạt	Kết quả thực hiện đến tháng 12/2020
12	Xây dựng Đề án bảo đảm an ninh mạng trong xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử	Tháng 8/2019	Đề án được phê duyệt	<i>Đang thực hiện</i> Bộ Công an đã xây dựng dự thảo Đề án; đã xin ý kiến các bộ, ngành, các chuyên gia trong lĩnh vực CNTT; đang xin ý kiến các đơn vị trong Bộ để hoàn thiện.
13	Xây dựng các văn bản hướng dẫn Luật An ninh mạng	2019 - 2020	13.1. Xây dựng, trình ban hành Nghị định quy định chi tiết về trình tự, thủ tục áp dụng một số biện pháp bảo vệ an ninh mạng	<i>Hoàn thành</i> Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 27/12/2019 của Chính phủ (tối mật)
			13.2. Xây dựng, trình ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều Luật An ninh mạng	<i>Đã trình (hoàn thành)</i> - Bộ Công an đã hoàn thiện hồ sơ phê duyệt Nghị định, đã hoàn thành thủ tục xin ý kiến các cơ quan, tổ chức, người dân, đã xin ý kiến thẩm định Bộ Tư pháp và hoàn thiện; - Bộ Công an đã trình Chính phủ tại Tờ trình số 135/TTr-BCA-A05 ngày 15/5/2019 và các báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến số 361/BC-BCA ngày

T T	Nội dung công việc	Thời hạn	Kết quả cần đạt	Kết quả thực hiện đến tháng 12/2020
				20/4/2020 và 502/BC-BCA-A05 ngày 05/6/2020. Bộ Công an đang phối hợp các đơn vị của Bộ Quốc phòng, Bộ TTTT hoàn chỉnh dự thảo Nghị định
Bộ Nội vụ chủ trì: 03 nhiệm vụ; hoàn thành 3/3 nhiệm vụ.				
14	Xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 110/2004/NĐ-CP ngày 08/4/2004 của Chính phủ về công tác văn thư; các văn bản quy phạm pháp luật về lưu trữ, quản lý và khai thác dữ liệu điện tử	Tháng 9/2019	Nghị định được ban hành	<i>Hoàn thành</i> Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư.
15	Xây dựng Đề án Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức	Tháng 4/2019	Đề án được phê duyệt	<i>Hoàn thành</i> Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án tại Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 25/6/2020 phê duyệt Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước.
16	Xây dựng Đề án thực hiện nhiệm vụ lưu trữ tài liệu điện tử của các cơ quan nhà nước	Tháng 5/2019	Đề án được phê duyệt	<i>Hoàn thành</i> Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án tại Quyết định số 458/QĐ-TTg ngày 03/4/2020 phê duyệt Đề án Lưu trữ tài liệu điện tử của các cơ quan nhà nước giai

T T	Nội dung công việc	Thời hạn	Kết quả cần đạt	Kết quả thực hiện đến tháng 12/2020
				đoạn 2020 - 2025.
	Văn phòng Chính phủ chủ trì: 05 nhiệm vụ; hoàn thành 5/5 nhiệm vụ			
17	Xây dựng Đề án Công Dịch vụ công quốc gia	Tháng 3/2019	Đề án được phê duyệt	Hoàn thành Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án (Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 12/3/2019)
18	Xây dựng Đề án về Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ không giấy tờ (eCabinet)	Tháng 3/2019	Đề án được phê duyệt	Hoàn thành Đề án đã được Bộ trưởng, Chủ nhiệm VPCP phê duyệt tại Quyết định số 168/QĐ-VPCP ngày 27/02/2019
19	Xây dựng Đề án về Hệ thống tham vấn chính sách (eConsultation)	Tháng 3/2019	Đề án được phê duyệt	Đã trình (hoàn thành) - VPCP đã xây dựng, hoàn thiện Hồ sơ Đề án theo quy định; ngày 07/6/2019, đã trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án; - Đang báo cáo PTTg Trương Hòa Bình.
20	Xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 138/2016/NĐ-CP ngày 01/10/2016 về ban hành Quy chế làm việc của Chính phủ phù hợp với phương thức làm việc, chỉ đạo điều	Tháng 10/2019	Nghiên cứu đề xuất phương án, báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Hoàn thành

T T	Nội dung công việc	Thời hạn	Kết quả cần đạt	Kết quả thực hiện đến tháng 12/2020
	hành thông qua môi trường mạng			
21	Xây dựng Nghị định về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử	Tháng 12/2019	Nghị định được ban hành	<i>Hoàn thành</i> Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.
Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì: 01 nhiệm vụ đang thực hiện.				
22	Xây dựng Nghị định quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm; các văn bản quy định về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, cấu trúc dữ liệu phục vụ kết nối, chia sẻ thông tin	Tháng 12/2020	Nghị định của Chính phủ được ban hành	<i>Đang thực hiện</i> Đã hoàn thành thủ tục xin ý kiến các bộ, ngành, địa phương và các thành viên UBQG về CPĐT; đã tổng hợp, tiếp thu hoàn thiện hồ sơ theo các ý kiến góp ý; Bộ Tư pháp đã thẩm định.
Ban Cơ yếu Chính phủ chủ trì: 01 nhiệm vụ, đã hoàn thành.				
23	Xây dựng Đề án triển khai các hệ thống bảo vệ thông tin thuộc phạm vi bí mật nhà nước dùng mật mã đáp ứng yêu cầu triển khai Chính phủ điện tử	Tháng 7/2019	Đề án được phê duyệt	<i>Đã trình (hoàn thành)</i> - Ban Cơ yếu đã xây dựng hồ sơ Đề án và các thủ tục theo quy định; Đã trình Thủ tướng Chính phủ tại Tờ trình số 293/TTr-BQP ngày 22/01/2020. - VPCP đã thẩm định xong. Bộ Quốc phòng đã ký tắt bản cuối cùng để trình ký.

T T	Nội dung công việc	Thời hạn	Kết quả cần đạt	Kết quả thực hiện đến tháng 12/2020
	Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì: 01 nhiệm vụ, đã hoàn thành.			
24	Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi Luật Đầu tư công để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong việc sử dụng vốn đầu tư công	2020	Luật Đầu tư công sửa đổi được ban hành	Hoàn thành Quốc hội đã ban hành Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019
II	Xây dựng nền tảng công nghệ phát triển Chính phủ điện tử phù hợp với xu thế phát triển Chính phủ điện tử trên thế giới			
	Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì: 7 nhiệm vụ. Hoàn thành 7/7 nhiệm vụ.			
25	Hoàn thành cập nhật Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam (phiên bản 2.0)	Tháng 5/2019	Khung kiến trúc Chính phủ điện tử 2.0 được ban hành	Hoàn thành Bộ trưởng Bộ TTTT đã ban hành Khung Kiến trúc CPĐT 2.0 tại Quyết định 2323/QĐ-BTTTT ngày 30/12/2019
26	Nghiên cứu, đề xuất giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp viễn thông xây dựng và nâng cao năng lực mạng lưới viễn thông của Việt Nam, làm nền tảng phát triển hệ sinh thái số và đáp ứng cho các dịch vụ mới; nâng cao chất lượng dịch vụ, đặc biệt là tốc độ internet, sử dụng hiệu quả băng tần mạng di động 4G, 5G, mở rộng vùng phủ sóng di động 4G, 5G; nâng cao	Tháng 8/2019	26.1. Có văn bản chỉ đạo về tăng cường chia sẻ, sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật viễn thông	Hoàn thành Bộ TTTT đã ban hành Chỉ thị số 52/CT-BTTTT ngày 11/11/2019 về tăng cường chia sẻ, sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động giữa các doanh nghiệp viễn thông nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong công tác phát triển, xây dựng hạ tầng, nâng cao hiệu quả đầu tư, đảm bảo cảnh quan môi trường;

T T	Nội dung công việc	Thời hạn	Kết quả cần đạt	Kết quả thực hiện đến tháng 12/2020
	tốc độ mạng cố định băng rộng; điều chỉnh chính sách khuyến khích nội địa hoá để hỗ trợ sản xuất các sản phẩm nội địa như thiết bị mạng, thiết bị đầu cuối thông minh có giá thành phù hợp với điều kiện Việt Nam để tăng tỷ lệ người sử dụng và khả năng truy cập các thiết bị thông minh.		26.2. Xây dựng quy chuẩn, tiêu chuẩn nâng cao chất lượng dịch vụ Internet	<i>Hoàn thành</i> Đã ban hành các quy chuẩn QCVN số 34:2019/BTTTT, QCVN số 81:2019/BTTTT nhằm nâng cao yêu cầu về chất lượng dịch vụ, tốc độ Internet băng rộng cố định, băng rộng di động;
			26.3. Sử dụng hiệu quả băng tần 4G, 5G; nâng cao tốc độ mạng cố định băng rộng	<i>Hoàn thành</i> - Đã cấp giấy phép thử nghiệm 5G cho 03 doanh nghiệp (Viettel, MobiFone và VNPT); - Đã cấp phép lắp đặt 02 tuyến cáp viễn thông trên biển (SJC-2 và BtoBE) nhằm tăng cường dung lượng kết nối viễn thông, Internet đi quốc tế; - Đã chỉ đạo doanh nghiệp viễn thông nâng cao tốc độ gói cước băng rộng cho người sử dụng với giá không đổi
			26.4. Điều chỉnh chính sách khuyến khích nội địa hóa	<i>Hoàn thành</i> Đã được Chính phủ quy định tại Điều 4 Nghị định số 73/NĐ-CP ngày 05/9/2019 quy định quản lý đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng vốn NSNN.

T T	Nội dung công việc	Thời hạn	Kết quả cần đạt	Kết quả thực hiện đến tháng 12/2020
27	Xây dựng, phát triển Trục liên thông văn bản quốc gia theo công nghệ tiên tiến của thế giới làm nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu... và là nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia	2020	Hệ thống nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia được xây dựng	<i>Hoàn thành</i> Bộ TTTT đã xây dựng và đưa vào vận hành, khai thác hệ thống Hệ thống nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia NGSP, đã kết nối với các hệ thống LGSP của các bộ, ngành, địa phương
28	Kiến trúc tổng thể Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2025	2021 - 2025	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	<i>Hoàn thành</i> Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam (phiên bản 2.0) đã được ban hành (QĐ số 2323/QĐ-BTTTT ngày 31/12/2019).
29	Nâng cao năng lực, chất lượng dịch vụ và mở rộng kết nối Mạng TSLCD của cơ quan Đảng, Nhà nước đến các hệ thống mạng của các cơ quan Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước; rà soát và triển khai mở rộng, kết nối mạng đến cấp phường, xã và các đối tượng theo yêu cầu	2020	29.1. Sửa đổi bổ sung Thông tư số 27/2017 /TT-BTTTT về các giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ của Mạng truyền số liệu chuyên dùng;	<i>Hoàn thành</i> Đã ban hành Thông tư số 12/2019/TT-BTTTT ngày 05/11/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT
			29.2. Mở rộng kết nối của Mạng truyền số liệu chuyên dùng	<i>Hoàn thành</i> Mạng TSLCD đã kết nối đến 100% các bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc

T T	Nội dung công việc	Thời hạn	Kết quả cần đạt	Kết quả thực hiện đến tháng 12/2020
				Trung ương; 98% quận, huyện, thị xã
30	Triển khai các giải pháp cải thiện xếp hạng chỉ số thành phần hạ tầng viễn thông theo phương pháp đánh giá về Chính phủ điện tử của Liên hợp quốc	2020	Triển khai các giải pháp nhằm cải thiện xếp hạng chỉ số thành phần viễn thông theo đánh giá của LHQ	<i>Hoàn thành</i> Đã thực hiện các giải pháp để nâng cao chất lượng dịch vụ, hạ tầng viễn thông (ban hành 1 chỉ thị, 2 thông tư và chỉ đạo các nhà mạng thực hiện). Chỉ số hạ tầng viễn thông Việt Nam đã tăng 31 bậc so với năm 2018 lên thứ 69/193 theo đánh giá của Liên Hợp quốc năm 2020.
31	Xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong lĩnh vực xây dựng Chính phủ điện tử	2021 - 2025	Các quy chuẩn, tiêu chuẩn cho CPĐT	<i>Hoàn thành</i> Bộ trưởng Bộ TTTT đã ký ban hành Thông tư số 18/2019/TT-BTTTT ngày 25/12/2019 ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cấu trúc, định dạng dữ liệu gói tin phục vụ kết nối Cổng Dịch vụ công quốc gia với Cổng Dịch vụ công, hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh và các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành”.
	Các bộ, ngành, địa phương: 05 nhiệm vụ, hoàn thành: 4/5 nhiệm vụ; đang thực hiện: 1 nhiệm vụ.			
32	Hoàn thành xây dựng, cập nhật Kiến trúc Chính phủ điện tử cấp bộ, Kiến trúc	Tháng 9/2019	Quyết định của Bộ trưởng, Chủ tịch	<i>Đang thực hiện</i> Có 12 tỉnh; 09 bộ đã ban hành (hoàn

T T	Nội dung công việc	Thời hạn	Kết quả cần đạt	Kết quả thực hiện đến tháng 12/2020
	Chính quyền điện tử cấp tỉnh phù hợp với Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam (phiên bản 2.0)		UBND tỉnh, thành phố	thành). Các bộ, tỉnh khác đang thực hiện.
33	Triển khai Kiến trúc Chính phủ điện tử cấp bộ, Kiến trúc Chính quyền điện tử cấp tỉnh đã được ban hành	2019 - 2025	Triển khai Kiến trúc CPĐT đã xây dựng vào hoạt động ứng dụng CNTT, xây dựng CPĐT/CQĐT	<i>Thường xuyên (hoàn thành).</i> Tất cả các bộ, ngành, địa phương đã ban hành và triển khai Kiến trúc Chính phủ điện tử 1.0 và đang triển khai áp dụng Kiến trúc CPĐT 2.0.
34	Kết nối, liên thông các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương trong việc gửi, nhận văn bản điện tử, dịch vụ công trực tuyến, thông tin báo cáo, dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành, thủ tục hành chính, công báo điện tử... với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia	2020	Kết nối Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP) với LGSP các bộ, ngành, địa phương	<i>Hoàn thành</i> Có 62/63 tỉnh đã có LGSP và 21/22 bộ, cơ quan ngang bộ đã có LGSP kết nối với NGSP của quốc gia.
35	Xây dựng, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, kết nối liên thông, chia sẻ với hệ thống một cửa điện tử, Cổng Dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh, Cổng Dịch vụ công quốc gia phục vụ người dân và doanh nghiệp	2020	Kết nối với HTTT 1 cửa; Cổng DVC bộ, ngành, địa phương; Cổng DVC quốc gia	<i>Hoàn thành</i> Cổng DVC 63 tỉnh, thành và đa số Cổng DVC các bộ, ngành, địa phương đã kết nối với Cổng DVC quốc gia

T T	Nội dung công việc	Thời hạn	Kết quả cần đạt	Kết quả thực hiện đến tháng 12/2020
36	Thực hiện tái cấu trúc hạ tầng công nghệ thông tin của các bộ, ngành, địa phương theo hướng kết hợp giữa mô hình tập trung và mô hình phân tán dựa trên công nghệ điện toán đám mây, tối ưu hóa hạ tầng công nghệ thông tin theo khu vực (thực hiện thuê dịch vụ của các nhà cung cấp hàng đầu tại Việt Nam hoặc đầu tư xây dựng từ nguồn vốn vay ưu đãi) nhằm khai thác sử dụng hiệu quả hạ tầng hiện có, đồng thời tăng cường khả năng bảo mật, sao lưu, phòng chống thảm họa, bảo đảm vận hành ổn định, an toàn, an ninh của các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu	2020 - 2025	Thực hiện tái cấu trúc hạ tầng công nghệ thông tin của các bộ, ngành, địa phương	<i>Hoàn thành</i> Hầu hết các bộ, tỉnh hoặc đầu tư xây dựng Trung tâm dữ liệu, hoặc thuê dịch vụ trung tâm dữ liệu của các nhà mạng, và triển khai đảm bảo ATTT theo mô hình 4 lớp.
Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì: 04 nhiệm vụ, hoàn thành 04/04 nhiệm vụ.				
37	Hoàn thiện Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp	Tháng 12/2019	Xây dựng và đưa vào khai thác CSDL quốc gia về đăng ký doanh nghiệp	<i>Hoàn thành</i> Bộ KHĐT đã xây dựng xong CSDL quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, đang khai thác sử dụng.
38	Nâng cấp Hệ thống mạng đấu thầu	2019	HTTT mạng đấu	<i>Hoàn thành</i>

T T	Nội dung công việc	Thời hạn	Kết quả cần đạt	Kết quả thực hiện đến tháng 12/2020
	quốc gia để thực hiện đấu thầu, mua sắm tài sản công qua mạng, quản lý thống nhất thông tin, cơ sở dữ liệu về đấu thầu trên phạm vi cả nước		thầu quốc gia được nâng cấp	Bộ KHĐT đã thực hiện việc nâng cấp hệ thống mạng đấu thầu (chỉnh sửa, nâng cấp chức năng đăng tải thông tin lựa chọn nhà thầu; đánh giá lựa chọn nhà thầu; quản lý hồ sơ năng lực và kinh nghiệm nhà thầu; v.v....)
39	Xây dựng, triển khai Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch	2020	HTTT và CSDL quốc gia về quy hoạch được xây dựng và đưa vào khai thác	<i>Hoàn thành</i> Bộ KHĐT đã xây dựng xong và đưa vào khai thác tại địa chỉ: http://quyhoachquocgia.mpi.gov.vn
40	Xây dựng, triển khai Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về các dự án đầu tư; tiếp tục triển khai, hoàn thiện các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu về đầu tư công, giám sát đánh giá đầu tư	2020	HTTT các dự án đầu tư và CSDL về đầu tư công được xây dựng và đưa vào sử dụng	<i>Hoàn thành</i> Đã xây dựng HTTT đầu tư công, đang hoạt động tại địa chỉ https://dautucong.mpi.gov.vn/
Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì: 01 nhiệm vụ, đang thực hiện				
41	Xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội	2020 - 2025	Hình thành CSDL quốc gia về an sinh xã hội	<i>Đang thực hiện</i> Bộ LĐTBXH đang tổ chức thực hiện theo nội dung Đề án xây dựng CSDLQG về an sinh xã hội, ứng dụng công nghệ thông tin

T T	Nội dung công việc	Thời hạn	Kết quả cần đạt	Kết quả thực hiện đến tháng 12/2020
				vào giải quyết chính sách an sinh xã hội đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030.
Bảo hiểm xã hội Việt Nam chủ trì: 01 nhiệm vụ, đã hoàn thành.				
42	Xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin lĩnh vực y tế, doanh nghiệp, thuế, lao động thương binh xã hội	Tháng 10/2019	42.1. CSDL quốc gia về bảo hiểm được xây dựng và đưa vào khai thác	Hoàn thành Đã xây dựng xong CSDL chuyên ngành BHXH và đang khai thác
			42.2. Chia sẻ dữ liệu bảo hiểm với lĩnh vực y tế; doanh nghiệp; thuế; LĐ TBXH	Hoàn thành - Đã phối hợp Bộ Y tế xây dựng quy chế trao đổi, kết nối, chia sẻ dữ liệu BHXH với ngành y tế, giám định thanh toán phí KCB BHYT. - Phối hợp với ngành Tư pháp để cấp thẻ BHYT cùng cấp giấy khai sinh, khai tử tại 61/63 tỉnh.
Bộ Tài chính chủ trì: 02 nhiệm vụ; hoàn thành 01 nhiệm vụ, đang thực hiện 01 nhiệm vụ;				
43	Hoàn thiện xây dựng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành quan trọng của ngành Tài chính về thuế, hải quan, kho bạc	Tháng 12/2019	Xây dựng và đưa vào khai thác các CSDL về thuế, hải quan, kho bạc	Hoàn thành Đã hoàn thành và đưa vào khai thác các CSDL: CSDL quản lý thuế; CSDL về quản lý kho bạc; CSDL chuyên ngành Hải quan.

T T	Nội dung công việc	Thời hạn	Kết quả cần đạt	Kết quả thực hiện đến tháng 12/2020
44	Xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về Tài chính	Tháng 12/2022	CSDL quốc gia về tài chính được xây dựng và đưa vào khai thác	<i>Đang thực hiện</i> - Hoàn thiện chuẩn bị đầu tư, phê duyệt dự án trong năm 2020; - Thực hiện giai đoạn 1 đến năm 2022; - Thực hiện giai đoạn 2: 2023-2025.
Văn phòng Chính phủ chủ trì: 01 nhiệm vụ, đã hoàn thành				
45	Xây dựng Trung tâm tích hợp dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ	2020	Trung tâm THDL được xây dựng và hoạt động	<i>Hoàn thành</i> VPCP đã xây dựng Trung tâm THDL, và đang thực hiện thuê dịch vụ cho các HTTT phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.
Bộ Công an chủ trì: 02 nhiệm vụ; đang thực hiện: 02 nhiệm vụ.				
46	Xây dựng triển khai Cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư, chia sẻ, khai thác dữ liệu với hệ thống Cổng Dịch vụ công quốc gia và các hệ thống thông tin khác	Tháng 7/2021	CSDL quốc gia về dân cư được xây dựng và đưa vào khai thác	<i>Đang thực hiện</i> Bộ Công an đang triển khai thực hiện các gói thầu thuộc Dự án CSDL quốc gia về Dân cư. Cơ bản đã hoàn thành việc thu thập thông tin dân cư trên toàn quốc.
47	Nâng cấp Cơ sở dữ liệu về phương tiện giao thông phục vụ hoạch định chính sách, quy hoạch đô thị	2020	Hoàn thiện CSDL về phương tiện giao thông	<i>Đang thực hiện</i> Hiện đang hoàn thiện hồ sơ thủ tục lập dự án và thẩm định thuyết minh kỹ thuật phương án nâng cấp CSDL, hệ thống

T T	Nội dung công việc	Thời hạn	Kết quả cần đạt	Kết quả thực hiện đến tháng 12/2020
				đăng ký, quản lý xe, máy.
Bộ Tài nguyên và Môi trường: 03 nhiệm vụ; Hoàn thành (đã trình): 01 nhiệm vụ; đang thực hiện: 02/03 nhiệm vụ.				
48	Tiếp tục triển khai Cơ sở dữ liệu về đất đai quốc gia kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin của các bộ, ngành, địa phương	Tháng 7/2021	CSDL về đất đai quốc gia được xây dựng và đưa vào khai thác	<i>Đang thực hiện</i> - Bộ TNMT đang triển khai thực hiện dự án “Tăng cường quản lý đất đai và CSDL đất đai” vốn ngân hàng thế giới (Đã phê duyệt báo cáo NCKT tại QĐ số 1236/QĐ-BTNMT ngày 30/5/2016) cho 31 tỉnh. Hiện tại, đã có 182/267 huyện của 31 tỉnh đã phê duyệt thiết kế xây dựng dữ liệu. Bộ TNMT đang điều chỉnh thiết kế sơ bộ hệ thống đất đai đa mục tiêu. Bên cạnh đó, Bộ TNMT cũng đang triển khai thử nghiệm phần mềm xây dựng CSDL đất đai cho địa phương tại Thái Nguyên để đánh giá sử dụng làm phần mềm xây dựng, quản lý đất đai trong dự án. - Đối với các tỉnh còn lại, Bộ TNMT đang lập Đề án tổng thể xây dựng CSDL đất đai quốc gia trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (tại Tờ trình số 92/TTr-BTNMT ngày 30/11/2019).

T T	Nội dung công việc	Thời hạn	Kết quả cần đạt	Kết quả thực hiện đến tháng 12/2020
49	Xây dựng cơ sở dữ liệu không gian địa lý quốc gia cung cấp hạ tầng dữ liệu thiết yếu cho vận hành, phát triển Chính phủ điện tử, các dịch vụ công trực tuyến, phát triển đô thị thông minh	2020	CSDL không gian địa lý quốc gia được xây dựng và đưa vào khai thác	<i>Đang thực hiện</i> - Thủ tướng CP đã phê duyệt Đề án “Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia” tại Quyết định số 40/QĐ-TTg ngày 09/01/2020. - Đã phê duyệt chủ trương đầu tư dự án “Đầu tư hạ tầng xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia phục vụ xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia và Chính phủ điện tử”.
50	Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường	2020	Đề án hoàn thiện CSDL Tài nguyên và môi trường được phê duyệt và triển khai	<i>Đã trình (hoàn thành)</i> - Bộ TNMT đã xây dựng, hoàn thiện thủ tục hồ sơ Đề án “Hoàn thiện cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường kết nối liên thông với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các địa phương, các Bộ, ngành”; - Đã rà soát, hoàn thiện dự thảo Quyết định phê duyệt đề án và bổ sung hồ sơ theo ý kiến của Văn phòng Chính phủ, trình lại Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt (Tờ trình số 61/TTr-BTNMT ngày 23/11/2020)
	Bộ Tư pháp chủ trì: 01 nhiệm vụ, đã hoàn thành			

T T	Nội dung công việc	Thời hạn	Kết quả cần đạt	Kết quả thực hiện đến tháng 12/2020
51	Xây dựng Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc	2020	CSDL hộ tịch điện tử được xây dựng và đưa vào khai thác	<i>Hoàn thành</i> Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch dùng chung của Bộ Tư pháp đã được triển khai tại 63/63 tỉnh, thành phố
	Bộ Nội vụ chủ trì: 01 nhiệm vụ, đã hoàn thành			
52	Xây dựng Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức	Tháng 6/2020	Đề án “xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức” được phê duyệt.	<i>Hoàn thành</i> - Thủ tướng CP đã phê duyệt Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức tại Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 25/6/2020. - Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã ban hành Kế hoạch triển khai Đề án tại Quyết định số 612/QĐ-BNV ngày 04/9/2020.
III	Xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử bảo đảm gắn kết chặt chẽ giữa ứng dụng công nghệ thông tin với cải cách hành chính, đổi mới lề lối, phương thức làm việc phục vụ người dân và doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi số quốc gia hướng tới Chính phủ số, nền kinh tế số và xã hội số			
	Văn phòng Chính phủ chủ trì: 05 nhiệm vụ; hoàn thành: 4/5 nhiệm vụ; đang thực hiện: 1 nhiệm vụ.			
53	Xây dựng Cổng Dịch vụ công quốc gia	Tháng 11/2019	Cổng Dịch vụ công quốc gia được xây dựng và đưa vào	<i>Hoàn thành</i> VPCP đã xây dựng và đưa vào khai thác Cổng DVC quốc gia tại

T T	Nội dung công việc	Thời hạn	Kết quả cần đạt	Kết quả thực hiện đến tháng 12/2020
			khai thác	https://dichvucong.gov.vn . Đến Tháng 11/2020, đã có trên 380 nghìn tài khoản, trên 89 triệu lượt truy cập, hơn 24 triệu hồ sơ đồng bộ trạng thái, trên 578 nghìn hồ sơ được thực hiện qua Cổng DVC quốc gia.
54	Hoàn thiện Hệ thống thông tin tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp	Tháng 11/2019	Hệ thống được xây dựng và đưa vào khai thác	Hoàn thành VPCP đã xây dựng HTTT tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của người dân tại địa chỉ: https://nguoidan.chinhphu.vn và doanh nghiệp tại: http://doanhnghiep.chinhphu.vn
55	Xây dựng Hệ thống tham vấn chính sách, văn bản quy phạm pháp luật	Tháng 10/2020	Hệ thống tham vấn chính sách văn bản QPPL được xây dựng	Đang thực hiện VPCP đang xây dựng Đề án
56	Thiết lập Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ	2020	Hệ thống được xây dựng	Hoàn thành VPCP đã xây dựng hệ thống, đang phục vụ các phiên họp và xử lý công việc của Chính phủ.
57	Xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ và thiết lập Trung tâm chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ	2020	Hệ thống được xây dựng và đưa vào khai thác	Hoàn thành VPCP đã xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, ra mắt ngày

T T	Nội dung công việc	Thời hạn	Kết quả cần đạt	Kết quả thực hiện đến tháng 12/2020
	tướng Chính phủ			13/3/2020. Hiện đã kết nối với hệ thống thông tin báo cáo và các hệ thống thông tin liên quan của 14 Bộ, cơ quan và 37 tỉnh.
	Bộ Thông tin và Truyền thông: 01 nhiệm vụ, đã hoàn thành.			
58	Tổ chức thực hiện mở dữ liệu, cung cấp dữ liệu mở của Chính phủ, tích hợp với Hệ tri thức Việt số hóa	2020	Xây dựng văn bản pháp luật về dữ liệu mở và cổng dữ liệu quốc gia	<i>Hoàn thành</i> - Ngày 09/4/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 47/2020/NĐ-CP về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước (có quy định về cung cấp dữ liệu mở của CQNN); - Ngày 31/8/2020, Bộ TTTT đã tổ chức Lễ Khởi động Cổng dữ liệu quốc gia (data.gov.vn).
	Các bộ, ngành, địa phương: 04 nhiệm vụ, hoàn thành: 1/4 nhiệm vụ; đang thực hiện: 3/4 nhiệm vụ.			
59	Tổ chức triển khai nhân rộng Hệ thống thông tin phục vụ hợp và xử lý công việc của Chính phủ tại Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện	2020	Hệ thống thông tin phục vụ hợp và xử lý công việc của Chính phủ được nhân rộng	<i>Đang thực hiện</i> Hệ thống đang được tiếp tục hoàn thiện, nâng cấp để đáp ứng yêu cầu
60	Xây dựng Cổng Dịch vụ công cấp bộ,	2020	Cổng DVC và	<i>Hoàn thành</i>

T T	Nội dung công việc	Thời hạn	Kết quả cần đạt	Kết quả thực hiện đến tháng 12/2020
	cấp tỉnh và hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung		HTTT một cửa điện tử được xây dựng và đưa vào khai thác	Các tỉnh, thành phố đã xây dựng và đưa vào khai thác Cổng DVC trực tuyến và HTTT một cửa điện tử
61	Xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo bộ, ngành, địa phương, kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ	2020	Hình thành HTTT báo cáo kết nối với hệ thống báo cáo của Chính phủ	Đang thực hiện Đã có 14 bộ, cơ quan và 37 tỉnh xây dựng hệ thống báo cáo, kết nối với HTTT báo cáo Chính phủ
62	Tổ chức chuẩn hóa cấu trúc, hệ thống hóa mã định danh, thực hiện số hóa dữ liệu và cung cấp danh mục dữ liệu đã được số hóa theo quy định để tổ chức tích hợp, chia sẻ giữa các hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước bảo đảm dữ liệu được thu thập một lần	2020	- Hệ thống hóa mã định danh. - Cung cấp danh mục dữ liệu số hóa để chia sẻ giữa các HTTT	Đang thực hiện Các bộ, ngành, địa phương đang thực hiện
Bộ Y tế chủ trì: 02 nhiệm vụ; hoàn thành: 01 nhiệm vụ; đang thực hiện: 01 nhiệm vụ				
63	Thực hiện kết nối mạng các cơ sở cung ứng thuốc nhằm tăng cường quản lý, kiểm soát thuốc đối với cơ quan quản lý, các cơ sở cung ứng thuốc và cơ sở y tế	2020	Kết nối mạng các cơ sở cung ứng thuốc và cơ sở y tế	Hoàn thành - Bộ Y tế đã ban hành kế hoạch triển khai ứng dụng CNTT kết nối cơ sở cung ứng thuốc nhằm kiểm soát kê đơn thuốc và bán thuốc kê đơn tại Quyết định số 5071/QĐ-BYT ngày 17/8/2018.

T T	Nội dung công việc	Thời hạn	Kết quả cần đạt	Kết quả thực hiện đến tháng 12/2020
				- Đến nay đã có 63/63 tỉnh, thành phố đã triển khai phần mềm quản lý; 93,1% các cơ sở (nhà thuốc, quầy thuốc) đã kết nối liên thông.
64	Xây dựng và triển khai quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử đến từng người dân, thực hiện kết nối, chia sẻ thông tin cơ bản với dữ liệu quốc gia về dân cư	2020	Hệ thống quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử đến từng người dân được xây dựng và triển khai	<i>Đang thực hiện</i> - Bộ Y tế đã ban hành Kế hoạch triển khai Hồ sơ sức khỏe điện tử tại Quyết định số 5349/QĐ-BYT ngày 12/11/2019. - Đã triển khai phần mềm hồ sơ sức khỏe tại 08 tỉnh/thành phố.
	Bộ Tài chính chủ trì: 01 nhiệm vụ, đang thực hiện.			
65	Nghiên cứu, đề xuất, xây dựng và triển khai Hệ thống thông tin Ngân sách và Kế toán nhà nước số	2020	Hình thành Kho bạc điện tử và Kho bạc số	<i>Đang thực hiện</i> Đang xây dựng kiến trúc tổng thể công nghệ thông tin KBNN theo hướng hình thành Kho bạc điện tử và Kho bạc số, trên cơ sở đó xác định hệ thống cần triển khai.
IV	Xây dựng Chính phủ điện tử bảo đảm gắn kết chặt chẽ với bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, an ninh quốc gia, bảo vệ thông tin cá nhân			
	Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì: 04 nhiệm vụ; Hoàn thành: 4/4 nhiệm vụ;			
66	Triển khai giải pháp liên thông giữa Hệ thống chứng thực chữ ký số công	Tháng 5/2019	Giải pháp liên thông được triển khai	<i>Hoàn thành</i> Đã ban hành và triển khai Thông tư số

T T	Nội dung công việc	Thời hạn	Kết quả cần đạt	Kết quả thực hiện đến tháng 12/2020
	cộng và Hệ thống chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ			04/2019/TT-BTTTT ngày 05/07/2019 quy định về việc liên thông giữa Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia và Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ.
67	Xây dựng các hệ thống kỹ thuật bảo đảm an toàn thông tin phục vụ phát triển Chính phủ điện tử	2020	Các hệ thống kỹ thuật bảo đảm ATTT được xây dựng	Hoàn thành. Bộ TTTT đã xây dựng và đưa vào khai thác các hệ thống: - Hệ thống Chia sẻ và Giám sát an toàn thông tin phục vụ chính phủ điện tử; - Hệ thống xử lý tấn công mạng Internet Việt Nam; - Hệ thống kiểm định an toàn thông tin đã được phê duyệt chủ trương đầu tư.
68	Triển khai dịch vụ chứng thực chữ ký số, xác thực điện tử cho các hệ thống thông tin và các thiết bị di động để thuận tiện cho việc sử dụng của người dân, doanh nghiệp	2020	Ban hành và triển khai mô hình ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số trên thiết bị di động và ký số từ xa	Hoàn thành Bộ TT&TT đã ban hành và triển khai Thông tư số 16/2019/TT-BTTTT ngày 05/12/2019 quy định Danh mục tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số theo mô hình ký số trên thiết bị di động và ký số

T T	Nội dung công việc	Thời hạn	Kết quả cần đạt	Kết quả thực hiện đến tháng 12/2020
				từ xa.
69	Hướng dẫn công tác bảo đảm an toàn thông tin cho các hệ thống nền tảng, hệ thống phục vụ phát triển Chính phủ điện tử; đẩy mạnh triển khai các hoạt động bảo đảm an toàn thông tin theo quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ	2020	Các văn bản hướng dẫn công tác đảm bảo ATTT và đẩy mạnh triển khai Nghị định số 85/2016/NĐ-CP	Hoàn thành Bộ TTTT đã ban hành 03 văn bản hướng dẫn: - Hướng dẫn yêu cầu an toàn thông tin cơ bản đối với hệ thống thông tin kết nối vào mạng TSLCD; - Hướng dẫn bảo đảm an toàn thông tin cho hệ thống quản lý văn bản và điều hành; - Hướng dẫn triển khai hoạt động giám sát an toàn thông tin trong cơ quan, tổ chức nhà nước.
	Ban Cơ yếu Chính phủ chủ trì: 02 nhiệm vụ; hoàn thành: 01 nhiệm vụ; 01 nhiệm vụ thường xuyên.			
70	Triển khai dịch vụ chứng thực chữ ký số, xác thực điện tử cho các hệ thống thông tin và các thiết bị di động để thuận tiện cho việc sử dụng của cán bộ, công chức, viên chức, các cơ quan nhà nước	2020	Dịch vụ chứng thực CKS, xác thực điện tử trên thiết bị di động cho CCVC được triển khai	Hoàn thành Ban CYCP đã triển khai khoảng 10.000 thiết bị SIM ký số trên thiết bị di động cho hầu hết các bộ, ngành, địa phương, có khoảng 400.000 chữ ký số đã được các cơ quan bộ, ngành, địa phương thực hiện trên thiết bị di động.

T T	Nội dung công việc	Thời hạn	Kết quả cần đạt	Kết quả thực hiện đến tháng 12/2020
71	Tiếp tục phát triển, mở rộng hạ tầng kỹ thuật chứng thực điện tử chuyên dùng Chính phủ đáp ứng yêu cầu cung cấp, quản lý và sử dụng chữ ký số phục vụ xây dựng Chính phủ điện tử	2020	HTKT chứng thực điện tử chuyên dùng được phát triển, mở rộng	<i>Thường xuyên</i> (hoàn thành) Ban CYCP tiếp tục phát triển, mở rộng hạ tầng kỹ thuật Hệ thống chứng thực điện tử chuyên dùng Chính phủ đáp ứng yêu cầu của hạ tầng an ninh, trọng yếu quốc gia
V	Bảo đảm các nguồn lực triển khai xây dựng Chính phủ điện tử			
	Bộ Tài chính chủ trì: 01 nhiệm vụ, đã trình (hoàn thành).			
72	Nghiên cứu, đề xuất giải pháp huy động nguồn lực (doanh nghiệp đầu tư, nhà nước thuê dịch vụ; hợp tác công tư (PPP); kinh phí sự nghiệp;...) để triển khai các dự án xây dựng Chính phủ điện tử, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.	Tháng 6/2019	Báo cáo gửi Thủ tướng CP đề xuất giải pháp huy động nguồn lực cho CPĐT	<i>Đã trình</i> (hoàn thành) - Ngày 02/12/2019, Bộ Tài chính có Công văn số 14554/BTC-NSNN báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc nghiên cứu, đề xuất giải pháp huy động nguồn lực để triển khai các dự án xây dựng Chính phủ điện tử; - Bộ Tài chính đã tổ chức lấy ý kiến các bộ, ngành, địa phương theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 1957/VPCP-KTTH ngày 13/3/2020; - Trên cơ sở ý kiến đánh giá của các bộ, ngành, địa phương, Bộ Tài chính đã có Công văn số 10305/BTC-NSNN ngày

T T	Nội dung công việc	Thời hạn	Kết quả cần đạt	Kết quả thực hiện đến tháng 12/2020
				26/8/2020 gửi Thủ tướng Chính phủ về việc hoàn thiện báo cáo giải pháp huy động nguồn lực để triển khai xây dựng Chính phủ điện tử.
Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì: 02 nhiệm vụ; hoàn thành: 02 nhiệm vụ.				
73	Nghiên cứu, trình Chính phủ về việc sử dụng một phần kinh phí từ Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam cho việc phát triển Chính phủ điện tử	Tháng 6/2019	Báo cáo đề xuất trình Chính phủ	<i>Đã trình (hoàn thành)</i> - Bộ TTTT đã có Tờ trình số 17/TTr-BTTTT ngày 07/6/2019 gửi Thủ tướng Chính phủ; - Bộ TTTT tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện báo cáo trên cơ sở ý kiến các bộ, ngành và ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ
74	Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ triển khai, phát triển Chính phủ điện tử	2020	Có chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư CSHT CNTT phục vụ CPĐT	<i>Đã trình (hoàn thành)</i> - Chính sách khuyến khích nội địa hóa nhằm hỗ trợ sản xuất các sản phẩm nội địa, nâng cao giá trị sản xuất trong nước, làm chủ công nghệ sản xuất sản phẩm để ứng dụng trong các ngành, lĩnh vực tại Việt Nam đã được quy định tại Điều 4 trong Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019;

T T	Nội dung công việc	Thời hạn	Kết quả cần đạt	Kết quả thực hiện đến tháng 12/2020
				- Đang phối hợp với một số đơn vị liên quan nghiên cứu đề xuất chính sách khuyến khích nội địa hóa nhằm hỗ trợ sản xuất các sản phẩm nội địa, nâng cao giá trị sản xuất trong nước, làm chủ công nghệ sản xuất sản phẩm để ứng dụng trong các ngành, lĩnh vực tại Việt Nam; - Đã trình Thủ tướng Chính phủ Chương trình phát triển Công nghiệp CNTT.
Các bộ, ngành, địa phương: 02 nhiệm vụ thường xuyên.				
75	Huy động các nguồn lực ưu tiên xây dựng Chính phủ điện tử/Chính quyền điện tử theo hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin trọn gói do các doanh nghiệp công nghệ thông tin cung cấp, sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành, không sử dụng nguồn vốn vay ODA có điều kiện ràng buộc để triển khai xây dựng hệ thống Chính phủ điện tử.	2020 - 2025	Có kinh phí ngân sách để thuê dịch vụ CNTT cho xây dựng CPĐT	<i>Thường xuyên (hoàn thành)</i> Các bộ, ngành, địa phương đang tích cực triển khai Nghị định số 73/2019/NĐ-CP để lập kế hoạch ngân sách thuê dịch vụ CNTT cho hoạt động Chính phủ điện tử
76	Xây dựng Chương trình, tổ chức đào	2020	Các khóa đào tạo,	<i>Thường xuyên (hoàn thành)</i>

T T	Nội dung công việc	Thời hạn	Kết quả cần đạt	Kết quả thực hiện đến tháng 12/2020
	tạo, tập huấn cho các cán bộ, công chức, viên chức về Chính phủ điện tử, khai thác sử dụng các hệ thống thông tin, dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 và làm việc trên môi trường mạng		tập huấn cho CBCC về CPĐT	Các bộ, ngành, địa phương thường xuyên đào tạo, tập huấn cho CBCC về ứng dụng CNTT, CPĐT
	Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì: 01 nhiệm vụ, thường xuyên.			
77	Tiếp tục thực hiện các giải pháp để nâng cao chỉ số thành phần nguồn nhân lực của Việt Nam theo phương pháp đánh giá Chính phủ điện tử của Liên hợp quốc, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức quốc tế liên quan để cung cấp các số liệu cho các tổ chức quốc tế	2020	Thực hiện các giải pháp nhằm cải thiện xếp hạng chỉ số thành phần nguồn nhân lực theo đánh giá của LHQ	Thường xuyên (hoàn thành) Bộ GDĐT đang tích cực thực hiện các giải pháp để nâng cao chỉ số thành phần nguồn nhân lực. Chỉ số nguồn nhân lực Việt Nam đã tăng 3 bậc so với năm 2018 lên thứ 117/193 theo đánh giá của Liên Hợp quốc năm 2020.
	Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì: 01 nhiệm vụ, thường xuyên.			
78	Tiếp tục triển khai Chương trình nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, các giải pháp tích hợp, ứng dụng, sản phẩm công nghệ thông tin phục vụ xây dựng Chính phủ điện tử hướng tới nền kinh tế số, xã hội số dựa trên dữ liệu mở, ứng dụng các	2020	Tiếp tục triển khai Chương trình NCKH phục vụ xây dựng CPĐT	Thường xuyên (hoàn thành) Bộ KHCN đang phối hợp thực hiện Chương trình KC.01.23/16-20 nghiên cứu phát triển nền tảng triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) cho công thông tin điện tử của cơ quan nhà nước và sẽ triển khai thử nghiệm thực tế, đánh giá tại

T T	Nội dung công việc	Thời hạn	Kết quả cần đạt	Kết quả thực hiện đến tháng 12/2020
	công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (Blockchain), Internet kết nối vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (Big Data), giao diện lập trình ứng dụng mở (Open API)...			Cổng TTĐT của Bộ Khoa học và Công nghệ.
Bộ Nội vụ chủ trì: 01 nhiệm vụ, đang thực hiện.				
79	Nghiên cứu, xây dựng cơ chế khuyến khích để thu hút nhân lực tham gia xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử trong bộ máy nhà nước	2020	Cơ chế chính sách thu hút nhân lực cho CPĐT được Thủ tướng phê duyệt	<i>Đang thực hiện</i> Bộ Nội vụ đã xây dựng Đề án Chiến lược quốc gia về thu hút nhân tài
Tổng công ty Bưu điện Việt Nam chủ trì: 01 nhiệm vụ, hoàn thành.				
80	Tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích trong việc triển khai Chính phủ điện tử; trong việc hỗ trợ các cá nhân, tổ chức thực hiện các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4	2020	VNPost tham gia vào triển khai CPĐT và hỗ trợ người dân thực hiện DVCTT mức 3, mức 4	<i>Hoàn thành</i> Hầu hết các tỉnh/thành phố đã triển khai các điểm hỗ trợ người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến tại các bưu cục, các điểm Bưu điện VHX để thực hiện việc hướng dẫn, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng DVCQG và cổng dịch vụ công các bộ, ngành, địa phương. Đã thực hiện chuyển trả hơn 86.104 kết quả cho các cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng

T T	Nội dung công việc	Thời hạn	Kết quả cần đạt	Kết quả thực hiện đến tháng 12/2020
				DVCQG và công dịch vụ công các bộ, ngành, địa phương.
	Bộ Thông tin và Truyền thông, Thông tấn xã Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam; các bộ, ngành, địa phương: 01 nhiệm vụ, thường xuyên			
81	Tích cực triển khai chương trình truyền thông để nâng cao nhận thức thay đổi thói quen hành vi, tạo sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp về phát triển Chính phủ điện tử	2020	Truyền thông về phát triển CPĐT trên các phương tiện truyền hình, truyền thanh, báo chí, Internet	<i>Thường xuyên (hoàn thành)</i> Các đài phát thanh, truyền hình, báo chí đã tích cực tuyên truyền, hình thành các chuyên mục, trang tin về phát triển CPĐT
VI	Thiết lập cơ chế bảo đảm thực thi			
	Các bộ, ngành, địa phương: 01 nhiệm vụ, hoàn thành.			
82	Thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng Chính phủ điện tử/Chính quyền điện tử; Tổ công tác giúp việc của Trưởng ban	Tháng 3/2019	Các bộ, ngành, địa phương thành lập BCĐ CPĐT/CQĐT	<i>Hoàn thành</i> Các bộ, ngành, địa phương đã thành lập.
	Bộ Thông tin và Truyền thông: 01 nhiệm vụ, hoàn thành			
83	Nghiên cứu xây dựng bộ chỉ số đo lường, đánh giá hiệu quả, chất lượng kết quả thực thi nhiệm vụ triển khai xây dựng Chính phủ điện tử; xây	2020	Bộ chỉ số đo lường kết quả thực thi các nhiệm vụ triển khai xây dựng Chính phủ	<i>Hoàn thành</i> Bộ TTTT đã có Quyết định số 1726/QĐ-BTTTT ngày 12/10/2020 phê duyệt Đề án “Xác định Bộ chỉ số đánh giá chuyển

T T	Nội dung công việc	Thời hạn	Kết quả cần đạt	Kết quả thực hiện đến tháng 12/2020
	dựng cơ chế theo dõi, đánh giá, giám sát trách nhiệm giải trình, ra quyết định và xử lý kịp thời các vướng mắc về thể chế, nguồn lực tài chính, giải pháp công nghệ và con người để bảo đảm thực thi hiệu quả mục tiêu xây dựng Chính phủ điện tử.		điện tử được xây dựng và triển khai	đổi số của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và của quốc gia”, trong đó có nhóm các chỉ số đánh giá về ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số.